

TÔI HỌC LÀM THẦY

Võ Phá



Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn 2006

Tôi Học Làm Thầy

Võ Phá

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Mục lục](#)

[Giới thiệu](#)

[THƯ GỢI CHO HỌC SINH CŨ ĐỂ THAY LỜI GIỚI THIỆU](#)

[THẦY ROBIN](#)

[THẦY REHM](#)

[THẦY SAINT JOHN](#)

[HOÀNG ĐẾ VĨ ĐẠI](#)

[NHỮNG ÔNG THẦY NHÓC CON](#)

[CÁI QUẦN SẠCH](#)

[TẢO HÔN](#)

[DON BOSCO](#)

[ZÉRO LOẠI](#)

[ĐƯA BÉ BỊ PHẠT](#)

[HỘI ĐỒNG THI](#)

[MÀ LẠI RÚT RUỘT](#)

[NGƯỜI VIỆT CAO QUÝ](#)

[RỬA LỖ TAI](#)

[NHỮNG CON ROI MÂY](#)

[HƯ CHIÊU VÀ THỰC CHIÊU](#)

[MỤC ĐÍCH VÀ BIỆN PHÁP](#)

[KHUÔN VÀNG THƯỚC NGỌC](#)

[SÁCH GIÁO KHOA](#)

Mục lục

[THƯ GỬI CHO HỌC SINH CŨ ĐỂ THAY LỜI GIỚI THIỆU](#)

[THẦY ROBIN](#)

[THẦY REHM](#)

[THẦY SAINT JOHN](#)

[HOÀNG ĐẾ VĨ ĐẠI](#)

[NHỮNG ÔNG THẦY NHÓC CON](#)

[CÁI QUẦN SẠCH](#)

[TẢO HÔN](#)

[DON BOSCO](#)

[ZÉRO LOẠI](#)

[ĐỨA BÉ BỊ PHẠT](#)

[HỘI ĐỒNG THI](#)

[MA LAI RÚT RUỘT](#)

[NGƯỜI VIỆT CAO QUÝ](#)

[RỬA LỖ TAI](#)

[NHỮNG CON ROI MÂY](#)

[HƯ CHIÊU VÀ THỰC CHIÊU](#)

[MỤC ĐÍCH VÀ BIỆN PHÁP](#)

[KHUÔN VÀNG THƯỚC NGỌC](#)

[SÁCH GIÁO KHOA](#)

Tôi Học Làm Thầy

THƯ GỬI CHO HỌC SINH CŨ ĐỂ THAY LỜI GIỚI THIỆU

Các em học sinh cũ thân mến,

Ngày xưa, khi tôi còn là học sinh trung học, trong những câu chuyện mà thỉnh thoảng thầy kể cho chúng tôi nghe, tôi còn nhớ một chuyện cảm động xảy ra trong thời Đế nhị Thế chiến. Đã hơn nửa thế kỷ trôi qua, chuyện này vẫn còn trong ký ức tôi, nhưng nhiều chi tiết về tên người và địa danh đã bị nhòe đi vì năm tháng. Mặc dù vậy, hôm nay tôi vẫn muốn kể lại cho các em nghe câu chuyện ngày xưa đó.

Vào năm 1944, trong một trại tù binh của Nhật Bản tại một xứ ở vùng Nam Á, có một đôi bạn tù, một là người Anh, một là người Indonêxia. Họ thân nhau vì cùng ở chung một phòng giam và thường bị còng chung. Họ không nói chuyện được với nhau vì ngôn ngữ bất đồng, nhưng tình thương thì ngày một phát triển qua những tháng dài khổ dịch.

Công việc nặng nhọc, ăn uống thiếu thốn, ngày ngày bị hành hạ dã man, cơ thể lại mang đầy vi trùng sốt rét..., tù binh lần lượt ngã gục. Thần chết lặng lẽ mang từng linh hồn, từng linh hồn ra đi. Lúc đầu người ta còn xúc động khi chứng kiến một người bạn tù vĩnh biệt. Dần dần, sự chết chóc xảy ra thường xuyên làm cho tâm hồn họ chai lỳ. Họ uể oải đào huyệt trên nền đất cứng, họ thản nhiên đặt xác bạn mình xuống đó. Họ quá mệt mỏi, có khi không còn đủ sức đọc hết bài kinh cầu nguyện cho linh hồn người chết.

Tử thần bay qua lượn lại trên những trại tù. Một hôm, Tử thần vươn dài tay, đặt lưỡi hái vào đúng người bạn tù Indonêxia của chúng ta. Trước khi nhắm mắt, anh nắm tay người bạn xứ Anh, đôi mắt thần thờ nhìn vào cõi hư vô, miệng nói lời trăng trối. Anh muốn nhắn bạn mình, nếu sống sót qua chiến tranh, hãy đến gia đình báo tin và an ủi những người thân ở quê nhà. Người Anh hiểu ý muốn của bạn, không phải qua lời nói mà qua cái nhìn của người sắp chết. Từ đôi mắt lơ đãng, có một tia nhỏ như cây kim chạy xuyên qua quả tim và khối óc của người Anh. Người Anh siết tay bạn, thốt thức:

- Tôi hứa, tôi xin hứa làm theo lời bạn dặn.

Ngọn gió Đông Nam thổi ào ào qua tàn lá, thốc vào căn trại làm rung rinh ánh đèn vàng

vọt. Người Anh cảm thấy môi trên của bạn mình khẽ nhếch lên. Một nụ cười mẫn nguyện, một lời cảm ơn không thành tiếng nói? Có lẽ cả hai.

Bàn tay người chết buông xuôi. Người Anh vuốt mắt bạn mình và ngạc nhiên khi thấy tay mình chạm vào một giọt nước, không hiểu làm sao tiết ra được từ cơ thể khô héo này. Anh nghẹn ngào lập lại:

- Tôi xin hứa, không phải với bạn nữa mà với linh hồn đáng thương của bạn.

Một năm trôi qua trong các cánh rừng già nhiệt đới, người Anh và một số ít người khác đã chiến thắng số mệnh, tránh khỏi lưỡi hái của Thần Chết và được quân đội Đồng Minh giải thoát. Anh trở về nước trong tư thế kẻ thắng trận, ân nhân của dân tộc Anh và của cả loài người.

Chưa có vợ con nên sau một năm dưỡng bệnh và nghỉ ngơi, năm 1946, anh gom góp tiền bạc, lên đường sang Indonêxia để thực hiện lời hứa trong tù. Công việc cực kỳ khó khăn vì anh chỉ biết tên người bạn qua các lần điểm danh còn địa chỉ thì vốn vẹn một chữ DJAKARTA mà thôi!

Djakarta rộng mênh mông vì đây là thủ đô của một đất nước có đến hơn một trăm triệu dân. Anh đến bộ Quốc phòng, bộ Nội vụ và nhiều cơ quan khác để hỏi tung tích người đã mất. Chẳng được kết quả gì. Một nước lạc hậu, sau chiến tranh thì có một núi công việc để làm hơn là truy tìm tung tích của một người. Công cuộc tổ chức lại xã hội sau khi thoát khỏi sự chiếm đóng của phát xít Nhật và trong thời kỳ tranh đấu cho nền độc lập hoàn toàn để chấm dứt sự cai trị của thực dân Hà Lan làm cho mọi người quá bận rộn nên công việc dò la của anh trở thành lạc điệu.

Anh tìm mua một tấm bản đồ của thủ đô Djakarta. Anh đánh số các con đường và quyết định một cách điên cuồng là lần theo từng khu phố, đi hỏi từng nhà bằng câu tiếng bản xứ mà anh mới học được:

- Đây có phải là nhà của ông..., bị mất tích trong Đế nhị Thế chiến hay không?

Thế là sau gần ba tháng đến Djakarta và mất thì giờ một cách vô ích với các cơ quan của chính phủ, anh bắt đầu công việc mò kim đáy biển.

Ngày thứ nhất trôi qua mà chẳng có kết quả gì. Rồi các ngày kế tiếp, các tháng kế tiếp lần lượt đi qua. Anh lặp đi lặp lại động tác rung chuông hay gõ cửa, nói trọ trẹ bằng tiếng địa phương câu hỏi trên đây và luôn luôn nhận được vẻ mặt ngạc nhiên và cái lắc đầu của người đối diện.

Một buổi chiều, khi về khách sạn, anh đánh dấu trên bản đồ quãng đường đã đi qua trong ngày. Số thứ tự các con đường tăng lên một cách chậm chạp vì các con hẻm nhỏ ngoằn ngoèo không có trong bản đồ. Hàng trăm lần, anh tự nhủ không được nản chí và bỏ cuộc.

Thỉnh thoảng, quá mệt mỏi, anh nghỉ ngơi vài ngày, đi du lịch đó đây cho khuây khỏa để lấy lại sức và lòng can đảm. Anh cũng thường gửi thư về nhà cho người thân và cho bạn bè. Mọi người đều thông cảm và xót xa; họ gởi tiền để yểm trợ cuộc sống của anh.

1948, hơn hai năm dài đằng đặc đã trôi qua, lòng hăng hái và hy vọng tàn lụi dần theo năm tháng. Một buổi sáng, anh bước vào một căn nhà nhỏ tối tăm với một tâm trạng lãnh đạm và thờ ơ, khác xa với thái độ hăng hái của những ngày đầu tiên.

Gian nhà nhỏ bé, nghèo nàn. Tựa vào tấm vách cuối phòng là một bàn thờ đơn sơ. Anh đứng sững, trở mắt nhìn tấm ảnh trên bàn thờ. Trời ơi! Một khuôn mặt! Khuôn mặt tuy còn rất trẻ nhưng rất quen thuộc đối với anh. Khuôn mặt này, trước đây hàng đêm đối diện với anh, vì tay còng chung thì không thể ngoảnh mặt sang phía khác được.

Một bà già xuất hiện ở bệ cửa cuối phòng. Anh la lớn câu hỏi quen thuộc, giọng lạc hẳn đi. Bà già trở mắt nhìn anh, miệng há hốc. Bà không hiểu thiên thần hay ác quỷ đang xuất hiện. Tuy nhiên, bà cũng run run đáp lời:

- Đúng, nó là con trai duy nhất của tôi.

Chưa dứt lời, bà già ôm mặt khóc òa. Anh cũng khóc theo. Khi bạn anh chết, anh không hề khóc. Còn bây giờ, sau hơn hai năm thực hiện lời hứa, anh có cảm tưởng như đi tìm người thân nhất đời.

Anh đã đi đến nơi và anh đứng khóc như một đứa trẻ thơ...

Câu chuyện đến đây là hết. Thầy tôi kết luận:

- Con người như thế thì không bao giờ nuốt lời hứa. Khi không thực hiện lời đã hứa thì họ không bao giờ tha thứ cho mình được.

Thầy tôi không giải thích thêm «con người như thế» là gì nhưng trong thâm tâm chúng tôi đều hiểu và lòng tự nhủ rằng mình phải là *con người như thế*.

Rõ ràng câu chuyện có tác dụng rất cao về giáo dục chữ tín. Thầy tôi cũng không nói đây là câu chuyện có thực một trăm phần trăm hay là một chuyện ngẩn ngơ tưởng tượng của ai đó. Nhưng dù thế nào đi nữa, câu chuyện cũng làm cho tôi xúc động sâu xa. Có lẽ nhờ đó mà sau này, hứa với ai điều gì thì tôi cố gắng làm tròn lời hứa đó.

Đối với các em học sinh cũ của tôi, có một lời hứa mà tôi đã lặp đi lặp lại hàng trăm lần. Tuy không nghiêm trọng bằng lời hứa của người Anh trong câu chuyện, nhưng dù sao, đó cũng là một lời hứa mà tôi vẫn không quên.

Trong mấy chục năm đứng trên bục giảng, tôi thường bắt chước thầy tôi, giáo dục các em bằng những câu chuyện. Tôi không thích chuyện tưởng tượng của người khác, nên tôi

thường kể những chuyện có thực trong cuộc đời mà tôi đã chứng kiến.

Tôi đã có dịp đi đây đi đó nhiều nơi trên dải đất miền Nam thân yêu, từ Quảng Trị đến Cà Mau, nên những câu chuyện của tôi thường gắn liền với những địa phương mà tôi đã đi qua. Có lần, học sinh gọi những phút kể chuyện này là tiết mục «*ca tụng giang sơn gấm vóc*». Tôi rất vui trong lòng khi thấy tiết mục *ca tụng giang sơn gấm vóc* này làm cho các em ưa thích hơn những bài địa lý khô khan.

Có lẽ tôi đã mô tả giang sơn gấm vóc của chúng ta qua tâm tình và sự xúc động chân thành của tôi. Từ khi con rất bé, tôi đã ngẩn ngơ khi lần đầu tiên đứng trước vịnh Cam Ranh, nhìn những dãy núi xanh lơ bao quanh một vùng nước bạc mênh mông. Tôi đã ngây ngất khi đi xuyên qua khu rừng Vĩnh Viễn xanh tươi, say đắm ngắm nhìn con đường cái quan ngoằn ngoèo trên quãng đường đèo An Khê, trườn mình uốn lượn giữa vùng cây lá bạt ngàn. Tôi đã cảm thấy lòng phơi phới khi đi trên những con đường làng rợp bóng mát của vùng đồng bằng Cửu Long, hay trên những bờ kênh êm ả, một bên là dòng nước đục phù sa, một bên là ruộng lúa mênh mông, cò bay thẳng cánh...

Lòng yêu nước không thể sinh ra từ những bài học khô khan hay những bài diễn văn đầy sáo ngữ. Lòng yêu nước phải xuất phát từ những rung động trong tim khi đứng trước những cảnh trí tuyệt vời của đất nước thân yêu.

Tôi biết các em không được may mắn đi đây đi đó như tôi, nên tôi muốn truyền lại cho các em sự rung cảm mà tôi có, tôi muốn ươm trong lòng các em mầm mống của lòng yêu nước. Vì lòng yêu nước tạo nên hạnh phúc cao sang nhất của cuộc đời.

Xen với những câu chuyện *ca tụng giang sơn gấm vóc*, tôi cũng thường kể cho các em nghe các mẫu chuyện thực bên ngoài học đường, vì tôi không muốn các em mang cả một bầu ảo tưởng để vào đời. Cuộc đời này có biết bao nhiêu cái đẹp lẫn với lắm điều xấu xa. Tôi muốn các em ý thức rõ cái đẹp cũng như cái xấu để tự định cho mình một hướng đi thực tế, khôn ngoan và phù hợp với đạo lý làm người.

Tôi sung sướng thấy các em bao giờ cũng khao khát nghe những câu chuyện của tôi. Nhưng tiếc thay, những giây phút đó quá ít ỏi. Từ khi bắt đầu ra dạy, tôi luôn luôn bị «trấn» vào các lớp đi thi. Chương trình thì quá nặng, trách nhiệm đối với kỳ thi của các em thì quá lớn, làm sao tôi dám buông lời. Vì vậy năm nào cũng thế, lớp nào cũng thế, các em đòi hỏi «*kể chuyện «đời»*», và trong hầu hết các trường hợp, tôi đành hứa với các em: «*đến khi có dịp*». Thực ra, chẳng có dịp nào cả, khi thầy trò mãi miết chạy theo chương trình học và đến cuối năm thì chia tay.

Các em lên đại học hoặc ra kiếm sống trong cuộc đời, công việc bận rộn tẩy xóa dần sự yêu thích nghe thầy kể chuyện. Còn tôi thì ở lại đón nhận lớp đàn em, lại tiếp tục chạy thanh toán chương trình và nói những lời hứa suông.

Bây giờ, tôi ngồi đây một mình, thanh thoi với tuổi già, không còn tất bật với công việc mà cuộc đời đã giao phó cho tôi. Tôi đang có quá nhiều thời giờ để *kể chuyện đời* cho các em

nghe, nhưng các em như đàn chim đã lần lượt lìa tổ ấm quá lâu, cuộc đời đã kể cho các em nghe ngàn vạn câu chuyện hay ho và hấp dẫn hơn những câu chuyện mà tôi đã hứa với các em. Lời hứa của tôi xưa kia, các em không còn nhớ nữa để đòi. Nhưng tôi thì vẫn nhớ, nhớ một cách êm đềm với nỗi buồn thoáng thoáng, mênh mang.

Tôi nhắm mắt lại, bước những bước dài vào dĩ vãng. Tôi đứng trước mặt các em trong lớp học ăm cúng. Tôi nhìn những đôi mắt thơ ngây, hồn nhiên và trong sáng của các em; tôi bắt đầu kể cho các em nghe vài mẩu chuyện đời, những mẩu chuyện của chính cuộc đời mình...

Tôi đặt viết vào trang giấy nhưng cây viết vẫn đứng yên. Ở cái tuổi bảy mươi, khi muốn đưa dĩ vãng về hiện tại, thì mọi thứ cùng lúc đổ dồn về một cách ào ạt. Trong cái đám hỗn độn đó tôi phải chọn lựa một góc nhỏ nhỏ thì mới có thể trình bày cho mạch lạc được.

Tôi nhớ lại vào khoảng năm 1967, nghĩa là cách nay độ ba mươi chín năm, trong lớp đệ nhất, tức là lớp mười hai, mà tôi hướng dẫn có một học sinh rất giỏi và rất ngoan, tháng nào em cũng đứng nhất lớp và cuối năm lãnh phần thưởng toàn trường. Một hôm, trước giờ vào lớp, tôi hỏi em:

- Sau này học xong em thích làm nghề gì?

Em nhìn tôi và trả lời không chút lưỡng lự:

- Thừa thầy, con sẽ làm cô giáo!

Nói xong em cười. Tôi đọc được trong nụ cười đó một nét rạng rỡ đáng yêu. Tôi hỏi tiếp:

- Tại sao em thích làm cô giáo?

Em lại mỉm cười:

- Tai còn thích được đi dạy như thầy, được bắt chước phong cách của thầy. Con sẽ học cách thầy chào học sinh khi vào lớp, cách thầy đứng giảng bài, một tay cầm phấn, một tay đưa ra trước như mời mọc học sinh thu nhận kiến thức của thầy.

Tôi lặng người vì lời khen đó của đứa học trò nhỏ. Tôi không có thói quen tự đề cao mình trước mặt người khác, nhưng với lời khen mà đứa học trò vừa ban cho tôi thì tôi nở lòng nào không nhận. Bây giờ tôi vẫn còn nhớ khuôn mặt thùy mị, thơ ngây, tươi vui của em và tôi bỗng bật cười khi chợt nghĩ rằng câu chuyện xảy ra cách nay đã hơn một phần ba thế kỷ, em đã già và có thể đã trở thành bà nội, bà ngoại rồi.

Hết năm học đó, tôi chuyển trường và chuyển chỗ ở, không còn gặp em nữa, nên không biết em có được làm cô giáo như nguyện vọng thời thơ ấu hay không. Lời khen của đứa học trò nhỏ vẫn vắng vắng bên tai tôi trong mấy chục năm trời và đó chính là phần

thưởng cao quý nhất mà tôi nhận được trong nghề nghiệp của mình.

Nhờ nhớ lại chuyện cũ mà bây giờ tôi tìm được đề tài để viết rồi đây. Tôi sẽ viết lại những bài học mà tôi nhận được ở thầy, ở bạn và ở cả học trò trong đời tôi. Chính những bài học đó đã giúp tôi trau dồi khả năng giáo dục, hoàn thành phần nào bốn phận của mình đối với xã hội, được nhận lời khen của lứa học trò nhỏ xưa kia và được hưởng cuộc sống thanh thản ngày nay. Tôi cũng mong những bài học đó cũng trở thành những bài học cho các thầy cô đàn em của tôi. Nếu được như thế thì nguồn vui trong tuổi già của tôi được tăng lên gấp bội.

THẦY ROBIN

Trong năm thứ nhất của tôi ở Đại học Sư phạm Sài Gòn, thầy dạy môn Pháp văn tên là Robin. Có lần thầy nói đùa, tự gọi mình là *Robin des bois*, một anh hùng hảo hớn thời Trung cổ, theo truyền thuyết của nước Anh. (Người Anh gọi anh hùng đó là Robin Hood).

Không, Thầy không phải là anh hùng hảo hớn mà là một tiến sĩ ngôn ngữ học rất cừ khôi, một nhà giáo dục tuyệt vời.

Từ bậc tiểu học rồi suốt bậc trung học, chúng tôi dùng tiếng Pháp làm chuyên ngữ, thế mà bây giờ, học với Thầy mới thấy mình nói sai quá nhiều chỗ. Thầy không biết tiếng Việt, thế mà có lần Thầy bắt chước người Việt nói một câu tiếng Pháp làm chúng tôi nhin cười không được; y hệt một anh Việt Nam gà mờ nói tiếng Pháp. Rồi Thầy bắt chước một người Mỹ nói tiếng Pháp, chúng tôi lại cười lẫn một lần nữa. Sau đó Thầy phân tích thao tác của lưỡi, răng, môi và vị trí của âm thanh trong miệng để giúp chúng tôi sửa chữa những sai lầm cũ... Quả thực, Thầy là một nhà ngôn ngữ học tài ba.

Thầy đi dạy nhiều nơi trong vùng Đông Nam Á. Học trò của Thầy thuộc nhiều quốc tịch khác nhau. Suốt đời, Thầy cặm cùi đi truyền dạy kiến thức và đạo lý một cách rộng rãi chứ không riêng cho dân tộc nào. Chúng tôi thường hỏi Thầy những nước mà Thầy đã đi qua. Lần cuối, trước khi sang Việt Nam, Thầy dạy ở Indonêsi-a. Thầy kể câu chuyện nghịch phá của sinh viên Indonêsi-a:

- Hôm đó, dạy xong, tôi ghé qua văn phòng làm chút việc rồi mới ra về. Nơi vị trí để xe của tôi trống trơn, tôi hết sức ngạc nhiên, vì biết rằng không có kẻ trộm nào có thể lọt được vào khuôn viên Đại học. Trên sân trường, các sinh viên nhìn tôi rồi nhìn lên lầu, cười khúc khích. Tôi bước ra sân và nhìn lên cao. Ô hô, tôi đứng sững vì ngạc nhiên, chiếc ô tô của tôi đã nằm gọn trên lầu hai! Các em thấy đó, chiếc xe mà tôi đang đi hiệu Citroën hai mã lực, loại xe nhẹ bậc nhất thế giới. Nhưng mang một xe hơi lên lầu hai thì không thể tưởng tượng được. Thấy vẻ ngờ ngác của tôi, cả trường cười ầm lên một cách vui vẻ. Bấy giờ, một sinh viên đến nói với tôi: «*Nếu Robin des bois tuyên bố đầu hàng, chúng em sẽ đem xe xuống cho Thầy*». Được, Robin des bois này xin chịu đầu hàng. Thế là sáu anh sinh viên lực lưỡng chạy bay lên lầu hai, kê vai vào khiêng bổng chiếc xe, thông thả lượn qua các cầu thang và đưa xe xuống sân trường. Tôi bước lên xe, tất cả sinh viên cúi đầu chào từ giã một cách lễ phép. Tôi không chào lại mà đưa cả hai tay lên đầu hàng một lần nữa để ngày mai khỏi bị rắc rối như hôm nay.

Câu chuyện của Thầy thực thú vị. Lời nói và dáng điệu của Thầy trong khi kể làm cho câu chuyện càng hấp dẫn hơn. Khi thầy kể xong, tôi cảm thấy có nhiều cặp mắt bạn bè nhìn về

phía tôi như có ý xúi giục tôi tổ chức một trò vui gì đó tương tự. Không biết Thầy có để ý những cái nhìn đầy ý nghĩa đó hay không. Có lẽ có, nên Thầy tiếp lời:

- Ở đây, tôi không sợ trò chơi đó. Tôi không nói sinh viên Việt Nam hiền hơn sinh viên Indonêsia mà vì ở đây, nhà trường không có các hành lang trên các tầng lầu để mang ô tô của tôi lên đó, thế thôi.

Quả thực vậy, lúc bấy giờ, trường Đại học Sư phạm Sài Gòn đang sử dụng tạm mấy dãy lầu nội trú của Lycée Pétrus-Ký xưa kia nên các tầng lầu đều không có hành lang.

Thế đó, Thầy Robin của chúng tôi dạy hay, lại hiền lành vui vẻ và gần gũi với sinh viên nên được học trò thương mến. Hơn thế nữa, Thầy là một nhà đạo đức. Bài học đạo đức của Thầy thường rất bất ngờ. Có một lần, dạy chúng tôi nói cho chuẩn âm j và âm z trong tiếng Pháp, Thầy nói:

- *Le plaisir est l'ennemi de la joie* (lạc thú là kẻ thù của nguồn vui).

Nói xong, Thầy đưa tay lên đầu, bốc một nắm tóc và bảo:

- Các em hãy nhìn nắm tóc muối tiêu này và hãy tin lời nói của tôi.

Chúng tôi đều cảm động nhìn mái tóc của Thầy đã ngả sang màu bạc của muối nhiều hơn tiêu. Lúc đó, tôi còn quá trẻ để hiểu hết câu nói của Thầy. Càng lớn tuổi, tôi thấy lời dạy của Thầy càng thâm thúy vì đó không phải là bài học luân lý tầm thường mà mang nhiều tính chất triết lý cao cả.

Sau này, khi ra dạy tôi vẫn nhớ mãi câu nói vàng ngọc đó và nhiều lần lập lại cho học sinh nghe. Chắc chắn, với câu nói đó của Thầy Robin, tôi đã gieo vào đầu nhiều học sinh của tôi những ý nghĩ lành mạnh để các em chống lại những cám dỗ thấp hèn mà tuổi trẻ thường gặp phải. Ngày nay, những cám dỗ đó càng ghê gớm hơn nữa, các thầy cô đang dạy nên lưu ý.

THẦY REHM

Mới vào năm thứ nhất, gặp Thầy tôi đã mê ngay. Dáng Thầy cao và gầy, nụ cười luôn chực sẵn trên môi và trên đôi mắt của Thầy. Miệng Thầy ăn nói có duyên, mắt Thầy nhìn sinh viên với chan chứa yêu thương.

Thầy dạy vật lý. Bài học của Thầy thường rất khó, đặc biệt là phần «*sự chuyển đổi các dạng năng lượng*» trong chương trình học của chúng tôi. Thế nhưng, không phải Thầy dạy theo lối thông thường mà Thầy rót kiến thức chảy vào trí óc chúng tôi, cũng như ta rót nước vào chai qua một cái phễu vậy. Chỉ có cái chai nào không chịu mở nắp thì nước mới không chui vào được. Khi giảng bài, Thầy hay bước xuống tận bàn học để hỏi từng người một cách thân mật, điều hiếm có đối với các giáo sư đại học; có lẽ chỉ riêng ở trường Sư phạm, sinh viên chúng tôi mới được đối xử như vậy.

Thế mà, một hôm, Thầy nổi giận đùng đùng làm cả lớp khiếp vía.

Đó là một sáng mùa đông khô khan và có gió lạnh, tiết học thứ nhất là giờ lên lớp của Thầy. Thầy vào lớp đúng giờ, không sai một phút, bao giờ cũng thế. Bài giảng bắt đầu ngay tức thì.

Khoảng mười phút sau, có một chị vào trễ. Thầy ngừng ngay giữa câu giảng, quay lại, cái lưng hơi khòm, cái nhìn dán chặt vào chị bạn của chúng tôi một cách lạ lùng. Có lẽ vì khiếp sợ, chị cúi đầu xuống và lặng lẽ bước đến cuối lớp.

Thầy vẫn đứng im, mặt tái dần. Đột nhiên, thầy bẻ đôi viên phấn đang cầm ném mạnh xuống đất và hét lớn:

- Đứng đó! Chị vào Sư phạm để ra dạy học trò mà đi trễ như thế sao? Chị không biết đi trễ là có lỗi hay sao mà thần nhiên về chỗ như vậy?

Chị bạn của chúng tôi quay lại nhìn Thầy, mặt tái xanh. Bỗng chị khóc òa. Như một cây đổ, chị buông mình xuống ghế và gục mặt trên bàn, nước nỏ, đôi vai rung lên qua tiếng nấc.

Thầy vẫn đứng yên, im lặng nhìn; trên nét mặt, ngọn lửa cuồng nộ tắt đi nhanh chóng, đôi mắt rực sáng bỗng dịu lại một cách buồn bã. Tôi ngồi bàn đầu nên nghe tiếng Thầy thì thầm như tự nói với mình:

- Xin lỗi, xin lỗi, tôi thực là vô ý.

Mấy mươi năm dạy học, tôi cố gắng không vào lớp trễ giờ, vì buổi học hôm đó ở trường Đại học Sư phạm chưa bao giờ phai mờ trong ký ức tôi.

Thầy Rehm, người Thầy mà tôi kính mến biết bao! Buổi sáng hôm đó tôi đã nhận được nơi Thầy một bài học để đời.

THẦY SAINT JOHN

Đầu năm thứ hai, nhà trường thông báo: môn *Phân loại thực vật* sẽ do Giáo sư Saint John giảng dạy. Giáo sư là một nhà bác học, quốc tịch Hoa kỳ, nổi tiếng về công trình nghiên cứu thực vật trên các đảo nhỏ ở miền Nam Thái Bình Dương.

Thì giờ của Thầy rất eo hẹp nên các buổi dạy đều diễn ra trong giảng đường Đại học Sư phạm, chung cho cả hai trường đại học anh em là Đại học Khoa học và Đại học Sư phạm.

Chúng tôi rất mong sớm nhìn mặt nhà bác học thế giới, vì vậy ở buổi học đầu tiên, sinh viên hai trường vào ngồi kín giảng đường, trước khi giờ học bắt đầu. Tiếng nói chuyện làm cho lớp học rộng lớn ồn ào như cái chợ. Sinh viên túm tụm lại thành nhiều nhóm. Họ tranh cãi về nhiều đề tài. Mấy tháng nghỉ hè vừa chấm dứt, có trăm ngàn chuyện để nói với nhau.

Tôi và vài bạn cùng lớp chiếm được các ghế đầu tiên, ngay cửa ra vào. Tôi không nói chuyện và có ý chờ đợi. Đến giờ, nhà bác học vẫn chưa đến, chỉ thấy một ông già Việt Nam bước vào. Ông ăn mặc lôi thôi, áo ngoài quần, chân đi dép lẹp xẹp. Ông bước lên bục giảng, rộng như một sân khấu, lấy khăn lau sạch hai tấm bảng đen. Mọi người vẫn tiếp tục nói chuyện thực rôm rả. Tôi nghĩ thầm: «Năm nay, nhà trường mới tuyển thêm một lao công, chuyên lo vệ sinh cho giảng đường».

Lau bảng xong, ông già bước đến đứng ngay ngắn sau bục thuyết trình, cầm máy vi âm lên. Tiếng động lộc cộc trong loa làm cho mọi người giật mình. Tiếng nói chuyện ồn ào im bật như một phép màu, chỉ còn tiếng chân chạy rầm rập về chỗ ngồi. Tất cả hội trường đứng lên chào một cách nghiêm trang. Ông già mỉm cười nghiên mình đáp lễ.

Ông già lúi xùi đó chính là giáo sư Saint John, nhà bác học đã từng chu du khắp thế giới với biết bao nhiêu bài thuyết trình về thực vật học cho hàng ngũ bác học, giáo sư và sinh viên trên nhiều nước tiên tiến của hành tinh này!

Không một tài liệu nào mang theo, một tay cầm máy vi âm, một tay cầm viên phấn trắng, giáo sư giảng đến hết giờ rồi bước xuống bục, đi thẳng ra cửa, lặng lẽ và giản dị như khi bước vào.

Thầy là người Mỹ gốc Trung Hoa, cư ngụ ở tiểu bang Hawaii, sang dạy tại Việt Nam bằng tiếng Pháp. Bốn quốc tịch gặp nhau ở Thầy một cách lạ kỳ.

Vì là người Mỹ, phải dạy bằng tiếng Pháp theo kế ước nên Thầy nói hơi khó nghe. Với bài giảng theo giáo án soạn sẵn, Thầy nói trôi chảy nhưng khi đụng đến những vấn đề ngoài khoa học, thầy thường ấp úng và đôi khi dùng nhầm chữ nghe thực tức cười.

Thầy là người gốc Trung Hòa chính cống, với một trăm phần trăm máu Hán tộc nên trong bề ngoài không khác gì người Việt Nam chúng ta. Thầy không bao giờ để ý trau chuốt cái bề ngoài đó nên trông Thầy không khác chút nào dân lao động mà ta thường thấy. Lần đầu tiên gặp Thầy, không ai có thể nghĩ đó là một giáo sư đại học, một nhà bác học đã thành danh.

Theo thói quen lên lớp, để tỏ lòng tôn kính tác giả, trong bài học cho sinh viên, các giáo sư thường ghi thêm tên nhà bác học cùng năm khám phá ra vấn đề đang được giảng dạy. Vì vậy, trong bài trình bày của Thầy có nhiều chữ Saint John, tên của chính Thầy, cùng con số của năm khám phá. Có những con số rất gần với năm học; sinh viên rất thích thú vì biết rằng đang học được những điều mới mẻ nhất thế giới do chính tác giả trình bày.

Sinh viên vừa nghe, vừa cầm cúi ghi chép.

Thỉnh thoảng, bài học của Thầy cũng gián đoạn vì những câu chuyện lý thú ở những đảo hoang mà Thầy đến nghiên cứu. Có một lần, Thầy được tàu thủy đưa đến một đảo nhỏ ở phía nam quần đảo Polynésie. Ở đó Thầy phải tìm cho được một loại dương xỉ để lấp đầy bảng phân loại thực vật theo thuyết tiến hóa. Tàu thả neo tí ngoài xa, thầy phải đổ bộ ban đêm bằng xuồng cao su vì nhà chức trách địa phương đã có cho hay rằng trên đảo, thổ dân còn giữ tục lệ ăn thịt người. Thầy vừa cười vừa nói đùa với chúng tôi:

- Nếu tôi bị họ bắt thì người ta sẽ ghi là «*mất tích tuyệt đối*», nghĩa là biến mất và không còn để lại thứ gì cả trên mặt đất.

Rồi Thầy kể chuyện tiếp. Sau khi Thầy đồ bộ xong, xuồng cao su trở lại tàu. Người ta hẹn, đúng một tháng sau sẽ trở lại rước, nếu Thầy... chưa bị ăn thịt.

Nơi Thầy đổ bộ là nơi hoang vắng đầy lùm bụi và cây cao rậm rạp. Phía bên kia đảo là nơi sinh sống của thổ dân. Thầy không mang theo vũ khí. Nếu bị họ bắt gặp thì Thầy sẽ chạy trốn; không thoát được thì chịu chết chứ nhất định không làm hại đến đời sống của họ. Kiến thức và tâm hồn nhà bác học đều cao cả như nhau!

Thầy giấu kỹ thức ăn khô dùng trong tháng vào một nơi kín đáo và tìm chỗ nghỉ ngơi. Cũng may, ở đảo hoang này không có rắn độc và thú dữ nên Thầy cũng đỡ lo. Ban ngày, Thầy lén lút đi nghiên cứu, ban đêm về mắc võng ngủ trên một tàn cây rậm rạp.

Có một đêm, Thầy nghe tiếng trống bập bùng xa xa. Thầy biết rằng thổ dân đang tổ chức lễ hội. Tò mò, Thầy leo xuống, đi lần về hướng đó. Dưới ánh đuốc lập lòe, Thầy thấy nhiều người đang nhảy múa như điên cuồng. Mọi thổ dân đều quần quanh mình những tàu lá to của loại cây dương xỉ, thuộc một nhóm *Quyết thực vật* mà Thầy đang cố công tìm kiếm. Thầy không đủ từ ngữ tiếng Pháp để diễn tả điệu múa của thổ dân nên vớ đại núi giẻ rách

ở góc phòng, quần quanh hông mình và uốn éo nhảy múa ngay trên bụi giăng. Vừa múa, Thầy vừa nói:

- *Comme ça, comme ça, ils font comme ça* (như thế này, như thế này, họ làm thế này).

Hội trường nổ tung với tiếng reo cười của sinh viên. Tôi cũng cười nhưng nước mắt chực ứa ra trước cảnh nhà bác học lừng danh cố gắng dùng mọi cách để diễn tả cho sinh viên hiểu điều mà nhà bác học không nói được hết bằng lời. Hình ảnh đầy xúc động đó, suốt đời tôi không quên được.

Trở lại câu chuyện mà Thầy đang kể. Sau một tháng nghiên cứu thành công, Thầy vẫn an toàn và được tàu đón về đúng hẹn, mang theo một xấp tài liệu cùng bảng vẽ và một bao mẫu vật để góp phần làm giàu cho kho tri thức của loài người.

Chuyến đi này, Thầy gặp may mắn. Nhưng đã có biết bao khoa học gia khác kém may mắn hơn. Họ đã ra đi và không bao giờ trở lại. Họ đã nhận chỗ ở cuối cùng là nơi đảo hoang, là đáy đại dương, là rừng già Phi Châu, Nam Mỹ, là các đỉnh núi Hi Mã Lạp Sơn, là không gian vô tận, là các phòng thí nghiệm hiểm nguy... Chúng ta, những người đang thừa hưởng thành quả của nền văn minh hiện tại, hay cúi đầu xuống để tưởng niệm những linh hồn bất tử đó.

Thầy Saint John, người được sắp ngang hàng với những linh hồn bất tử đó, đang đứng trước mặt tôi và đang ân cần dạy dỗ chúng tôi. Ôi, hạnh phúc biết bao, hãnh diện biết bao, những người sinh viên Sư phạm và sinh viên Khoa học lúc bấy giờ!

Sau năm học đó, tôi không còn bao giờ gặp Thầy nữa. Tuy nhiên, hình ảnh giản dị của vị bác học già nua vẫn mãi mãi nằm nơi trang trọng nhất của ký ức tôi. Và tôi đã mơ ước - xin các bạn đừng cười - mơ ước đi theo con đường khoa học của Thầy. Nhưng sau đó, cuộc chiến tranh khốc liệt đã dẫm nát hoài bão tuổi trẻ của tôi.

Sau khi ra dạy, tôi vẫn thường kể lại cho học sinh mẫu chuyện trên đây. Tôi cũng khuyến khích học sinh sưu tầm những tấm ảnh của các nhà bác học như Einstein, Newton, Pasteur, vân vân, để trang hoàng lớp. Tôi cố gắng cấy vào đầu học sinh hoài bão trở thành một người hữu ích cho đất nước và cho nhân loại. Tôi nghĩ rằng người thầy không chỉ có bốn phận truyền đạt tri thức chuyên môn cho học sinh mà ai cũng phải góp sức làm cho tâm hồn các em tốt đẹp và cao cả.

Thầy Saint John đã cho tôi một bài học lớn và tôi cũng đã truyền bài học đó lại cho học trò. Tôi vui mừng được biết trong số học trò của tôi đã có người trở thành bác học và đang dạy ở các trường danh tiếng trên thế giới.

HOÀNG ĐẾ VĨ ĐẠI

Tất cả những năm học ở Đại học Sư phạm đều kết thúc bằng một kỳ thi kéo dài và căng thẳng, qua ba giai đoạn: viết, thực hành và vấn đáp. Riêng năm cuối cùng lại thêm một giờ dạy thử nữa.

Cứ mỗi lần bước vào phòng thi vấn đáp tôi lại nhớ đến một kỷ niệm khá xưa và lý thú, vào năm 1953, lúc tôi học xong năm thứ ba của bậc trung học.

Năm đó, tôi đi thi bằng BEPC (Brevet d'études du premier cycle), tương đương với bằng tốt nghiệp trung học cơ sở ngày nay. Toàn thể hội đồng giám khảo đều từ Pháp đưa sang.

Tôi qua được kỳ thi viết và bắt đầu vào vấn đáp. Sau khi thi xong môn Văn học sử, tôi sang thi môn Sử Địa. Môn này có hai ông giám khảo hỏi, muốn vào thi với ông nào cũng được. Một ông thì gầy ốm với nét mặt hiền lành nho nhã. Ông kia thì mập to, bộ mặt gần như biến mất sau hàm râu quai nón xồm xoàm. Ông mập ngồi thu lu sau chiếc bàn, trong dữ tợn như một con gấu vĩ đại.

Thí sinh dồn cả vào phòng ông ốm. Họ ngồi đầy các ghế học sinh, chờ đợi đến phiên mình. Phòng ông mập thì trống trơn. Ông ngồi yên, mắt hau háu nhìn ra cửa để chờ đợi thí sinh bước vào. Vài thí sinh đi ngang qua, nhìn vào cặp đôi mắt tròn xoe trên khuôn mặt lồm chồm râu thì vội tránh xa và chui tọt vào phòng ông ốm.

Có lẽ ngồi mãi sốt ruột, và nghĩ rằng nếu để một mình ông ốm làm việc thì kỳ thi sẽ kéo dài, nên ông mập rời ghế, đến núp sau cửa. Vừa thoáng thấy một thí sinh đi ngang qua, ông vội chộp ngay, nắm chặt tay lôi vào.

Các bạn có đoán biết thí sinh vô phúc đó là ai không? Chính là tôi.

Tôi run rẩy bước theo «ông Kẹ» đó, tội nghiệp như cậu bé Tí hon bị ông Chăn bắt được giữa rừng già. Ông ấn vai tôi ngồi trên ghế trước bàn. Ông phục phịch ngồi xuống ghế giáo sư. Thông thường, ghế giám khảo đặt sát vách, đối diện với ghế thí sinh qua chiếc bàn. Còn ở đây, chiếc ghế giáo sư đã bị ông lôi ra từ trước, đặt bên ghế thí sinh. Như vậy chắc ăn hơn. Nếu thí sinh dợm chạy trốn thì ông có thể vồ trở lại một cách dễ dàng. Vì vậy, khi ngẩng lên, tôi có thể đếm được từng sợi râu trên mặt ông Kẹ.

Tôi kín đáo dùng tay nhéo một cái thực mạnh vào đùi mình và tự ra lệnh thầm: «*Hãy bình tĩnh, đừng sợ. Ông ta là thầy giáo thì có gì mà sợ*».

Tôi bắt đầu hết run khi vị giám khảo chìa cho tôi một chiếc hộp đựng các phiếu xếp làm tư. Tôi hồi hộp bốc một lá thăm, mở ra xem và hoan hỉ đọc to: «*Napoléon Bonaparte, campagne de Russie*» (Napoléon Bonaparte, chiến dịch trên đất Nga). Tôi thấy nhẹ nhõm vì tôi thuộc bài về Napoléon hơn hẳn các bài khác của chương trình. Nhìn vị giám khảo râu xồm đáng sợ, tôi thấy ông cười, đôi mắt sáng lên vì thích thú.

«Thôi đúng rồi, lại một người tôn sùng Napoléon như thần như thánh đây!». Tôi nghĩ thầm và nhớ đến lời thầy tôi nói thêm khi dạy bài này:

- «*Người Pháp vẫn coi Napoléon là đệ nhất anh hùng của dân tộc họ. Ngày nay và có lẽ mãi mãi sau này, nhiều người vẫn tôn sùng Bonaparte như thần như thánh*».

Thế là tôi có ngay biện pháp để lấy lòng giám khảo. Dĩ nhiên là tôi không thể sửa đổi lịch sử để cho vị hoàng đế toàn thắng trên đất Nga và trở về ca khúc khải hoàn, nhưng tôi đã có cách.

Tôi mở đầu:

- Napoléon Bonaparte là vị Hoàng đế vĩ đại nhất của nước Pháp.

Ông Kẹ ngắt lời tôi một cách hào hứng:

- Đúng, đúng, trò nói đúng, tiếp tục đi.

Tôi bắt đầu trình bày chi tiết bài học mà tôi thuộc, thêm vào một số chi tiết ở các sách đọc thêm, cố tình nhấn mạnh và kéo dài giai đoạn chiến thắng của Napoléon ở đầu chiến dịch. Khi nói về Bonaparte, tôi không dùng đại từ ngôi thứ ba là «*il*» hay «*lui*» mà chỉ dùng danh từ «*le héros*» (vị anh hùng), «*notre héros*» (vị anh hùng của chúng ta) hay «*notre empereur*» (vị hoàng đế của chúng ta).

Nghe tôi trình bày, ông râu xồm cứ gật đầu lia lịa, miệng tươi cười, nét mặt hoan hỉ đến đứa bé con cũng thấy được. Tôi biết mình đang thành công nhờ núp dưới lá cờ chiến thắng của Napoléon Đệ Nhất khi mới tiến quân vào đất Nga mênh mông.

Cuối cùng, tôi ra đòn quyết định.

Tôi nhớ có xem hay đọc ở đâu đó - *hình như trong phim ảnh hay trong tiểu thuyết La Guerre et la Paix* (Chiến tranh và Hòa bình) của *Léon Tolstoi* - đoạn mô tả rất hay cảnh Napoléon tiến quân vào thủ đô nước Nga đã bị thiêu rụi vì chủ trương tiêu thổ kháng chiến của quân dân Nga.

Đứng trên lầu cao của Điện Kremlin, đảo mắt một vòng quanh thủ đô điêu tàn, Hoàng đế Napoléon đã kiêu hãnh thốt lời: «*Moscou historique sous mes pieds*» (Mạc Tư Khoa lịch sử

dưới bàn chân ta).

Khi tôi nói đến câu này thì ông giám khảo râu xồm đứng phắt dậy, vỗ vai tôi:

- Thôi đủ rồi, cảm ơn trò.

May phước cho tôi, nếu chưa được ông Kẹ cho phép dừng lại thì đến đoạn sau là cuộc rút lui thảm bại của Napoléon giữa mùa đông giá rét, tôi biết nói sao đây?

Tôi đứng dậy, ông đưa cả hai bàn tay hộ pháp nắm lấy hai tay tôi. Cái bắt tay quá nhiệt tình và khác thường của vị giám khảo ngoại quốc làm cho tôi quỳnh lên. Thay vì nói: «*Merci Monsieur*» (cảm ơn thầy), thì tôi nói lộn: «*Merci Papa*» (cảm ơn Ba). Chữ *Papa* và *Maman*, chúng tôi thường quen miệng gọi đùa và thân mật với người lớn, nhất là các thầy cô giám thị, cũng như ngày nay học sinh hay gọi tôi là «*Bố*» vậy. Tôi chưa kịp xin lỗi để sửa lời lại thì ông râu xồm dùng hai tay ôm đầu tôi, hôn lên trán và nói nhanh:

- Cảm ơn con, ồ, cảm ơn con. Con làm ta vui thích, tạm biệt con.

Rồi ông cao giọng:

- Mười tám điểm trên hai mươi.

Đó có lẽ là điểm cao nhất mà một giám khảo người Pháp tặng cho một học sinh bản xứ.

Tôi nhìn ra cửa; thí sinh đã bu đen nghệt tự lúc nào. Mọi người thích thú nhìn vào như được xem một màn kịch lạ lùng.

Ngay sau khi tôi bước ra khỏi cửa thì căn phòng đã đầy thì sinh. Phòng ông giám khảo ồm chỉ còn lác đác vài người ngồi đợi thi.

Chuyện đó cách nay hơn nửa thế kỷ rồi, cái ông râu xồm xưa kia chắc không còn trên mặt đất, nhưng vẫn còn trong ký ức của tôi. Bây giờ ông không còn là ông Kẹ nữa mà trở thành ông Bụt. Nếu dạo đó tôi không bị vớ vào phòng vấn đáp thì có lẽ ông râu xồm vẫn còn là ông Kẹ trong trí nhớ của tôi. Việc đó nhắc nhở tôi rằng không nên đánh giá tính tình con người qua cái nhìn bề ngoài. Tôi cũng thường có dịp khuyên bảo học sinh của tôi như thế. Sau này, khi ra dạy, tôi rất buồn phiền khi biết một vài thầy cô, khi đánh giá học sinh, bị bề ngoài của các em làm thiên lệch ít nhiều; thậm chí có người tỏ ra yêu thương những học sinh xinh đẹp hơn những học sinh có bề ngoài xấu xí và đối xử có phần bất công. Làm như thế, các thầy cô đó đã vi phạm đạo đức sư phạm một cách nghiêm trọng rồi vậy!

NHỮNG ÔNG THẦY NHÓC CON

Vào năm 1955, tôi bị bắt vì «tội hoạt động cho Việt Cộng». Không oan chút nào nên tôi bị đưa về giam ở khám Tân Hiệp, cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng ba cây số. Khám có năm trại nằm hai bên một sân rộng. Tôi ở trại đầu tiên từ cổng đi vào. Trong trại, có gần một chục học sinh đang học trung học thì bị bắt, hầu hết vì tội rải truyền đơn chống chính phủ. Bọn trẻ rất tinh nghịch và quậy phá, bị mấy cụ già chửi mắng mãi. Tuy mắng nhưng các cụ vẫn thương. Thỉnh thoảng, các cụ gọi chúng tôi đến để cho cái kẹo hay cái bánh. Chúng tôi đều hiểu rằng mình là nguồn an ủi của các cụ trong cái cảnh «nhất nhật bằng cả thiên thu».

Tuy nhiên, cuộc sống trong tù thì quá dài và quá chán nên bọn con nít cũng không thể nào bỏ được những trò vui con trẻ. Vì hay nghịch ngợm nên các anh lớn tuổi tập trung chúng tôi vào một khu ngay cửa trước, còn các cụ già thì nằm mãi tít đằng cửa sau, gần buồng vệ sinh. Các cụ vừa ý lắm vì xa được đám con nít ồn ào và gần nhà cầu, thuận tiện về đêm.

Tuy thế, các cụ vẫn không yên. Trong ngày, ngoài giờ lao động, chúng tôi vẫn thường lân la đến chỗ các cụ để tìm đề tài chọc phá.

Trong trại, có một anh kể chuyện hay lắm. Hết Tây du đến Tam quốc, hết Tam quốc đến Tây Hớn, hết Tây Hớn đến Thuyết Đường... Anh kể cho bọn con nít nghe từ ngày nọ qua ngày kia, từ đêm nọ qua đêm kia. Chúng tôi mê anh lắm và chúng tôi cũng thuộc lõm bõm vài chuyện mà anh kể.

Một hôm, tôi rủ mấy đứa lân la đến chỗ các cụ nằm và ngồi quây quần bên nhau. Tôi nói to với các bạn, cốt cho các cụ nghe:

- Tụi bây thích nghe tao kể chuyện Tàu không?

Cả bọn reo lên:

- Thích, thích, kể đi.

Tôi bắt đầu với những chuyện thực hấp dẫn, tình tiết rất đúng với những gì mà tôi đã được nghe kể cách đó mấy ngày. Trí nhớ của tôi cũng khá, lời kể của tôi cũng không tẻ, các bạn con nít im lặng ngồi thưởng thức, nghiêm trang một cách khác thường. Vừa kể, tôi vừa liếc qua thấy các cụ lắng nghe và tỏ vẻ thích thú. Có cụ còn se sẽ nhích lại cho gần chúng tôi hơn.

Khi thấy «cá đã ăn mồi» nghĩa là các cụ đã theo dõi một cách say sưa, tôi bắt đầu kể chuyện nọ xỏ vào chuyện kia, kể một cách trơn tru, một cách nghiêm túc, không ngừng lại chút nào. Tôi cho Hàn Tín đấu với Châu Do, cho Trương Lương lập mưu hại Tư Mã Ý, cho Triệu Tử Long múa trường thương đánh một trận long trời lở đất với... Tiết Đinh San. Loạn xà ngang. Dã sử của Trung Quốc bị nhồi trộn lung tung, theo kiểu nhồi đủ thứ để làm nhân thập cẩm của bánh trung thu.

Các cụ chịu hết nổi phải thét lên. Một cụ vùng đứng lên. Bọn con nít ủa bỏ chạy khi thấy cụ vớ chiếc guốc cầm lăm lăm trong tay.

Có nhiều lúc, trại giam quá tải. Chỗ nằm trên bệ xi măng và dưới đường đi đều chật hết. Phải treo võng từ bên này sang bên kia.

Lúc bấy giờ, trại còn là vách ván, có thể dúi bất cứ chỗ nào để xỏ dây võng qua. Thỉnh thoảng, có người cạy ván chui ra để vượt ngục. Nếu băng qua được hàng rào mấy lớp kẽm gai, lọt ra bên ngoài thì thoát. Nếu không thoát được thì bị bắt trả lại cho *PSE* tức là *Police Spéciale de l'Est* (Cảnh sát Đặc biệt Miền Đông), trụ sở tại bót *Catinat* rất nổi tiếng.

Vì là vách ván nên giăng võng rất dễ dàng. Lúc đầu, võng giăng một tầng, kín từ đầu đến cuối trại. Vẫn chưa đủ chỗ ngủ nên giăng thêm tầng thứ hai, rồi tầng thứ ba. Hết, vì tầng thứ ba là gần đụng mái nhà rồi. Nằm bên dưới nhìn lên ba tầng võng, lúc đầu cũng ớn lăm. Cứ nghĩ, tầng cao nhất bị đứt, rơi xuống làm hai tầng dưới đứt theo thì không biết chuyện gì sẽ xảy ra cho người nằm trên bệ xi măng.

Tất cả các cụ già đều nằm dưới cùng vì không dám leo cao. Chín giờ rưỡi đêm, khi đèn chớp ba cái, tất cả đều phải im lặng và bắt đầu ngủ. Đám trẻ vô tư thường ngủ trước, các cụ vẫn thao thức. Vài cụ len lén mở nắp lon *Guigoz* chứa thức ăn do gia đình tiếp tế. Các cụ im lặng nhâm nhi, vừa ăn, vừa mơ tưởng đến mái ấm gia đình.

Bỗng một cụ, quờ quạng thế nào để cho một cái lon rơi xuống, đánh «cảng» một tiếng to, thức ăn đổ tung tóe. Bọn con nít đồng loạt la to: «*mèo, mèo*», theo kiểu nhà quê đuổi mèo ăn vụng. Sẵn bực mình vì lon thức ăn bị đổ, dơ cả chỗ ngủ, lại bị mấy đứa con nít hỗn láo gọi là *mèo ăn vụng*, cụ không dẫn được, quát to:

- Mèo cái mờ tổ cha tụi bây chó mèo.

Thế là cả trăm tiếng cười vang lên một lúc. Một anh nằm ở tầng ba cười hăng quá làm võng đứt. Rầm, rầm, hai cái dưới đứt theo, cái trại vách ván rung rinh như bị động đất. Nhiều anh trên các võng khác hét tướng lên, phóng xuống đất. Người nằm dưới cùng bị đập đau vùng dậy la ồm ồm. Cả trại, từ đầu đến cuối đều náo loạn.

Từ văn phòng của nhà tù, viên giám thị trực kéo còi báo động. Lính chạy rầm rập, keng các vọng gác đánh liên hồi để thị uy. Tù nổi loạn rồi! Tù nổi loạn rồi!

Lách cách, lách cách, tiếng lên cò súng ngay trước cửa trại. Reng, reng, tiếng ổ khóa khua. Rồi im lặng, căng thẳng, hồi hộp... Thình lình, cánh cửa nặng nề mở ra, mấy họng súng đen ngòm và nhiều đèn bấm chói mắt chĩa thẳng vào.

Có tiếng thét ra lệnh: «Tập hợp điểm danh». Mọi người vùng dậy tức thì, mở vông, cuốn chiếu. Loáng một cái, trại trống trơn phía trên cao, chỉ còn lỗ nhố người bên dưới.

Tù nhân nhanh chóng ngồi vào hàng.

«Một, hai, ba...», người trước đưa một tay khỏi đầu đếm xong đến người sau. Người cuối hàng hô «hết» để hàng kế bên bắt đầu. Hàng bên trái xong đến hàng bên phải. Đủ cả, không thiếu người nào và chẳng có ai bị thương. May quá.

Cánh cửa trại lạnh lùng đóng lại, tiếng ống khóa rồn rảng. Tù nhân lại trải chiếu mắc vông trong im lặng. Các cụ nằm xuống thở dài, còn bọn con nít nhìn nhau, nhe răng ra mà không dám cười thành tiếng.

Đó, bọn con nít phá phách nghịch ngợm như thế, nhưng bỗng một hôm trở thành những ông thầy dạy học, thực là lạ lùng! Câu chuyện đầu đuôi thế này:

Do đề nghị của đại diện tù, giám đốc nhà giam cho phép các trại tổ chức học văn hóa, từ lớp bình dân học vụ cho đến cuối bậc tiểu học. Tất cả bọn học sinh con nít chúng tôi đều được mời vào ban giảng huấn, đứa nào cũng hí hửng vì sắp được «làm thầy». Đứng đầu ban giảng huấn là một giáo sư trung học tư thực ngoài đời. Đó là ông thầy thực sự, còn lại là toàn bộ bọn con nít chúng tôi.

Chúng tôi họp bàn rất sôi nổi. Chúng tôi quyết định đồng loạt khai giảng với toàn bộ năm lớp bậc tiểu học, căn cứ theo chương trình của bộ giáo dục bên ngoài, tuy nhiên môn học thì có phần uyển chuyển. Ngoại trừ lớp chống mù chữ ra, còn lại thì toán và quốc văn là hai môn bắt buộc, các môn khác thì tùy nghi, ai thích môn gì, cứ dạy môn đó. Giấy bút thì gởi tiền cho giám thị mua thoải mái, bao nhiêu cũng được, ai không có tiền thì những người khác hùn lại cho.

Môn toán và các môn khoa học tự nhiên khác thì rất ổn thỏa vì sách giáo khoa từ ngoài đưa vào khá dồi dào và đều dùng được cả. Riêng môn quốc văn thì gặp khó khăn. Sách giáo khoa bị hạn chế, một phần vì ban giám đốc nhà tù lười kiểm duyệt, lại sợ mấy tờ đầu là giáo khoa thiệt, nhưng một số tờ bên trong là tài liệu cấm. Mặt khác, các bài giảng ở sách giáo khoa tiểu học thì đều soạn cho trẻ em, không phù hợp tí nào với các lớp ở đây, gồm các học viện đáng tuổi cha, chú, bác, ông nội, ông ngoại của học sinh tiểu học ngoài đời.

Tuy nhiên, mọi việc cũng tạm thông qua. Ban giảng huấn con nít lúc đầu giành nhau dạy toán, về sau cũng biết nhường nhịn nhau để rải đều giảng viên cho các lớp và các môn học.

Mỗi khóa học là bốn tháng. Cuối khóa, có kỳ thi lên lớp; học đảng hoàng thì mỗi năm lên

được ba lớp, học không đàng hoàng thì ở lại lớp. Lớp học được tiến hành vào ban đêm vì ban ngày mọi người phải lao động. Mỗi đêm học từ sáu giờ đến gần chín giờ, sau đó là giờ giới nghiêm tức là giờ ngủ của tù nhân. Mỗi tuần lễ học sáu đêm, thứ sau nghỉ để liên hoan vì đó là ngày thăm nuôi, tù nhân nhận được đồ tiếp tế của gia đình.

Hầu hết trại viên đều ghi tên vào các lớp. Các cụ quá già thì không ghi tên, nhưng về sau thấy các lớp học cũng vui nên hầu hết các cụ theo dự thính, sĩ số thường xuyên xấp xỉ một trăm phần trăm!

Có năm lớp ở năm vị trí cách đều trên suốt bề dọc của trại. Trên nền dùng làm chỗ ngủ, học viên và thầy giáo ngồi thành vòng tròn. Khoảng trống ở giữa là nền xi măng làm bảng đen dùng cho giảng viên viết phần để giảng bài.

Học trò gọi thầy là *em* hay *cháu*. Thầy giáo gọi học trò là *anh*, *chú*, *bác* hay *ông*, tùy người. Có nhiều trò gọi thầy là *mày* và xưng là *tao*. Tuy nhiên, mọi người đều có thái độ khá nghiêm túc trong việc dạy và học.

Các môn khoa học thì ổn cả, học viên chăm chỉ và tiến bộ rõ rệt. Hầu hết bỏ giấc ngủ trưa để làm bài tập. Có người thức dậy sớm để làm bài, có người vừa ăn cơm về là lập tức lôi tập ra học. Không khí sinh hoạt trong trại biến đổi hoàn toàn. Không còn những tiếng cười đùa ầm ĩ; các bàn cờ tướng tập thể ồn ào bị dẹp bỏ. Giảng viên rất phấn khởi, soạn bài thực kỹ lưỡng. Học viên thì chăm học, một phần vì hiếu học, một phần vì muốn tránh sự phê bình của mấy ông thầy con nít.

Trong giờ học, học viên chăm chú nghe giảng và tích cực phát biểu ý kiến. Chính sự nhiệt tình đó làm cho hầu hết các giờ quốc văn bị vỡ ngay sau tuần lễ đầu tiên. Nguyên nhân là thế này:

Học viên đã lớn tuổi, đa số là cán bộ, tuy trình độ văn hóa chính quy thấp nhưng ăn nói lý luận thì khiếp lắm. Thầy trò cứ cãi nhau như mổ bò và luôn luôn thầy cãi thua trò. Cãi thua thì thầy giận bỏ đi nằm nhắm mắt lại không dạy nữa. Có hôm tức quá không chịu nổi, thầy khóc bù lu bù loa làm các trò phải xúm nhau lại dỗ.

Rất may, từ đầu tôi được phân công dạy toán và địa lý thế giới ở lớp lớn nhất nên các giờ học tiến hành đều đặn không có gì rắc rối. Ông giáo sư tư thực dạy môn quốc văn ở lớp ba, nên chỉ ở lớp này, giờ quốc văn được xúc tiến tốt đẹp. Tuy nhiên, ông phải kiêm nhiệm trưởng ban giảng huấn nên đêm nào cũng phải bỏ lớp lo giải quyết việc các thầy dạy văn khác giận bỏ đi ngủ hay ngồi khóc rưng rức. Ông giáo sư tỏ ra hết sức lo lắng vì ông là trưởng ban giảng huấn lại là một thành viên trong ban lãnh đạo bí mật của trại, tôi đoán thế.

Tôi cũng rất lo lắng vì sợ vì phong trào học tập ngưng lại, «mất dạy» cũng buồn. Vì thích dạy nên trong các cuộc họp, tôi tích cực đóng góp ý kiến và được mọi người chú ý, nhất là ông giáo sư trưởng ban.

Buổi trưa cuối tuần, ông gọi riêng tôi ra sau hè để bàn bạc. Chúng tôi đi đến quyết định là hai chúng tôi nhận tất cả giờ quốc văn của các lớp, ngoại trừ lớp vỡ lòng mới học ABC nên chưa có gì để cãi cò. Tôi chịu nhận hai lớp trên (lớp nhì và lớp nhất), ông giáo sư hai lớp dưới (lớp bà và lớp tư). Buổi chiều, ban giảng huấn họp lại để thông báo quyết định. Ngoài tôi ra, mọi thầy con nít khác đều dạy khoa học tự nhiên. Với quyết định này, giảng viên và học viên đều hoan hỉ. Về phần mình, tôi mất ngủ đêm đó vì lo lắng và vì suy nghĩ tính toán cho nhiệm vụ mới của mình.

Tôi biết chắc, soạn theo sách giáo khoa của trẻ em thì không phù hợp với người lớn; những câu hỏi soạn cho trẻ nhỏ, học viên sẽ phát biểu theo tính cách của người lớn thì giáo án bị vỡ là điều đương nhiên. Chính các bạn nhỏ của tôi đã vấp phải điều này. Những câu giải đáp của họ thực đúng với sách giáo khoa đã bị mấy ông học trò già mồm cãi bâng, cho đến khi thầy bật khóc mới thôi. Vả lại, các bài văn (*texte*) của sách trẻ em có nội dung quá ấu trĩ nên không gây được hứng thú và nhiều khi đọc lên nghe thực buồn cười. Thí dụ, trong một bài học ở sách giáo khoa có câu hỏi: «Khi ăn xong, các em phải làm gì?». Với các cán bộ đã lỗi đời, hỏi họ như thế, họ không đập cho là may.

Suốt đêm, tôi suy nghĩ thực nhiều và đến khuya, tôi đi đến một quyết định rất táo bạo là dẹp sách giáo khoa và tự tôi làm lấy hoàn toàn, kể cả «sáng tác» các bài văn.

Sáng hôm sau, tôi trình bày quyết định trên với ông giáo sư. Ông rất ngạc nhiên nhưng cuối cùng đồng ý và chân thành khuyến khích tôi. Tuy nhiên, ông cũng không tin lắm vào khả năng của tôi nên nói thêm:

- Em cứ làm thử một hai tuần xem sao rồi sẽ tính.

Thế là tôi lao vào công việc với tất cả lòng hăng hái của tuổi mới lớn lên.

Khó nhất là có một bài văn cho phù hợp. Khi đã có bài văn rồi thì sẽ soạn các tiết mục tiếp theo là: đại ý, dàn bài, phân tích từ ngữ và văn phạm, và cuối cùng đánh giá hình thức, nội dung. Các tiết mục tiếp theo này thì không khó lắm vì trong bao nhiêu năm ở trung học, tôi đã soạn hàng tuần các phần này theo sự hướng dẫn của giáo sư. Dạo đó soạn bằng tiếng Pháp, nay soạn bằng tiếng Việt, có lẽ cũng được, vì dù sao tôi cũng là người Việt Nam chính cống.

Vậy, việc khó nhất là tự sáng tác một bài văn trong hoàn cảnh không có bất cứ một tài liệu nghiên cứu nào trong tay. Cũng may, lúc đó, tôi còn quá trẻ, có gan làm liều, chứ lớn tuổi hơn, như bây giờ chẳng hạn, chắc chắn tôi không dám nghĩ đến điều đó.

Tôi bắt đầu công việc với một sự hứng thú lạ lùng. Chiều nay tôi phải dạy buổi đầu tiên và nhất định phải thành công. Nội ngày hôm nay tôi phải sáng tác cho xong một bài văn và soạn những tiết mục nói trên đây. Tôi phải làm công việc này dưới bếp vì tôi là tù nên không được bỏ công việc đã được chỉ định với bất cứ lý do gì, kể cả bị bệnh.

Tôi cần nói thêm cho độc giả rõ, nhiệm vụ hàng ngày của tôi. Đó là việc làm ở bếp tập thể,

chung lo ba bữa ăn cho hơn một ngàn tù nhân. Mỗi ngày, nhà bếp tiêu thụ một luồng nước rất lớn, được lấy lên từ một giếng sâu. Nhóm lấy nước gồm sáu người: tôi và năm người khác cùng trại. Nhóm chia thành hai toán ba người, hai người kéo thùng nước lên bằng một sợi dây choàng qua một ròng rọc; người thứ ba đứng trên miệng giếng chụp thùng để đổ nước vào bể chứa. Hai toán liên tục luân phiên từ sáng sớm đến chiều tối.

Cứ trong phiên là tôi suy nghĩ và hết phiên là tôi lấy giấy bút ra ghi ngày. Làm việc trong điều kiện khó khăn như thế mà tôi cũng hoàn tất bài soạn trước bữa cơm chiều.

Sau khi tập hợp điểm danh xong, giám thị đóng cửa bấm khóa bên ngoài là bên trong các lớp học bắt đầu. Tôi «lên lớp» với tâm trạng vừa hồi hộp, vừa lo lắng lại vừa háo hức. Lúc đầu, hình như tôi ăn nói hơi ấp úng, nhưng nhìn thấy học viên chăm chỉ nghe nên dần dần tôi lấy lại bình tĩnh và lòng hăng say, giảng bài một cách trôi chảy nên buổi học kết thúc tốt đẹp.

Tôi đã thành công! Hết giờ, học viên tỏ ý hài lòng, điều đó làm cho tôi vui sướng tột cùng. Đêm đó tôi lại mất ngủ, không phải vì lo lắng nữa mà vì hạnh phúc.

Tôi rất phấn khởi nên những ngày tiếp theo, năng suất trí tuệ của tôi rất cao, kho dự trữ bài soạn của tôi tăng dần, không bị cái cảnh sáng soạn cấp tốc để chiều tối lên lớp nữa.

Tuy nhiên, tôi không phải là văn sĩ chuyên nghiệp để có thể sáng tác liên tục. Tôi cố nhớ lại những bài học thuộc lòng trước đây khi còn đi học ngoài đời. Đó là những bài bằng tiếng Pháp, tôi dịch thoát ý sang tiếng Việt. Văn xuôi thì của các tác giả lãng mạn như Alphonse Daudet, Anatole France, George Sand v.v...

«Tôi kể cho anh nghe, những gì hằng năm gọi nhớ cho tôi, bầu trời lay động mùa thu...» (*Je vous raconte ce que me rappellent tous les ans, le ciel agité d'automne... - Anatole France-*).

Văn vần thì có thơ của Lamartine, Ronsard, Alfred de Vigny, Alfred de Musset v.v...

«Tiểu thư, nhìn đóa hoa hồng,

Sáng nay hé nở chào mừng bình minh.»

(*Mignonne, allons voir la rose*

Qui, ce matin, était déclose. - Ronsard)

Tôi cũng dùng cả những bài văn Việt ngữ của Tự lực Văn đoàn, Thanh Tịnh, Hà Mai Anh, những bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan, Tú Xương, Xuân Diệu v.v... Những tác phẩm Việt văn phần nhiều tôi không nhớ hết vì chỉ đọc do thích thú chứ không như những bài học thuộc lòng bằng Pháp ngữ của chương trình học trước đây của tôi. Vì vậy, các tác

phẩm tiếng Việt này thì đầy đầy những chỗ thiếu sót vì... quên. Những chỗ đó, tôi tự đắp vào cho đủ. Thành ra, bài văn, bài thơ như chiếc áo vá. Chiếc áo lành do các văn nhân thi sĩ làm ra từ đầu đẹp để biết bao, rơi vào tay tôi trở thành áo rách lỗ chỗ và được đắp lại bằng những miếng vá tùm lum.

Thế mà, học viên rất chịu. Những bài sáng tác của tôi và những chiếc áo vá, tuy không có giá trị gì về văn chương nhưng chúng đã được hình thành bằng tất cả chân tình và tâm hồn của tôi. Tất nhiên tâm hồn của tôi và của học viên rất gần gũi và rất dễ truyền cảm cho nhau trong cảnh cá chậu chim lồng mà chúng tôi cùng chia sẻ. Chính vì vậy mà học viên chấp nhận bài văn và bài soạn của tôi. Đặc biệt, trong những bài sáng tác, tôi lấy khung cảnh thôn làng của đồng bằng Cửu Long mà tôi đã được sống trước đây, một vài hình ảnh nhẹ nhàng của cuộc kháng chiến chống Pháp mà tôi có tham dự. Điều đó làm cho học viên ưa thích.

Trong những giờ học với tôi, học viên vẫn giữ tính hay cãi. Người này đưa ý kiến rồi người khác phản bác. Rất nhiều lần tôi để họ tranh luận sôi nổi với nhau. Tôi ngồi nghe một cách chăm chỉ rồi kết luận một cách thực công bình. Họ thảo luận rất nhiệt tình, có khi đi đến chỗ đề nghị sửa đổi một đoạn trong bài văn. Dĩ nhiên là tôi sẵn sàng đáp ứng ngay vì bài văn chính là sản phẩm của tôi hoặc là miếng vá mà tôi đắp vào sản phẩm của người khác, cho nên sửa đổi hay không là quyền của tôi. Vì vậy, lớp học rất thoải mái và phát huy tối đa tính tích cực của học viên.

Kết quả của các lớp học rất khả quan. Cuối mỗi khóa đều có kiểm tra nghiêm túc và phát thưởng tràng ho. Qua mấy khóa, nhiều người đạt trình độ cuối bậc tiểu học.

Hưng chí, thừa thắng xông lên, chúng tôi bàn với nhau chuẩn bị mở thêm lớp đệ thất, bậc trung học, cho những người đã học xong tiểu học thì nở ra một cuộc đấu tranh của tù nhân vì một lý do chính trị nên các lớp bị dẹp bỏ vĩnh viễn. Thực đáng tiếc!

Trong số học viên có một người rất chăm học, lớn hơn tôi vài tuổi, cùng trong nhóm kéo nước giếng ở nhà bếp. Tôi rất thích anh vì tính anh hiền lành và ca vọng cổ rất hay. Lúc nhỏ, anh chỉ được đến trường một vài năm vì gia đình rất nghèo lại sớm theo kháng chiến và bị bắt ở tù. Anh rất thông minh, học tiến bộ, lên lớp đều đều. Nhiều năm sau khi ra tù, tôi đang học năm cuối ở Đại học Sư phạm thì một hôm tình cờ gặp lại anh ở Sài Gòn, trên đại lộ Lê Lợi. Anh ôm tôi và nói với tôi một cách mừng rỡ:

- Trời ơi, mày là thằng Phá phải không?

Tôi gật đầu. Anh kéo tôi vào tiệm kem Mai Hương ở gần đó. Sau vài câu thăm hỏi, anh nói với giọng vừa phấn khởi, vừa ghen ngào:

- Bây giờ tao là soạn giả cải lương ăn khách lắm. Nhờ học với mày trong tù, tao có căn bản, ra tù tiếp tục học trung học nên mới được như ngày nay.

Anh nhất định rủ tôi về nhà ở chơi với anh một đêm. Sáng ra, khi từ giã, anh còn ôm tôi

thủ thi:

- Mọi chuyện khởi đầu từ những bài học của mày. Tao còn nhớ rõ những lớp học dưới ánh đèn tù mù của trại giam, tao còn nhớ rõ giọng giảng bài của mày. Những giờ phút đó đau thương nhưng đẹp vô ngần.

Tôi cảm động siết tay anh, không ngờ ngày ấy mình đã làm được việc đến thế. Cho đến ngày nay, sau bao nhiêu năm dạy học, nhận được nhiều bằng khen, tôi vẫn không quên được những buổi dạy trong tù của tôi. Công việc càng khó khăn thì càng in đậm nét trong ký ức của mình. Tôi cũng thường đối chiếu những hoàn cảnh giáo dục khác nhau trên đất nước.

Khi lo cho nền giáo dục, người ta luôn chú ý đến ba việc và khi hoàn tất thì coi như xong nhiệm vụ. Thứ nhất là trường sở, thứ hai là sách giáo khoa, thứ ba là có đủ thầy cô được đào tạo chính quy và thường xuyên được tu nghiệp để củng cố và hiện đại hóa kiến thức. Với những lớp dạy trong tù mà tôi vừa kể thì cả ba điều kiện trên đều là số không mà việc học vẫn thành công ở một mức độ nào đó. Còn ngày nay, ở nhiều tỉnh thành, cả ba điều kiện trên đều đạt điểm mười mà nền giáo dục vẫn đi xuống một cách đáng lo ngại. Tại sao vậy? Theo tôi, còn một yếu tố thứ tư mà người ta không dám nói đến vì không có biện pháp giải quyết. Đó là lòng say mê nghề nghiệp của những người đứng lớp. Yếu tố này lại là then chốt. Quả thực, trong những lớp học trong tù, tôi đã lao vào với tất cả đam mê và tinh thần trách nhiệm, nhờ đó mà bù đắp những khiếm khuyết khác.

Ngày nay, còn nhiều thầy cô khi được hỏi lý do chọn nghề dạy học thì sẵn sàng trả lời rằng vì chẳng biết làm nghề gì khác và khi có dịp thì họ sẽ bỏ nghề ngay lập tức. Nghe trả lời như thế, tôi rất buồn phiền và không biết nói gì hơn với các thầy cô hiện đang đứng lớp.

CÁI QUẦN SẠCH

Lúc nhỏ, tôi thích đọc sách tâm lý. Ở Đại học Sư phạm tôi lại được học môn tâm lý trẻ em. Khi ra dạy tôi thích để ý đến tâm lý học sinh. Nhờ đó, tôi đoán tâm trạng học sinh khá đúng. Người ta bảo: «Đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn». Tôi hay nhìn tâm hồn các em qua hai khung cửa sổ nhỏ đó.

Có một lần ở trường Trung học Long Khánh, trong giờ học, tôi đang vẽ hình trên bảng. Như linh cảm một điều gì, tôi ngưng vẽ quay ngoắt lại nhìn xuống lớp. Tôi thẳng tay chỉ hai em ở bàn cuối, hét to:

- Đem cuốn lịch *Play boy* lên đây!

Lịch *Play boy* là lịch có hình khỏa thân tục tĩu, rất phổ biến một cách lén lút trên thị trường.

Hai em sợ hãi mang cuốn lịch *Play boy* lên, trước mấy chục cặp mắt ngạc nhiên của học sinh trong lớp. Tôi cho trưởng lớp dẫn hai phạm nhân cùng tang vật lên văn phòng. Hai em bị đánh đòn và tự tay đốt cuốn lịch ngay trước cửa phòng giám thị.

Đến giờ chơi, vài em chạy theo tôi đến giữa sân trường, hỏi lý do nào tôi biết có lịch *Play boy*, trong khi hai em cuối lớp đang kín đáo để bên trên ghế ngồi. Tôi cười, giải thích:

- Khi tôi vẽ hình trên bảng thì vẫn tiếp tục đọc bài cho các em chép để tiết kiệm thời giờ và để duy trì trật tự. Tôi quay nhanh lại, thấy ngay hai em không chép bài. Tay hai em để bên dưới bàn, mắt nhìn lăm lét. Tôi khẳng định hai em đang phạm tội. Hai em không dám nhìn thẳng vào tôi mà nhìn xuống hay nhìn về một bên, nhưng trong đôi mắt của hai em tôi đọc được một vẻ gì đó không trong sạch và không thơ ngây. Mấy hôm trước, văn phòng có cho tôi hay, lịch *Play boy* đang xâm nhập vào các lớp. Thế là khá đủ dữ kiện để tôi kết luận tức thì.

Nghe tôi giải thích, các em vui vẻ về lớp. Từ đó, tôi để ý học sinh lớp này chăm chỉ hơn và không dám làm chuyện bậy bạ trong giờ dạy của tôi.

Tuy vậy cũng có nhiều lần tôi đoán sai. Một trong những lần đoán sai đó làm cho tôi nhớ mãi. Câu chuyện xảy ra ở một lớp Mười nam sinh của trường Thánh Mẫu Gia Định.

Nhà trường có tổng giám thị là một linh mục mà học sinh rất khiếp sợ vì con roi mây của

cha. Cha sử dụng con roi rất hào phóng. Đi học trễ, vô kỷ luật, chạy xe trong sân trường, không mang phù hiệu, quần không đúng màu xanh đồng phục..., tất cả đều được xử lý bằng roi mây.

Có lần cha nói đùa với tôi: «Chúa sinh ra cặp móng của học sinh để người làm giáo dục phét roi vào đó». Theo cha, cái móng là nơi tốt nhất được dùng để điều chỉnh cái đầu cho các em; cũng như ta sửa cái cầu chì ở bảng điện dưới này thì cái đèn tuốt trên cao bật sáng. Quả thực, giáo dục có muôn hình muôn vẻ.

Dĩ nhiên, cha rất thương học sinh và mong muốn các em nên người. Nhưng cha càng thương thì học sinh càng sợ.

Hôm đó, tôi đang giảng bài thì có người nhân viên đem giấy gọi em Tuấn lên trình diện ngay cha tổng giám thị ở văn phòng. Tôi đọc tờ giấy gọi rồi đưa cho em trưởng lớp ngồi ở bàn đầu để trao lại cho Tuấn. Sau đó tôi tiếp tục giảng bài trên bảng.

Độ mười phút sau, tôi sực nhớ chưa có em nào xin ra khỏi lớp nên đột ngột ngưng giảng và quay lại. Ở cuối lớp, có hai em để tay dưới bàn, mắt lăm la lăm lét. Một trong hai em là Tuấn vừa có giấy gọi của cha tổng giám thị. Tôi nhìn thẳng vào mặt, hai em cúi xuống, hai bàn tay vẫn giấu bên dưới. Tôi biết hai em đang giữ một món gì đó cấm mang vào trường. Tôi thẳng tay chỉ hai em, nói to như hét:

- Hai em đứng dậy, mang thứ bậy bạ giấu bên dưới lên đây.

Tôi ngạc nhiên thấy hai em vẫn ngồi yên không chịu đứng dậy. Bình thường, học sinh rất tuân lời tôi, sao hôm nay thế này? Gọi đứng dậy các em cũng không chịu đứng. Tại sao vậy? Thôi đúng rồi, cái thứ bậy bạ đó chắc chắn là kính tẩm và to bụi lăm đang nằm trên đùi các em làm cho các em không thể đứng dậy được. Nghĩ thế, tôi bước xuống bục giảng hét lớn:

- Đứng dậy, đưa cái đồ dơ dáy lên đây ngay!

Lạ lùng thay, các em vẫn ngồi yên một cách sợ hãi. Tôi vừa đi xuống, vừa ra lệnh lần thứ ba, quyết liệt hơn:

- Đưa cái đồ dơ dáy ra đây!

Tôi đã xuống gần cuối lớp. Một trong hai em nói giọng run run:

- Thưa thầy không phải dơ, quần sạch.

Cái gì mà quần sạch? Cái *đồ dơ dáy* mà tôi muốn nói là cuống lịch *Play boy* hay tập hình tục tĩu nào đó chứ có liên quan gì đến cái quần sạch của các em.

Tôi bước hẳn xuống cuối lớp, nhìn thẳng vào chỗ ngồi của các em. Tôi sửng sờ. Cả hai đứa đều mặc quần lót ngắn ngắn, tênh hênh hai cặp đùi ra.

Chưa có chuyện gì trên đời làm cho tôi ngạc nhiên như chuyện này. Thấy tôi trở mặt nhìn, em học sinh run run giải thích:

- Cha tổng giám thị gọi thẳng Tuấn lên trình diện.

Em ngừng lại, nhìn sang cặp đùi của thằng bạn khốn khổ kế bên rồi tiếp:

- Quần nó không đúng màu đồng phục nên nó năn nỉ mấy đứa chung quanh cho nó đổi tạm một lát để trình diện cha tổng giám thị, xong về đổi lại. Nó cũng nói cái quần nó vải mỏng quá, muốn đổi tạm cái quần vải dày hơn để bị đòn đỡ đau. Không có đứa nào chịu đổi vì sợ thầy biết thầy rầy. Nó cứ năn nỉ em mãi, em thấy tội nghiệp. Tội em mới cởi quần ra chưa kịp đổi... Phải chi thằng khác chịu đổi thì em đâu có bị...

Em nín bật, cúi gằm mặt xuống cặp đùi trần. Tôi cũng bất giác cúi xuống nhìn vào quần mình. Bỗng nhiên tôi thở dài và cảm nhận được một nỗi nhẹ nhàng rất phi lý khi thấy quần mình màu nâu, không đúng với màu đồng phục của nhà trường!

Tôi cho hai em mặc quần vào. Đến giờ chơi, tôi đích thân dẫn em Tuấn xuống văn phòng để xin cha tổng giám thị tha cho em mặc dầu tôi chưa biết em có phạm tội hay không. Tôi làm như thế vì tôi hối hận đã nghi oan cho hai em mang những thứ bậy bạ vào lớp. Kể từ hôm đó tôi dè dặt trong việc xét đoán tâm lý học sinh.

Các nhà tâm lý học thực nghiệm cố đề ra những định luật tâm lý. Tôi cho rằng như thế là không đúng. Mỗi người là một vũ trụ riêng biệt và hoàn chỉnh, người ta chỉ gần giống nhau thôi chứ không thể giống nhau một cách tuyệt đối như các vật vô tri để có thể bị chi phối bởi những định luật bất di bất dịch.

Tôi đã thấy có thầy cô nhận xét học sinh một cách cứng nhắc qua suy luận chủ quan và cho rằng mình có kinh nghiệm trong việc nhận xét. Có kinh nghiệm đồng nghĩa với sự vịn vào những điều mà mình đã kinh qua. Như thế là đồng hóa một người với những đối tượng đã được tiếp xúc trước đó. Việc này thường dẫn đến sự đánh giá sai lầm, làm giảm hiệu quả giáo dục rất nhiều. Kinh nghiệm giáo dục là điều quý báu nhưng người làm giáo dục không nên trở thành nô lệ cho những kinh nghiệm của mình.

TẢO HÔN

Thủy là cô bạn gái dễ thương, từ khi tôi còn nhỏ. Thủy không đẹp rực rỡ nhưng xinh, tính tình thùy mị.

Tôi vào Đại học Sư phạm để ra dạy trung học, Thủy vào Quốc gia Sư phạm và trở thành giáo viên tiểu học. Sau khi ra trường, chiến tranh dần dần trở nên ác liệt, nên sau đó, hai đứa không có dịp gặp nhau.

Nhiều năm sau, khi gặp lại, hai đứa đều đã có gia đình con cái. Tuy nhiên, tình bạn của chúng tôi vẫn đậm thắm và trong sáng. Thủy kể cho tôi nghe về năm đầu ra dạy học tại một miền quê của đồng bằng sông Cửu Long:

- Thủy về trường chỉ một tuần lễ thôi là tất cả học trò đều thương.

Tôi nghĩ, điều đó là hiển nhiên rồi. Không riêng gì học trò, bất cứ ai gần gũi Thủy cũng đều thương mến. Tôi nghe cô kể tiếp:

Thủy được phân công dạy lớp Nhất là lớp cuối cấp tiểu học vì, ngoài hiệu trưởng ra, Thủy là giáo viên duy nhất của trường được đào tạo chính quy.

Học sinh nhà quê ngộ lắm. Cùng một lớp mà tuổi rất chênh lệch. Lớp Thủy dạy có đứa nhỏ xiu, có đứa lớn gần bằng Thủy luôn.

Thủy ở trọ một phòng ngay trong khuôn viên nhà trường, học trò và cha mẹ thường đến thăm. Càng ngày, phòng trọ của Thủy càng có nhiều khách hơn. Thăm viếng, mời đi ăn giỗ, v.v... đã đành rồi, cả các vấn đề thuộc về văn phòng nhà trường, họ cũng đến nói với Thủy: xin cho con nghỉ học, xin miễn giảm đóng góp, hỏi việc học của con trong lớp, bổ túc hồ sơ thi tiểu học, vân vân... Người dân quê đơn giản lắm. Họ thích ai thì việc gì cũng nói với người đó. Họ không cần phân biệt việc công với việc tư, công so với tư gia. Bận rộn, mất thì giờ, nhưng Thủy vui vì đỡ nhớ nhà và vì được sống chung với những người hiền lành, chất phác, không câu nệ nguyên tắc và hình thức.

Trong lớp Thủy có một em gái rất dễ thương, tên là Trâm. Trâm đẹp nhưng da không được trắng, tay chân hơi thô kệch vì công việc đồng áng. Theo ngày sinh thì em được mười bốn tuổi, nghĩa là hơi lớn so với tuổi tiêu chuẩn của lớp đang học. Tuy nhiên, trông em vẫn rất thơ ngây. Trâm học hành chăm chỉ, lễ phép với mọi người. Những đứa học trò loại này thầy cô rất bằng lòng và ít khi phải bận tâm đến.

Trâm đi học rất đều đặn, bài làm luôn luôn đầy đủ, nằm trong số bốn em giỏi nhất lớp. Bỗng nhiên, ba buổi liên tiếp em nghỉ học. Có lẽ Trâm bị bệnh thành linh. Thủy cũng có ý chờ cha mẹ em đến xin phép mà không thấy.

Buổi tối hôm đó, Thủy đang ngồi chấm bài thì có bóng người thấp thoáng ngoài cửa. Thủy ngẩng đầu lên và chờ đợi. Ai đó vẫn đứng yên, khuất sau cánh cửa mở. Thủy bước ra thì thấy Trâm đang đứng sát vào tường, mặt cúi xuống đất. Thủy rất ngạc nhiên nên vội dẫn em vào chỗ đèn sáng và cúi nhìn vào mặt em. Không, em chẳng có vẻ gì bệnh hoạn cả. Thủy cũng để ý, chẳng thấy vết bầm nào trên mặt. Cách nay một tháng, có một nữ sinh bị cha đi nhậu say về đánh cho bầm mặt, phải nghỉ học, ở nhà mấy hôm cho vết bầm tan bớt đi mới đến lớp trở lại.

Trâm vẫn đứng yên lặng cho Thủy quan sát. Thủy thầm nghĩ: «Chắc có chuyện gì buồn trong gia đình rồi đây, phải dành mất buổi tối hôm nay để giải quyết cho em, hoặc ít nhất cũng an ủi em».

Nghĩ thế, Thủy kéo ghế và ấn nhẹ em ngồi xuống; mặt em vẫn cúi gằm. Thủy ngồi sát bên, cầm tay em bóp nhẹ nhẹ và bảo em hãy bình tĩnh kể chuyện gì đã xảy ra. Em vẫn cúi đầu im lặng. Thủy phải hỏi đến lần thứ ba thì em mới ngẩng đầu lên, rồi bỗng khóc oà.

Hoảng kinh, Thủy ôm em vào lòng, dỗ dành:

- Chuyện gì vậy, em nói cho cô nghe đi.

Em bé nói lí nhí trong miệng, qua tiếng khóc:

- Má em mời cô trưa mai đến dự đám cưới.

Thủy ngạc nhiên quá đổi. Đi mời đám cưới tại sao lại khóc. Thôi, thế thì có lẽ đám cưới của người chị thân yêu của em và kể từ nay hai chị em phải cách xa nhau. Nghĩ thế nên Thủy bỗng thấy lòng thương yêu vô hạn đối với đứa học trò bé bỏng và tình cảm này. Thủy siết em mạnh hơn và nói vào tai em:

- Nín đi đừng khóc nữa. Em nói cho cô nghe, đám cưới ai vậy?

- Dạ đám cưới em.

- Trời hỡi!

Em bé oà khóc to hơn trong khi Thủy ngồi chết trân. Thế đó, ở nhà quê, người ta thường ép con trẻ phải làm cái chuyện rất tốt cho người trưởng thành nhưng lại khủng khiếp cho tuổi thơ đại. Nếu các em không vâng lời thì không chịu nổi roi đòn và sự trừng phạt của chính cha mẹ của các em.

Nghĩ như thế nên máu nghĩa hiệp trong người Thủy nổi lên. Phải cứu em thoát khỏi sự tảo hôn ép buộc và kinh tởm này. Tuy nhiên, Thủy hiểu rằng điều này không dễ chút nào. Người dân quê hiền lành nhưng rất bảo thủ. Mà Thủy thì chẳng phải là bà con thân thuộc gì với gia đình em, lấy tư cách gì để ngăn cản việc làm của họ. Thủy nghĩ thầm: «Mình không thể can thiệp trực tiếp được rồi. Chỉ còn cách hướng dẫn cho chính em chống lại quyết định bất nhân đó của cha mẹ. Trước hết phải tạo cho em một lòng can đảm, sau đó dạy cho em những lời nói phản kháng thực rõ ràng và đánh thép cùng những hành động cương quyết và cần thiết. Mình sẽ theo dõi sát sao; nếu em bị hành hạ thì mình có thể đưa em về đây sống một ít lâu rồi sẽ tính sau. Điều đó có thể là sự trực diện đối đầu với cha mẹ em và gia đình chủ rể hụt. Nhưng không sao, rồi thời gian sẽ làm nhẹ dần sự đối đầu đó. Cha mẹ nào mà lại không thương con. Ý nghĩ này làm cho lòng Thủy hùng hực khí thế của người hiệp sĩ. Thủy bắt đầu làm công tác tư tưởng cho em:

- Em nghĩ thế nào về việc này?

Em bé vẫn cúi đầu im lặng, không trả lời. Thủy nâng mặt em lên, nhìn thẳng vào mắt em, lặp lại câu hỏi, giọng hơi gần xuống:

- Nói cho cô nghe. Em nghĩ gì về việc này?

- Việc gì hả cô?

Thủy bực mình vì con bé quá ngây thơ. Thủy xoay câu hỏi lại và chen tình cảm mình vào:

- Chuyện đám cưới của em. Cô thương em quá. Có phải ba má biểu em lấy chồng hay không?

Con bé gật đầu. Thủy hỏi tiếp:

- Em có dám chống lại quyết định của ba má hay không?

- Cô nói gì à?

Con bé ngây thơ quá. Đến nước này thì Thủy phải đi thẳng vào vấn đề chứ không thể nói theo kiểu gợi ý được nữa. Thủy thân mật nắm hai vai kéo em đến gần hơn rồi hỏi:

- Em có muốn xa cô để đi lấy chồng hay không?

- Dạ có!

Nghe Thủy kể đến đây, tôi bật dậy và gập người lại cười đến chảy nước mắt. Thủy cũng cười theo để kết thúc câu chuyện.

Những chuyện như thế thì rất thường xảy ra ở nhà quê. Đạo còn làm tại nông trường tự túc của Tỉnh đoàn Thanh niên Cứu quốc Mỹ Tho ở Đồng Tháp Mười, chính tôi cũng đã từng chứng kiến tận mắt.

Lúc đó tôi mới vừa tròn mười bảy tuổi và chưa nghĩ đến chuyện yêu đương. Nông trường chính thức có bốn người, tôi là em út. Tiêu chuẩn lúa cho mỗi người là ba mươi ba ký mỗi tháng trong thời vụ và hai mươi hai ký mỗi tháng ngoài thời vụ. Gạo thì đủ, có khi dư vì còn khoai sắn trồng thêm không tính vào tiêu chuẩn của nghĩa vụ. Về dinh dưỡng, chất bột như thế là quá đầy đủ. Chất đạm thì quá dư thừa vì cá lội lền dưới áo và kinh, chuột đầy dẫy ngoài đồng, rần khắp nơi dưới hang, chim chằng thiếu gì trong lùm bụi. Chất béo cũng tạm có nhớ mỡ trong bụng cá và trong bụng chuột. Chỉ khổ với chất ngọt vị đường thiếu trầm trọng. Lao động càng nặng nhọc thì cần thêm đường dữ dội.

Tôi còn nhớ, một lần có chuyến tiếp tế bên ngoài vào, gồm vài ổ bánh mì, vài hủ chao, vài lon sữa đặc. Chao thì để dành ăn cơm. Bánh mì thì chia ngay một cách đồng đều, loáng một cái chui tọt vào nằm yên trong dạ dày của thanh niên.

Đến sữa thì chia đều cho hai người một lon. Người thứ nhất lấy dao đục ngay hai lỗ, đưa lên miệng nút một hơi dài hết phân nửa lon. Chuyển cho người thứ hai nút tiếp một hơi nữa là xong lon sữa đặc. À, mà chưa xong, sữa còn dính bên trong lon thì cho nước sôi vào lắc cho tan hết rồi đổ ra bát, chia hai mỗi người một nửa. Hớp từng ngụm một, nghe khỏe ra vì chất ngọt ngấm vào cơ thể!

Đó, thêm ngọt như thế nên hằng tháng chúng tôi cố gắng kiếm một nồi chè. Và chúng tôi đã nghĩ ra phương pháp thực hiện ý muốn này.

Mỗi đầu tháng, chúng tôi cân đủ số lúa tiêu chuẩn cho bốn người ở nông trường. Tôi nhỏ nhất được phân công đi xay và giã ở nhà dân. Tôi chia số lúa ra hai hay ba phần để vác hay gánh đi cho dễ, ngang qua các cây cầu khỉ chông chênh và qua các bờ kinh gỗ ghề trong mùa nắng và trơn trượt trong mùa mưa. Chống xuống mà đi thì tiện hơn, nhưng sợ mấy con công cộc (máy bay oanh tạc một động cơ của Pháp) đến thành linh, giấu xuống và lúa không kịp thì nguy. Thôi, gánh hay vác đi bộ, cực nhưng đỡ lo hơn.

Xay giã mất cả hơn nửa ngày mới xong. Dem về, gạo thì cho vào thùng chứa, cám thì đem đến quán đổi lấy một ít đường và một gói trà nhỏ. Ra ngoài hè moi vài củ khoai lang hay khoai mì, thêm ít gạo, cho cả vào nồi cùng toàn bộ số đường đổi được, thế là có một nồi chè ngon tuyệt trần. Tối, trải chiếu xuống đất, đốt cây đèn nhỏ lên, ngồi quây quần và bắt đầu *u tê cu* (*U.T.Q. = uống trà quạu, từ quen thuộc và khôì hài thời kháng chiến chống Pháp để chỉ chuyện ăn kẹo hay ăn chè và uống nước trà trong các đơn vị ở chiến khu*).

Loáng một cái, nồi chè to bự hết trơn, sạch bóng, khỏi rửa cũng được.

Chuyện *u tê cu* hàng tháng quả là thích thú nên tôi rất hăng hái gánh lúa đi xay và giã. Hầu hết nhà dân đều có giàn xay và cối, đến hỏi là họ cho mượn ngay. Tuy nhiên, tôi thích

gánh gạo đi hơi xa, đến cái nhà mãi tận đầu con kinh. Ở đó có một cô bé mười ba tuổi trông rất xinh. Hai má bầu bầu, miệng cười rất tươi, khi cười thì mắt chớp lia lịa. Cha mẹ cô bé cũng rất thương tôi. Lần đầu tiên ghé nhà chơi, anh cán bộ hướng dẫn giới thiệu tôi là học sinh Sài Gòn vô khu thì ông bà mừng cuống quýt, nài nỉ tôi trở lại chơi nhiều lần. Tôi không trở lại chơi nhưng hàng tháng gánh lúa lại xay nhờ.

Xin các bạn đừng nghĩ bậy bạ, tội nghiệp tôi. Thoát ly gia đình, xa nhà nên tôi bị hút về nơi có hơi ấm của gia đình, tất cả lý do có thể thôi. Mỗi lần thấy tôi gánh lúa đến thì cô bé chạy ra tận ngoài ngõ giành gánh vào nhà, vừa đi vừa la:

- Má ơi má, anh Khá tới.

Bà mẹ vội đi ra. Hai mẹ con lui cui kéo cái xay ra, đổ lúa vào, giành lấy cần xay, kéo kéo, đẩy đẩy. Lúa xay xong, hai mẹ con giành lấy để rê trấu rồi sàng cho sạch. Sàng xong, hai mẹ còn giành lấy gạo lứt cho vào cối để giã. Giã xong, hai mẹ con đổ ra dùm. Dùm xong thì hai mẹ con cho gạo trắng vào một bao, cám vào một bao. Thế là xong. Mấy hôm đầu, tôi cố giành để tự mình xay giã nhưng bên kia có tới hai người nên tôi giành không lại. Vả lại, nếu tôi làm một mình thì đến tối thui mới xong. Gánh gạo về trong đêm tối cũng là chuyện gay go. Thế là tôi đành ngồi chơi hay chỉ phụ giúp hụ hợ mà thôi.

Cô bé xinh, ăn nói có duyên, mặt mày sáng láng, nhưng, tội nghiệp, chưa bao giờ được đi học nên không biết chữ. Tôi bỗng có ý định dạy cho cô học nhưng không biết tính cách nào. Nhà thì cách xa, ban ngày hai đứa đều phải làm việc, ban đêm thì đường đi lại khó khăn.

Một lần, tôi lỡ đại miệng nói ý định tốt đẹp của tôi cho các anh trong nông trường nghe. Thế là, ào ào, các anh đua nhau chọc ghẹo tôi. Các anh bảo:

- Thôi, Tỉnh Đoàn gởi chú về ở luôn nhà cô bé đó để dạy cho cô học và làm rể ông bà luôn. Các anh sẽ mời lãnh đạo xuống làm chủ hôn cho chú.

Tôi suýt khóc vì vừa xấu hổ, vừa giận các anh. Tôi thề bán mạng rằng không có tình ý gì cả. Vả lại cô bé còn quá nhỏ, mới mười ba tuổi thì tình ý cái nổi gì.

Ai dè, dùng một cái, cô bé đi lấy chồng. Chàng rể, người ở cùng xóm, mới mười sáu tuổi, nghĩa là còn nhỏ hơn tôi một tuổi. Chính mẹ cô bé đích thân đến nông trường mời tôi đi dự đám cưới. Ngày hôn lễ, cô dâu và chú rể núng nính ra chào khách. Cả hai đều nhỏ tuổi và nhỏ con nên trông xinh xắn và dễ thương như hai con chim se sẻ. Đúng là hôm đó người ta đã tổ chức lễ cưới cho hai con chim se sẻ. Sau đó hai con chim se sẻ có sinh ra chim se sẻ con hay không thì tôi không biết vì không lâu sau, hiệp định Genève được ký kết, tôi phải rời chiến khu để về công tác tại Sài Gòn.

Chuyện tảo hôn trong Nam thì thường là buồn cười như thế, còn chuyện tảo hôn ngoài Bắc mới là thảm cảnh. Nhân vật chính của một trong những thảm cảnh này là một người bạn tù của tôi. Năm 1956, anh bị nhốt chung với tôi ở khám Tân Hiệp Biên Hòa. Anh người Bắc, độ ba mươi tuổi, tính tình hiền lành dễ thương. Anh kể cho tôi nghe chuyện đời của anh:

- Anh người Ninh Bình, con trai duy nhất của một gia đình khá giả, có nhiều ruộng đất. Năm 1938, anh mới được mười một tuổi thì bố mẹ cưới vợ cho anh. Vợ anh là một chị mười tám tuổi, con nhà nghèo, rất giỏi việc nhà. Lúc đó anh còn đi học, mê bắn bi, đánh đáo và đá cá lia thia, cho nên trong ngày cưới anh đã làm cái gì thì ngày nay anh không còn nhớ một chút nào cả. Anh chỉ còn nhớ lơ mơ câu nói của mẹ anh bảo với anh rằng cứ chịu cưới vợ đi, vì vợ anh có thể lội xuống ruộng bắt cá lia thia về cho anh đá. Anh chịu liền.

Tôi cười thích thú ngắt lời anh:

- Thế cưới vợ xong, anh biết làm cái gì với vợ anh trong đêm tân hôn hay không?

- Chả biết gì cả. Vợ anh ngủ trong buồng, còn anh vẫn ngủ ở bộ ván ngay bên ngoài, như trước. Cho đến bây giờ, anh vẫn sợ cái buồng đó. Nó tối tăm, và anh tin rằng trong đó có ma.

Tôi hỏi tiếp một cách tinh nghịch:

- Vậy thì từ khi cưới vợ về, cuộc sống của anh có gì thay đổi không?

Anh lắc đầu:

- Chả có gì thay đổi cả. Vẫn đi học, ra ngoài sân đình bắn bi, đánh đáo, đá cá lia thia với mấy thằng bạn cùng lứa.

- Vợ anh có xuống ruộng bắt cá lia thia như mẹ anh đã hứa hay không?

- Không bao giờ. Kể từ khi về làm dâu, chị ta túi bụi với việc nhà, còn thì giờ đâu mà đi bắt cá lia thia cho thằng chồng. À, có một điều thay đổi trong nếp sống của anh là trước đây, đi chơi về anh tự tắm một mình thì nay vợ anh lôi anh ra sàn nước, tuột hết quần áo, kỳ cọ kỹ lưỡng; nhiều lúc chị ấy kỳ mạnh quá anh đau la toáng lên. Bố mẹ anh đứng nhìn và cười ha hả.

Tôi chăm chú khi nghe anh kể. Từ trước, tôi đã từng nghe chuyện vợ công chồng đi chơi, nhưng hôm nay nghe chính người trong cuộc kể lại chuyện mình thì thực là lý thú. Tuy nhiên tôi vẫn ngắt lời anh:

- Còn cái đám bạn bè của anh có trêu chọc anh không?

Anh cười:

- Hình như có. Trong số bạn cùng lớp, có nhiều thằng đã lớn tuổi. Chúng nó xúi anh, đêm về chui vô phòng vợ và làm như thế, như thế.

- Anh có làm theo không?

- Chẳng làm. Lúc ấy, anh đâu có dám bước vào cái buồng có ma đó. Vả lại, ban ngày chơi mệt, tối về cơm nước xong là leo lên ngủ một giấc tới sáng.

Anh nói tiếp trong tiếng cười:

- Phải chi anh thao thức trong đêm khuya thì có lẽ cũng làm theo lời bạn xúi một lần cho biết.

Tôi hơi sốt ruột:

- Thế là chuyện vợ chồng cứ kéo dài một cách vô vị năm này qua tháng nọ như thế sao?

Mặt anh bỗng tối sầm lại, giọng trở nên trầm và buồn hơn:

- Không, chỉ hai tháng sau là biến cố xảy ra, một thảm cảnh thì đúng hơn. Tối hôm đó, anh vẫn leo lên bộ ván ngủ như thường lệ. Đêm khuya, đang ngủ say, anh cảm thấy có ai đó chạm vào người anh và nhắc bổng anh lên. Anh được bế vào buồng và sau đó được đặt lên nằm trên một cái gì mát rượi và êm ái. Anh biết đó là da thịt của một con người, và con người đó là ai anh cũng biết. Nhưng anh vẫn ngủ say như khi anh nằm trên bộ ván vậy. Sáng ra, anh thức dậy và thấy mình nằm trên bộ ván như hồi đầu hôm. Vợ anh đã đem anh ra trả lại chỗ cũ.

Tôi lại ngắt lời:

- Chỉ có thể thôi à? Suốt một đêm chỉ có thể thôi sao?

- Chỉ có thể thôi. Chú không tin anh à? Lúc đó, anh chỉ mới mười một tuổi, con nít nhà quê lại chậm biết hơn con nít thành phố. Anh nhắc lại, đêm đó tuyệt đối chỉ có thể thôi. Nhưng chú đừng ngắt lời anh nữa, để anh kể cho hết.

- Xin lỗi anh. Nhưng chuyện như thế thì buồn cười chứ có gì gọi là biến cố hay thảm cảnh.

- Chưa, anh đã nói hết đâu. Ngày hôm đó, mọi chuyện vẫn xảy ra bình thường; buổi sáng, anh đi học, buổi chiều ra sân đình chơi với bạn. Đang chơi một cách hứng thú thì vợ anh ra bảo anh phải về ngay. Chị ta bảo có hai bác của anh từ Hà nội về thăm cùng rất đông

anh chị. Hai bác và các anh chị đang đi thăm bà con trong làng và sẽ về nhà anh ăn cơm chiều và ngủ lại. Vì vậy, anh phải về sớm tắm rửa cho sạch sẽ để đón khách. Trò chơi đang lúc hết sức hấp dẫn, anh năn nỉ vợ anh cho anh chơi thêm một chút nữa. Nàng cương quyết từ chối. Thấy anh còn dửng dăng chưa chịu về, vợ anh bẻ một cành cây đưa lên bảo nếu anh không về thì đét vào mông. Lũ bạn của anh cười rú lên. Anh vừa sợ, vừa xấu hổ, riu riu để vợ anh nắm tay kéo về, nhưng trong bụng thì tức lắm. Về đến nhà, vợ anh lột hết quần áo anh ra để tắm. Hôm đó nàng kỳ cọ anh thực mạnh, anh la làng thì nàng càng kỳ mạnh hơn. Anh thẳng tay tát một cái bốp vào mặt nàng. Nàng cũng không vừa, dang tay đánh một cái thực mạnh vào mông anh. Anh khóc thét lên. Mẹ anh chạy xuống thấy hai vợ chồng đang đánh nhau thì vội hòa giải. Bố anh cũng chạy xuống. Vừa thấy mặt ông, vợ chồng chúng anh vội im thin thít, không dám hó hé gì nữa. Tuy nhiên, đối với anh thì cuộc chiến giữa anh và nàng vẫn chưa chấm dứt.

Một lát sau, khách về đến nhà. Tất cả chín người: hai bác, sáu anh chị con bác và anh rể, chồng của chị cả. Tất cả ngồi vào bàn, chỉ riêng vợ anh chạy lên, chạy xuống bếp, bới cơm so đĩa y như một người đầy tớ. Mọi người lớn vừa ăn vừa nói chuyện râm ran. Anh im thin thít vì vẫn còn tức giận vợ anh. Anh nghe người lớn chuyển đề tài câu chuyện sang đám cưới hai tháng trước của anh. Mọi người quay lại nhìn anh. Bỗng nhiên anh tố cáo vợ anh để trả thù:

- Hồi hôm, con đang ngủ thì chị Hải bế con vào giường và để con nằm trên bụng chị ấy. Chị ấy không mặc quần áo gì cả.

«Cảng», mọi người giật mình quay lại, thấy vợ anh đứng chết trân, tô canh nóng hổi mà chị đang bưng rơi xuống đất vỡ tung tóe. Chị đưa hai tay bùm mặt rồi quay lui phóng chạy ra cửa. Mọi người buông đĩa. Hai vợ chồng chị Cả đẩy ghế chạy ra sân. Một chốc sau họ trở vào, nói:

«Nó chạy ra cổng rồi».

Bữa cơm kết thúc trong buồn bã.

Sau khi dọn dẹp xong, mẹ anh rủ bác gái cùng cầm đèn đến nhà ông bà sui gia để tìm vợ anh. Nàng không có ở đó, mấy bà bắt đầu báo động, nhiều người đổ xô đi tìm. Người ta thò đèn xuống giếng để tìm, người ta ra sông để tìm nhưng không được kết quả gì. Hình như cuộc tìm kiếm vẫn tiếp tục nhiều ngày nhưng vô ích. Về sau, có một người đàn bà cả quyết rằng bà ta thấy vợ anh lên tàu vào Nam.

Sau ngày ấy, cha anh trở nên buồn rầu. Đối với anh, ông có vẻ lạnh nhạt khác hẳn trước. Ít lâu sau, ông nghiện thuốc phiện. Một khi tiên nậu bước vào thì cửa nhà lụn bại một cách nhanh chóng. Năm 1943, ông mất lúc gia đình thực túng quẫn. Khi hấp hối, ông gọi anh lại bảo:

- Bố rất ân hận về chuyện con Hải. Sau khi chết, bố sẽ xuống địa ngục vì chuyện đó. Bố chỉ mong một điều là con luôn ghi nhớ con Hải là vợ chính thức của con. Sau này con có lấy

vợ thì cũng chỉ là vợ hai, vợ ba mà thôi. Con hứa với bố đi.

Anh quỳ xuống ôm tay ông, nói qua tiếng khóc:

- Con hứa.

Anh giữ chặt lấy tay ông và khóc ngất trong khi ông từ từ đi qua bên kia thế giới.

Nói tới đây, anh ngừng lại, nét mặt buồn xo. Tôi hết sức cảm động nên hỏi anh:

- Sau khi chị đi rồi hai cụ có la rầy anh không? Anh có thấy hối hận không?

Anh bạn tù của tôi trả lời nho nhỏ, giọng có vẻ thê lương:

- Không ai rầy rà gì anh cả. Lúc đầu anh không hiểu hết ý nghĩa và hậu quả khủng khiếp của lời tố cáo của anh. Anh chỉ nói điều thực sự xảy ra thôi mà, có thêm bớt gì đâu. Nhưng thái độ lạnh nhạt của cha anh sau đó làm cho anh thấm dần. Niềm đau bắt đầu nhen nhúm trong lòng anh. Nó lớn dần theo năm tháng. Cho đến khi anh lên mười bảy, tuổi bắt đầu nghĩ tới nhu cầu yêu đương thì niềm đau đó thường xuyên cắn xé lương tâm anh. Người ta thường bảo thời gian làm vơi dần niềm đau. Ngược lại trong những năm đó, thời gian cứ làm tăng thêm nỗi ray rứt trong anh. Rồi cái chết của cha anh và lời trắng trối của Người thực sự là phát súng ân huệ cho anh.

Vài tháng sau, mẹ anh cũng đi theo cha anh. Lúc đó, có người về làng mộ phu cho đồn điền cao su, anh tình nguyện đi ngay.

Tôi vội ngắt lời anh:

- Có phải anh có ý định đi vào Nam tìm chị hay không?

- Không hẳn như thế. Sáu năm trôi qua rồi còn gì. Nếu nàng còn sống thì có lẽ đã có chồng con rồi. Vả lại nàng lớn hơn anh những bảy tuổi. Không, anh không có ý định tìm nàng để chấp lại mối tơ duyên. Từ đầu đến cuối anh chưa hề yêu nàng mà chỉ cảm thấy một mặc cảm tội lỗi đối với nàng mà thôi.

Tôi hỏi tiếp:

- Thế tại sao anh bỏ quê hương để vào Nam?

- Có một cái gì đó thôi thúc anh phải vào Nam, có lẽ vì nghe người ta bảo đã gặp nàng xuôi tàu vào trong ấy.

- Rồi anh ở lại trong Nam à?

- Đúng vậy. Anh vào làm phu cạo mủ ở đồn điền cao su được hơn một năm thì Cách mạng Mùa Thu bùng nổ, anh theo kháng chiến luôn.

- Tại sao, sau hiệp định Genève anh không tập kết về Bắc?

- Anh xin ở lại. Có một cái gì đó giữ chân anh lại miền Nam này.

- Chắc vì anh nghĩ chị vẫn còn sống ở miền Nam?

- Có lẽ đúng thế.

Tôi nhìn thẳng vào mặt anh:

- Hiện giờ anh có vợ chưa?

- Chưa.

- Tại sao ở tuổi này mà anh vẫn chưa chịu lấy vợ?

Anh nhìn tôi cười buồn:

- Tại sao bỗng dưng em truy anh dữ vậy? Ừ, ừ, anh chưa lấy vợ, có lẽ vì bận đi kháng chiến.

- Xí! Anh đừng nêu lý do đó để gạt em. Em biết trong khu, người ta cũng làm đám cưới ào ào đó chứ. Thực tình, anh có muốn gặp lại chị không?

Anh ngập ngừng:

- Có, anh muốn gặp lại một lần thôi.

- Để làm gì?

- Để xin nàng tha tội cho anh.

Anh thở dài, tôi cũng thở dài theo.

Tôi trở về chỗ nằm. Đêm đó tôi thao thức đến khuya, nghĩ mà thương cho anh bạn tù của

tôi, thương cả chị Hải mà tôi chưa hề biết mặt. Cả hai đều là nạn nhân của tảo hôn, một tục lệ hết sức tệ hại và rất phổ biến trước đây.

Ở thời đại chúng ta, tục lệ trên đã được đẩy lùi nhưng chưa hẳn đã hết trong xã hội, nhất là ở nông thôn. Tôi đã có dịp đi nhiều nơi và tôi đã chứng kiến, trong sinh hoạt của người dân mình, nhiều điều xấu xa và nhiều điều tốt đẹp diễn ra ngay trong một gia đình và cả ngay trong một con người nữa.

Về điều này, tôi đã dạy cho học trò tôi phân biệt rõ, trong tài sản tinh thần mà ông cha mình để lại, cái nào là mỹ tục, cái nào là hủ tục. Mỹ tục thì có sức bảo tồn, hủ tục thì cương quyết dẹp bỏ. Tôi cảm thấy rằng lời nói của tôi có tác dụng phần nào đến tư duy của các em.

Bài trừ những hủ tục trong xã hội mình, nhất là ở nông thôn thì rất cần thiết. Trước hơn ai hết, chính thầy cô phải đảm nhiệm công việc khó khăn này. Theo tôi, chức năng giáo dục không chỉ bó gọn trong việc truyền bá kiến thức mà phải mở rộng ra đến sự cải tạo con người và xã hội. Rất mong các thầy cô trẻ đồng ý với tôi.

DON BOSCO

Don Bosco, tên của vị Thánh sáng lập được dùng làm tên của Tiểu chủng viện dòng Salésien ở Thủ Đức. Chủng sinh được tuyển cẩn thận từ lớp Đệ Thất (lớp Sáu). Qua bốn năm đầu học ở Trại Hành, gần Đà Lạt, số này rơi rụng dần; thành phần ưu tú còn trụ lại, được chuyển về Thủ Đức để qua ba năm học cuối cùng ở bậc trung học, trước khi lên Đại chủng viện tức là Đại học của Giáo hội.

Tôi có một người bạn đang dạy ở tiểu chủng viện Don Bosco. Vào giữa năm học 1968-1969, tình hình anh phải di chuyển về quê. Để tránh gây phiền phức cho nhà trường, anh nhờ tôi vào thay thế cho đến hết niên khóa. Vì tình bạn, tôi nhận lời nhưng trong lòng đầy mặc cảm.

Tôi là người ngoại đạo, nhà trường lại dành cho chủng sinh, những người được đào tạo để trở thành đại diện chính thức của Thiên Chúa, sẽ thấy Ngài chặn dắt đàn chiên rải rác trên khắp quê hương. Mặc cảm của tôi là chuyện không thể tránh khỏi.

Tuy nhiên, chỉ qua một tuần lễ đầu, mặc cảm giảm bớt đi rất nhiều; các em chủng sinh đã trao cho tôi tình thương mến còn hơn cả một số trường phi tôn giáo mà tôi đã dừng chân trong quá khứ.

Khung cảnh trang nghiêm của ngôi trường, sự đối xử của các tu sĩ, lòng yêu mến của học sinh làm cho ngôi trường nhanh chóng thành nơi thân thuộc của tôi.

Trong trường, có một linh mục người Ý. Lần đầu tiên gặp Cha, tôi giật mình sửng sốt, miệng lẩm bẩm một cách tự nhiên:

- Don Quichotte de la Manche!

Thực vậy, dáng Cha gầy và cao lêu nghêu, gương mặt già nua hiền lành, vừa khắc khổ, vừa thơ ngây, đúng y hình ảnh Don Quichotte mà tôi tưởng tượng từ thuở bé khi say mê theo dõi các cuộc phiêu lưu kỳ thú của chàng hiệp sĩ khùng mà nhiệt thành, dưới ngọn bút tài hoa của Cervantes. Tuổi trẻ thường có những nhân vật không tương đối với người lớn nhưng lại là có thực đối với tuổi trẻ, đặc biệt là những tuổi trẻ hay mơ mộng. Tuổi trẻ của tôi cũng thế thôi.

Do đó, hẳn có dịp là tôi tìm cách ngồi bên cha trò chuyện. May quá, cha nói được tiếng Pháp. Những câu chuyện thì rất tầm thường, nhưng tôi thích thú vì được trao đổi lời nói

với Don Quichotte bằng xương, bằng thịt của tôi.

Học sinh Don Bosco học giỏi lắm, hơn tất cả các trường mà tôi đã và đang dạy. Từ trước đến nay, học sinh các lớp rất ngán tôi vì tôi hay cho các em điểm không. Nhiều lần, học sinh gọi tôi là «*chuyên viên nuôi vịt đẻ*» vì những con số không mà tôi gọi là trứng vịt, được tôi ban phát rất rộng rãi và đều đặn. Số lượng trứng trong cả cuộc đời dạy học của tôi có lẽ đủ để làm tất cả bánh trung thu của một mùa trăng tháng Tám! Thế mà chưa bao giờ tôi đặt được một quả trứng vào sổ điểm của trường Don Bosco.

Có một lần, tôi suýt làm được việc đó, không phải một quả mà có thể một giỏ đầy. Câu chuyện thế này.

Trước năm 1975, các trường thường giao cho tôi dạy Vật lý Hóa học nhiều hơn là Văn vật học. Vào các tiết cuối cùng của tuần lễ, tôi thường cho rất nhiều bài tập để các em tự làm trong ngày chủ nhật. Đạo đó, học sinh cứ đến chủ nhật là đi rong chơi chứ không đi học thêm đến kiệt lực như ngày nay. Cho nhiều bài tập để các em tự luyện và bớt đi rong chơi, tôi chủ trương như thế. Hôm đó là ngày thứ bảy, tôi cũng theo thông lệ, cho lớp mười một Don Bosco một đồng bài tập.

Sáng thứ hai kế tiếp lại có giờ ở lớp này. Tôi góp tất cả vở bài tập của các em lên để kiểm tra. Hầu hết không làm bài hoặc làm chưa xong. Tôi giận dữ, không nói không rằng, dẫn mạnh sổ điểm trên bàn và lật ra. Những quả trứng vịt tròn vo đang nhảy múa trong đầu tôi. Học sinh thấy nét mặt bức bối và thái độ bất thường của tôi nên cả lớp im phăng phắc, không khí căng thẳng như dây cung trong tay tôi đã kéo ra hết mức. Chỉ cần tôi buông tay là trứng vịt sẽ ào ào tuôn vào sổ điểm, mà một khi chúng nó đã nằm vào đó rồi thì sẽ nằm cứng luôn; tôi không bao giờ chịu sửa điểm trong sổ ở bất cứ trường hợp nào.

Tôi mở cặp ra để mò tìm cây bút, học trò ngồi im như những pho tượng, không dám thở mạnh, mở to mắt nhìn theo tay tôi. Có lẽ các em đã đoán được điều tệ hại sắp xảy ra rồi.

Bỗng nhiên, em trưởng lớp đứng bật dậy:

- Thưa thầy...

Tôi dừng tay, nhìn xuống. Mắt em như van lơn. Vô ích thôi. Đã biết bao nhiêu lần trong những năm dạy học, các em lười biếng theo năn nỉ tôi. Chẳng những tôi không động lòng mà nhiều khi còn nổi giận la mắng và cho quả trứng vịt to hơn bình thường. Một quả trứng vịt cho mỗi em, đó là cái giá quá nhẹ mà các em phải trả vì không làm đầy đủ bốn phần học sinh của mình.

Tôi ngừng tay nhìn em trưởng lớp, chờ đợi câu năn nỉ để tôi đáp lại bằng câu la rầy thì những quả trứng càng thêm tác dụng. Em nuốt nước bọt và nói nhanh:

- Thưa thầy, ngày chúa nhật, chúng con bận việc suốt từ tinh sương đến chiều tối, không

rảnh một phút nào.

Tôi ngạc nhiên, nhìn em không chớp mắt. Em cúi đầu xuống, nói một hơi không nghỉ, sợ gián đoạn sự trình bày:

- Dòng của chúng con tuân theo tôn chỉ của Thánh Don Bosco, cứu giúp trẻ bụi đời. Cứ mỗi ngày chủ nhật, từ sáng tinh mơ, hàng ngàn đứa trẻ bụi đời toàn thành phố quy tụ về đây. Chúng con quần quật suốt ngày với các em bé đáng thương đó: lo cho các em ăn uống, chơi đùa, ca hát, thi đấu thể thao, tắm rửa, vân vân... Chúng con mệt nhoài. Buổi tối, sau khi các em ra về, chúng con còn nhiều việc bắt buộc cho một chủng sinh nên khi được đặt lưng xuống giường là chúng con không còn biết trời đất gì nữa.

Em nói xong, ngồi xuống. Cả lớp im phăng phắc nhìn tôi, chờ đợi phản ứng của thầy. Tôi cảm thấy lòng mình bị lương tâm ngoạm cho một miếng đau nhói. Nhưng may, nó nhả ra ngay vì tôi chưa kịp tung những quả trứng vịt vào sổ điểm các em.

Sau này, tôi được biết rằng em chủng sinh nào nhận một con số không trong sổ điểm là có thể đứng trước nguy cơ bị loại ra khỏi tiểu chủng viện. Hú vía cho tôi hôm đó!

Trường Don Bosco là trường của nhà dòng Thiên Chúa giáo, nên vẫn là một tư thục. Lúc bấy giờ, các tư thục nói chung đều hội họp trong mỗi kỳ thi Tú tài. Trường nào có học sinh thi đậu với tỉ số đến bốn chục phần trăm thì đã đánh trống khua chiêng, quảng cáo ầm ĩ hòng thu hút học sinh cho năm học sau. Thế mà Don Bosco thì không bao giờ nói đến tỉ số học sinh thi đậu vì không có em nào thi rớt cả. Hiện tượng Don Bosco là hiện tượng khác thường của những năm trước 1975. Trái ngược với ngày nay, tỉ số học sinh thi đậu tú tài vượt trên chín chục phần trăm, là chuyện quá thường tình. Các bạn tôi đều công nhận trình độ cả thầy lẫn trò ngày nay thấp hơn xưa, nhưng tỉ số thi đậu vẫn cao vọi vọi. Lạ lùng hơn nữa, các tỉnh càng ở xa, trình độ càng thấp thì học sinh càng đậu nhiều, tỉ số một trăm phần trăm không hiếm cho cả một hội đồng thi. Ai cũng biết kỳ thi nào cũng có thí sinh bỏ thi hoặc bỏ cuộc nửa chừng, nên tỉ số đậu 100% có nghĩa là các em không muốn đậu cũng bắt buộc phải đậu luôn.

Tôi xin nhắc lại hiện tượng Don Bosco ngày ấy là một hiện tượng bất thường. Có hợp tác với trường thì thấy các em chủng sinh hoàn toàn xứng đáng với hiện tượng bất thường đó. Dạy ở trường này, các thầy đều phải thận trọng vì nếu lỡ dạy một chi tiết không chính xác, sợ e học sinh nhận ra. Thông thường, thầy giỏi, học trò sẽ giỏi. Ngược lại, trò giỏi, thầy cũng phải giỏi theo. Bài giảng của thầy phải được soạn một cách kỹ lưỡng để tránh sai sót, kiến thức của thầy phải được thường xuyên củng cố để trả lời chính xác những câu hỏi của học sinh, thế là các em đã giúp cho thầy thăng tiến trong nghề nghiệp. Những năm dạy ở Don Bosco, tôi đã nhận được điều tốt lành đó.

Còn nhỏ mà học giỏi thì con đường trí thức trong tương lai cũng rộng mở. Tôi biết không

ít học sinh Don Bosco của tôi dạo đó, nay đã trở thành những linh mục, những giáo sư của nhiều trường đại học danh tiếng trên thế giới. Điều đó tạo nên niềm hãnh diện, niềm vui sướng trong tuổi già của tôi. Trong đời nhà giáo, không có gì hạnh phúc bằng khi thấy học trò mình đã vượt xa mình về khả năng, về kiến thức hay về tư cách làm người.

Trong những «ngày xưa» đó, chúng sinh Don Bosco học giỏi mà chơi cũng không thua ai. Đội bóng đá của Don Bosco đoạt chức vô địch nhiều năm liên tiếp ở giải học sinh trung học. Tôi rất thích điều này vì lúc bé tôi mê đá banh hơn bất cứ trò chơi nào khác. Có lẽ, Pél   hay Maradona thời thơ ấu cũng mê chơi bóng cỡ như tôi là cùng. Có điều khác là hai người đó về sau trở thành siêu sao được cả thế giới thán phục, còn tôi thì chẳng được ai khen ngợi.

Tuy vậy, khi nghe tôi thích bóng đá, các em rất hào hứng nên xúm lại năn nỉ tôi tham gia một trận với các em. Năn nỉ mãi thì tôi phải xiêu lòng và nhận lời. Tất cả học sinh nghe tôi ra sân trong sắc áo cầu thủ thì rất phấn khởi. Tôi được sắp vào đội banh lớp mười hai để tranh giải với đội banh lớp mười một. Khán giả đông lắm, có cả cha hiệu trưởng nữa. Tôi được các em xếp vào vị trí trung phong. Tôi đứng gần vạch vôi giữa sân và bỗng nhiên cảm thấy một niềm hãnh diện dâng lên trong lòng. Tôi nghĩ rằng, nếu mình đá được quả banh đầu tiên vào lưới của đối phương để nghe âm thanh hò reo tán thưởng của khán giả thì đó là điều tuyệt vời.

Cuộc chơi bắt đầu bằng tiếng còi khai trận thực dài của trọng tài. Quả banh được giao qua cho người thứ nhất. Em này chuyền ngay đến chân tôi. Tôi đang là cầu thủ được chú ý nhiều nhất trên sân. Tôi cố gắng chặn được quả banh, chưa kịp đá đi thì một cầu thủ của phía đối phương phóng tới và rầm một cú như trời giáng, tôi ngã soài xuống đất, chân đau nhói, không đứng dậy ngay được. Tiếng còi khai trận chưa kịp tan thì tiếng còi ngưng trận vang lên.

Cầu thủ phạm lỗi vội vàng quay lại đỡ tôi đứng dậy nhưng sợ tôi không đứng vững nên hai người dìu tôi ra khỏi sân. Nhiều người kể cả trọng tài, xúm lại năn nỉ bóp chân tôi. Không sao cả, chỉ trầy sơ, thoa chút dầu thì bớt đau. Trọng tài ra lệnh tôi trở vào sân, tôi từ chối. Cầu thủ và khán giả xúm lại năn nỉ tôi chơi tiếp, tôi cũng từ chối. Nghĩ đến ngày mai phải c   thọt bước lên bục giảng, tôi cảm thấy máu cầu thủ trong tôi bỗng nguội lạnh như đồng tro tàn. Tôi vào sân vừa được mười giây va chạm banh được một lần. Thế là quá đủ rồi. Đến ông Chủ tịch FIFA, nếu xuất hiện và năn nỉ, thì tôi cũng từ chối thôi.

Học giỏi, đá banh giỏi, âm nhạc lại càng giỏi hơn. Dàn k  n của Don Bosco thì hay vô cùng. Dạo đó, nhiều cơ quan ở địa phương thường nhờ dàn k  n của Don Bosco đến làm lễ chào đón thượng khách ngoại quốc nữa kia. Trong trường, mỗi lần, dàn k  n tr  i lên thì tôi ngưng mọi sinh hoạt bên ngoài và bên trong, mở tung các cánh cửa tâm hồn để âm nhạc tu  n vào.

Tôi còn nhớ rõ, gần mười năm sau, đúng ngày No  l 1978, có ba học sinh Don Bosco ghé thăm tôi sau khi vĩnh biệt tiểu chủng viện. Mỗi em mang theo một cây k  n. Các em chơi liền hai bản thánh ca. Âm nhạc lập tức biến căn nhà lá vách đất   p   p của tôi thành một

thiên đường rực rỡ. Tôi đắm chìm trong niềm hoan lạc lạ kỳ. Tôi nhìn qua khung cửa sổ. Trên bầu trời xanh lơ, có vài dải mây bàng bạc lững lờ trôi. Đó là những cỗ xe trời, dùng để chở các Thiên thần đi mừng Chúa Hài đồng giáng thế. Thiên thần nghe tiếng nhạc, vén mây nhìn xuống và mỉm cười.

Đó là lần đầu tiên trong đời, tôi có một khái thị đột nhiên về tôn giáo, thăng hoa đến mức như vậy.

Sau hai bản thánh ca, các em ôm đàn đi mất, không bao giờ trở lại nữa.

Tôi xin trở lại câu chuyện năm 1969, ở trường Don Bosco. Tôi là người ngoại đạo, vào chủng viện, dạy thế cho bạn tôi trong một lục cá nguyệt, tức là một học kỳ mà thôi. Một lục cá nguyệt, thực là ngắn ngủi. Lúc đó, trường có sáu giáo sư ở ngoài vào dạy các môn khoa học và sử địa. Còn quốc văn, triết học và sinh ngữ thì do các tu sĩ trong trường đảm nhiệm. Các giáo sư, ngoại trừ tôi, đều là con chiên ngoan đạo.

Ngày cuối cùng của năm học, các thầy giáo ngồi lại với nhau, ăn bánh uống nước, nói chuyện phiếm. Một lát sau, linh mục hiệu trưởng lên bắt tay từng người và trao cho mỗi giáo sư một phong thư. Tôi biết bên trong có món thù lao tháng chót và một lá thư chữ đánh máy của nhà trường.

Tôi cũng biết thư gồm hai loại. Thư cảm ơn suông, không nói gì thêm, thì năm học sau đừng đến nữa; thư cảm ơn và hẹn tái ngộ thì năm học sau trở lại dạy. Tôi chắc mẩm là mình được thư cảm ơn suông vì hôm nay, tôi hết hạn «*hợp đồng miễn cưỡng*» với nhà trường. Xin nhắc lại, tôi đến đây dạy không phải do lời mời chính thức của nhà trường mà chỉ tạm thời dạy thế cho bạn tôi đến hết năm học. Nếu rời nơi đây thì về việc tiền bạc, tôi không phải lo lắng gì cả vì trong một vài năm gần đây, tôi đã từ chối bớt một số giờ trường tư bên ngoài mà thù lao còn cao hơn ở trường này khá nhiều.

Tuy nhiên, tôi vẫn thấy một nỗi buồn man mác khi phải từ giã ngôi trường này. Qua khung cửa sổ, tôi nhìn hàng cây cao lung lay trong gió sớm. Chúng đã trở thành quen thuộc và kể từ nay tôi sẽ không còn trông thấy nữa. Tôi nhìn xuống sân banh, cỏ đã bắt đầu mọc xanh từng đám sau một tháng mưa đầu mùa. Trên cái sân vô tri vô giác này, tôi đã từng khoác áo cầu thủ và đã được những bàn tay thân yêu dìu ra khỏi cuộc chơi. Tôi nhìn qua chiếc cổng thâm nghiêm và cổ kính, nơi hằng ngày khi tôi bước qua thì đều có cảm giác đi từ cuộc đời trần tục để vào lĩnh địa của hiền hòa, chân thật và đạo đức. Tôi sắp xa nơi đây và chắc chắn tôi sẽ không quên ngôi trường này dù tôi chỉ mới đến dạy chưa tròn một niên khóa.

Cha hiệu trưởng đã đưa phong thư cho tôi; tôi cầm trong tay, định bụng về nhà đưa cả cho vợ tôi để cô ấy moi tiền ra đi mua sắm.

Năm người kia, trái lại, mở phong bì ra xem ngay. Ba lá thư cảm ơn suông, hai lá thư hẹn tái ngộ. Hai người thì vui, ba người mặt thoáng buồn. Mỗi người nhìn sang tôi và chờ đợi. Hiểu ý, tôi bóc phong bì ra. Tôi phải đọc lá thư đến hai lần: thư hẹn tái ngộ, nghĩa là, xin

nhắc lại, trường mời sang năm đến dạy tiếp!

Cái mặc cảm người ngoại đạo của những ngày đầu mới đến đây, tưởng đã biến mất khi năm học kết thúc, bỗng dưng trở lại trong tôi với lá thư này. Sau khi anh em đứng dậy chia tay, tôi bước xuống cầu thang thì gặp cha hiệu trưởng từ văn phòng đi ra. Tôi chặn lại và vào đề ngay:

- Thừa Cha, Cha có biết con là người ngoại đạo hay không?

Cha ngạc nhiên nhìn tôi, nhưng khi thấy tôi vẫn còn cầm phong thư trong tay, Cha chợt hiểu. Ông mỉm cười trả lời:

- Không biết sao được. Thầy Nghĩ phải nói điều đó khi giới thiệu thầy vào đây chứ.

Nét mặt Cha bỗng nghiêm lại, nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Tất cả mọi người đều là con chiên của Chúa, không riêng gì người có đạo. Thầy hãy an tâm và cố gắng làm theo lời Chúa dạy: *luôn luôn tận tâm với học sinh, tại đây và ở mọi nơi mà thầy đến dạy.*

Nói xong, Cha siết chặt tay tôi và quay gót. Tôi đứng yên, nhìn theo tà áo đen chậm chạp di chuyển trong ánh nắng ban mai, lung linh, tràn đầy thánh thiện.

Tôi nghĩ thầm: *«Tất cả mọi người đều là con chiên của Chúa. Có những con chiên ngoan đạo đã vào hàng ngũ chính tề trong các thánh đường dưới chân tượng Chúa. Lại có những con chiên đang mãi rong chơi ngoài đồng nội, quên cả giờ về cho Chúa điểm danh!»*

Hôm đó, lòng tôn sùng tôn giáo trong lòng tôi bùng lên cao ngút, tuy nhiên tôi vẫn là người ngoại đạo. Trong gia tộc tôi, mọi người đều theo đạo Phật cho nên tôi muốn mình vẫn là người ngoại đạo để không tạo khoảng cách có thể không tránh khỏi đối với gia đình và bà con thân thuộc. Tuy nhiên, tôi vẫn có lòng tôn sùng các đấng chí tôn của các tôn giáo, rất cảm động khi nghĩ đến đức từ bi, bác ái của các Ngài. Tôi cũng thường đề cao cái hay cái quý của tôn giáo với học trò tôi với lòng mong muốn mọi người thuộc các tôn giáo khác nhau thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Hiện tại, trên thế giới nhiều người đang thổi bùng sự mâu thuẫn tôn giáo đến thù hận và chém giết nhau một cách dã man. Dân tộc Việt Nam thì hiền lành nhưng người làm giáo dục phải biết lo xa, lòng khoan dung tôn giáo cần phải dạy cho mọi người nhất là cho giới trẻ thấm nhuần. Các thầy cô trẻ tuổi có đồng ý với tôi như thế không?

ZÉRO LOẠI

Trước năm 1975, kỳ thi tú tài trải qua nhiều lần thay đổi. Lúc đầu, có hai tú tài liên tiếp: Tú tài một hay Tú tài bán phần dành cho học sinh lớp Đệ nhị, qua được mới lên lớp Đệ nhất để thi Tú tài hai hay Tú tài toàn phần. Về sau, gần như song song với việc đổi tên lớp, người ta bãi bỏ Tú tài một cho lớp Mười một. Trẻ em học một hơi từ lớp Sáu đến lớp Mười hai và qua một kỳ thi Tú tài duy nhất để kết thúc quãng đời thơ mộng của mình.

Thể thức thì cũng thay đổi. Lúc đầu có hai giai đoạn, thi viết xong, nếu đậu thì qua thi vấn đáp. Thi viết chỉ có ba môn chính cho tú tài II, vấn đáp thì tất cả các môn. Sau cùng bỏ luôn vấn đáp, chỉ thi viết cho tất cả các môn. Mỗi ban có các môn chính với hệ số cao, các môn còn lại, gọi là phụ, đều có hệ số một.

Tuy nhiên, mỗi môn, dù là phụ, đều có thể loại cả kỳ thi. Cho số không, đóng khung rồi đề thêm chữ '*loại*', viết lý do, thế là xong đời. Các thí sinh bị loại, hầu hết là vì gộp giấy trắng, hoặc chỉ chép đề rồi ra về. Một ít viết nhảm nhí trong bài thì cũng bị loại luôn.

Đối với tôi, việc cho số không rồi đóng khung là việc quá thông thường, kỳ thi nào cũng có, nhiều nhất là chấm trúng các trung tâm quân nhân và thí sinh tự do là những người đã lớn tuổi, không phải là học sinh các trường trung học công lập hoặc tư thục. Thường họ chẳng học hành gì cả, không loại thì họ cũng rớt.

Tất cả lý do đều là: «giấy trắng». Chỉ một lần duy nhất, không phải là «giấy trắng» mà là một bài dài thậm thụt, có một chút kiến thức đúng với đáp án. Tôi vẫn nhớ mãi lần đó. Về sau, điểm '*zéro loại*' của bài này vẫn ám ảnh tôi mãi và trở thành nỗi ray rứt, mấy chục năm rồi cũng vẫn còn.

Tôi chỉ thực sự cầm bút đỏ một số năm lúc mới đi dạy. Về sau thường phải làm trong ban chỉ huy hội đồng nên ít có dịp tự tay chấm bài. Vì thế, câu chuyện xảy ra lúc tôi còn trẻ lắm, vẫn còn tính nông nổi và tự cao tự đại chứ chưa có tính thận trọng của người đứng tuổi.

Thông thường, khi lãnh một xấp bài thi do tổ trưởng trao, giám khảo cầm trong tay, đưa lên, đưa xuống để ước lượng sức nặng của nó. Xấp bài nhẹ thì lòng giám khảo cũng nhẹ vì mỗi thí sinh chỉ làm bài trên một tờ giấy, trong đó, có những tờ giấy trắng, vèo một cái là chấm xong. Xấp bài nặng thì lòng giám khảo cũng nặng theo vì ngay trước mắt là những giờ dài cầm cúi trên những trang giấy đặc lền chữ viết.

Tuy ngao ngán vì xấp bài nặng trĩu nhưng khi cầm cây bút đỏ trên tay, tình cảm thầy trò vẫn bàng bạc trong lòng. Gặp những bài làm đúng, nét chữ rõ ràng dễ đọc, trình bày mạch lạc thì vui thích lắm. Giám khảo thường nắn nót một số điểm khả quan vào ô điểm và câu khen ngợi không tiếc lời trong ô lời phê. Trái lại, gặp những bài chữ nguệch ngoạc, căng mắt ra để đoán suốt cả hơn mười trang giấy, quả thực là cực hình. Nỗi bực tức khó lòng mà kiềm chế được.

Dạy ở các lớp thi, tôi luôn luôn nhắc nhở học sinh nhiều lần trong năm học về việc trình bày bài thi của mình. Tôi biết học sinh ít để tâm đến lời khuyên của thầy nên tôi thường mô tả tâm trạng của giám khảo bằng hình tượng so sánh như thế này:

- «Khi bắt gặp một truyện ngắn hay nhất thế giới, các em có thể đọc đi đọc lại bao nhiêu lần? Ba lần? Sáu lần? Mười lần? Không thể hơn được nữa. Thế mà trong kỳ thi, chúng tôi, mỗi người phải đọc chuyện ngắn dở nhất thế giới, liên tiếp hàng trăm lần mỗi ngày».

Ngao ngán không biết chừng nào mà kể. Hơn nữa, đâu phải đọc suông như đọc tiểu thuyết giải trí mà phải căng óc ra để suy nghĩ và nhận xét đúng sai. Trong tâm trạng đó, nếu gặp bài trình bày lồi thối, bực mình là điều dễ hiểu.

Nhiều em lại viết chữ quá xấu, cầu thả, đá móc lung tung, có khi đọc không nổi, phải đoán mò từng chữ. Khổ nổi, những bài như thế thường rất dài, có khi đến hơn năm tờ giấy đôi tức là hơn hai mươi trang lớn tất cả. Tôi cam đoan, có nhiều thầy cô, không đủ kiên nhẫn, đã bỏ qua một số đoạn của bài làm, nhất là vào giờ cuối cùng của buổi chấm thi, khi đã mệt mỏi rã rời. Vì vậy, có nhiều học sinh rớt tú tài, không phải vì thiếu kiến thức mà vì chữ quá xấu.

Tôi biết, lỗi không hoàn toàn do các em, mà chính yếu là do các thầy cô ở bậc tiểu học. Viết chữ xấu là khuyết điểm trầm trọng nhất trong những năm học đầu đời của các em; đến lớp mười trở đi, khuyết điểm đó trở thành nhược điểm, không thể nào sửa được nữa.

Người ta thường gọi chữ xấu và khó coi là '*chữ bác sĩ*' trên các toa thuốc. Điều đó không phải là bịa đặt đâu. Người ta thường có quan niệm sai lầm rằng bác sĩ nào viết chữ chân phương, ai đọc cũng được thì chưa phải là bác sĩ có tài. Tôi rất phẫn nộ về điều này. Chữ của bác sĩ trên toa thuốc là những chữ cực kỳ quan trọng, liên can trực tiếp đến sinh mạng con người. Thế mà, muốn chứng minh rằng mình là một bác sĩ giỏi thì một trong những yếu tố cần thiết là chữ phải rất khó đọc, càng khó đọc càng ngon lành!

Môn tôi dạy, một số học trò giỏi có mộng làm bác sĩ. Do đó, hàng trăm, hàng ngàn lần, tôi căn dặn các em phải hết sức đả phá quan điểm lạ kỳ và tai hại về '*chữ bác sĩ*' trên đây. Với các em không có mộng làm bác sĩ, tôi cũng dạy các em rằng chữ viết tròn trịa và dễ thương trong các lá thư, trong những đơn xin việc sẽ tạo ấn tượng tốt đẹp đầu tiên nơi người nhận và góp phần không nhỏ cho sự thành công trong cuộc đời mình.

Tôi xem trọng chữ viết của các em như thế đó, và tôi cũng ước mong cha mẹ học sinh và các thầy cô dạy tiểu học cùng chia sẻ quan niệm của tôi.

Bây giờ, tôi xin trở lại bài thi mà tôi đánh rớt. Đó là một bài thi gồm bốn tờ đôi, đủ mười sáu trang giấy thi khổ lớn, đầy những dòng chữ khó coi vô cùng, phải vừa đọc vừa đoán ý người viết. Thí sinh trả lời đủ năm câu hỏi của đề thi, cũng có trúng phần nào đó với đáp án, nhưng ít thôi còn phần lớn thì sai hoặc tôi đọc mà chẳng hiểu gì. Mỗi phần trong bài làm chỉ gồm một câu duy nhất kéo dài, có khi đến năm trang giấy, không một dấu chấm, không một dấu phết.

Bạn bè thường khen tôi tận tâm với bài thi vì khi chấm thi, tôi cố gắng nhắc như mình không được bỏ sót một chữ nào trong bài thi vì mỗi chữ đều là một công sức trí tuệ của các em. Do đó, với bài thi này, tôi lặn ngụp trong một vũng lầy hay đúng hơn một sa mạc mênh mông đầy cát nóng bỏng, không một bóng cây, không một ốc đảo. Nỗi bức tức cứ tăng lên dần thành sự phẫn nộ.

Đến khi tôi thoát ra khỏi sa mạc đó, tôi không còn tự kềm chế được nữa. Tôi quất ngày hai con số không và đóng khung lại, mạnh tay cho đến đổi gần rách giấy. Còn lý do để loại, tôi ghi vào: «Không viết được Việt ngữ, không xứng đáng đậu tú tài!».

Dĩ nhiên, đây chỉ là lý do thứ yếu. Tuy nhiên, lý do này không phải là bịa đặt, vì ngoài lỗi không chấm câu, thí sinh còn phạm vô số lỗi về chính tả và văn phạm trong bài thi.

Khi anh tổ trưởng kiểm tra lại, lúc đầu anh ngạc nhiên vì bài mười sáu trang mà bị loại. Nhưng chỉ cần nhìn trang đầu thôi, anh cũng không có can đảm đọc cho biết bài đúng hay sai. Anh liếc sơ mấy trang sau và nhanh chóng thông qua và ghi vào biên bản, hay đúng hơn, ghi vào bảng danh sách các bài bị loại và số mật mã của bài thi.

Đến đó là xong vì kỳ thi thường kéo dài, mọi người đều mệt mỏi, lại có hàng núi công việc phải giải quyết cho đúng quy chế để kết thúc hội đồng cho gọn gàng, nên một việc nhỏ mọn như thế thì chẳng ai quan tâm sau đó.

Người quan tâm duy nhất là tôi. Lúc đầu, tôi cũng hiu hiu tự đắc lắm vì nghĩ rằng đã chứng tỏ mình là người rất yêu tiếng Việt, rất tha thiết với ngôn ngữ của Tổ quốc mình.

Dần dần, tôi cảm thấy lờ mờ, có một cái gì đó có vẻ không ổn trong quyết định bất thần này. Đạo đó, bằng Tú tài rất quan trọng và có tính quyết định khá cao trong bước ngoặt của một đời người. Vì vậy xã hội còn quý bằng Tú tài lắm. Thì mới chỉ cách đây không lâu, khi tôi đậu Tú tài, cả làng đều biết mặc dù làng tôi cách Sài Gòn, nơi tôi sống, đến hơn một ngàn kí lô mét. Hè năm đó, khi đậu xong, cha tôi bảo tôi cùng về thăm làng. Cha tôi về trước tôi mấy hôm.

Ngày hôm tôi về, tối đến, có ba cụ lớn tuổi trong làng, áo dài khăn đóng, đến thăm, mang theo một cái gói to và nhẹ. Các cụ trịnh trọng đặt gói lên bàn và dỡ ra. Bên trong là một tấm hoành phi có tua vàng. Trên nền vải đỏ, có bốn chữ Hán viết kiểu đại tự màu hoàng kim rực rỡ. Hai cụ đứng hai đầu căng tấm hoành ra. Cha tôi đứng yên nghiêm giọng đọc to: «**Tam đại khoa bảng**» (ba đời thi đậu). Ông nội tôi đang ngự trên bàn thờ, cha tôi thì

đứng đó một cách kính cẩn, còn tôi lặng người đi vì kinh hoảng.

Bà nội tôi lúc đó còn sống, sai dựng tôi và một người đàn ông nữa treo bức hoành phi lên trước bàn thờ ông nội tôi. Đôi mắt ươn ướt của bà nhìn người con trai trưởng rồi quay sang đứa cháu đích tôn. Không bao giờ, tuyệt đối không bao giờ tôi có đủ từ ngữ để mô tả đầy đủ cái nhìn đó, từ khuôn mặt già nua và phúc hậu của bà. Mãi mãi, tôi không quen khuôn mặt ấy vì đó là trọn vẹn quê hương ngà ngọc của tôi.

Nam 1965, bà mất, tôi về chịu tang. Tấm hoành phi còn treo giữa nhà, màu sắc đã bạc đi, không còn rực rỡ như xưa. Các năm sau đó, chiến tranh đi qua đi lại làng tôi mấy lần. Ngay lần đầu tiên, ngôi nhà từ đường cháy rụi. Dựng tôi bảo bức hoành phi cũng cháy theo rồi. Tôi không nghĩ như vậy. Tôi cho rằng bà tôi đã trở về mang bức hoành phi đi, đến treo nơi chỗ ở của ông nội tôi, chỗ ở vĩnh viễn của hai ông bà, một chốn xinh đẹp mà Đức Phật Tổ dành riêng cho linh hồn của những người hiền lương.

Càng nhớ đến cái cảnh năm xưa đó, tôi càng thêm áy náy về con số 'zéro loại' mà mình đã cho. Chắc chắn thí sinh nọ đã rớt ở khóa đó rồi.

Có khi, tôi tự an ủi rằng, nếu tôi không loại thì nó cũng rớt vì các môn khác do chữ viết của nó. Lúc khác, tôi lại tự trách mình là nguyên nhân làm cho nó rớt và biết đâu nó là đứa học sinh nghèo mà cái bằng tú tài cần thiết cho việc kiếm sống của nó. Tôi cứ lẩn quẩn với nhiều câu hỏi trong đầu. Tại sao tôi lại cho zéro loại để đánh rớt nó? Quả thật, tôi có lòng yêu tiếng Việt từ thuở nhỏ, nhưng tôi có quyền nhân danh tình yêu tiếng Việt đến đánh rớt một thí sinh hay không? Rồi tôi lại tự an ủi: «Mỗi kỳ thì có hàng chục ngàn đứa rớt, loại một thí sinh thì có nghĩa gì đâu». Tuy nhiên, cho đến bây giờ, tôi không thể không nhớ đến thí sinh đó. Mặt mũi nó ra sao, tôi không hề biết, cho nên không thể bảo tôi thù oán nó. Và nó cũng chẳng hề biết nó rớt, có thể tại tôi, cho nên cũng chẳng có lòng oán thù tôi.

Sau khi kỳ thi đó chấm dứt, nhiều khi sự áy náy dâng cao, tôi thành tâm cầu mong thí sinh đó được đậu vào khóa sau. Cầu mong như thế để hi vọng giảm bớt sự cắn rứt của lương tâm mình.

Trong cuộc đời, thường ai cũng có ít nhất một lần lầm lỗi để mà hối hận. Đối với tôi thì việc đánh rớt thí sinh đó gây cho tôi sự hối hận kéo dài nhiều năm và cho đến bây giờ một chút dư âm của niềm hối hận xưa kia vẫn còn phảng phất trong lòng.

Để kết thúc câu chuyện buồn này, tôi xin nhắn nhủ đến các thầy cô trẻ tuổi rằng phải suy nghĩ hết sức cẩn thận mỗi khi đặt bút xuống để đánh giá học sinh của mình.

ĐƯA BÉ BỊ PHẠT

Có người bảo là tôi rất nghiêm khắc đối với học sinh. Có người lại bảo là tôi nuông chiều học sinh. Cả hai nhận xét đều đúng, nghiêm khắc hay dễ dãi tùy trường hợp. Nữ sinh ngồi trong lớp mà bỏ chân ra khỏi dép hay ngồi đầu bàn mà đưa chân ra đường đi thì bị tôi la mắng ngay. Nam sinh tóc dài hay không cài nút áo cẩn thận, tôi không cho vào lớp. Học sinh đi trễ, đến lớp sau tôi thường phải đứng ngoài cho đến hết giờ học. Nhưng, thấy học sinh ngủ gục trong lớp, không bao giờ tôi kêu dậy, vì tôi nhớ lúc nhỏ có nhiều lần tôi thức khuya đêm trước ở nhà, vào lớp không thể nào nhướng mắt lên nổi. Có lần, mấy cậu ham chơi vào lớp mồ hôi mồ kê nhễ nhại, tôi cho xuống cuối lớp cởi áo ra ngồi học, vì tôi biết rằng bắt các em đó ngồi yên trong lúc lửa trong người tiếp tục bốc ra thì các em chẳng học hành gì được. Tôi còn nhớ lúc nhỏ nhiều lần tôi đi học sớm và đá banh giữa trưa, dưới cái nắng chang chang, trên miếng đất trống trước trường cho đến khi có tiếng trống báo hiệu giờ vào lớp mới thôi. Lúc đó ngồi trong lớp, tôi cứ nghĩ rằng được cởi trần là điều hạnh phúc nhất trong cõi đời này.

Ngoài một số chi tiết vừa kể trên, nói chung, tôi vẫn thuộc loại nghiêm khắc. Do đó ở mỗi trường mà tôi đến dạy, bao giờ người ta cũng dành cho tôi một ghế trong hội đồng kỷ luật.

Từ năm 1978, tôi về dạy tại một trường xã hội chủ nghĩa không có hội đồng kỷ luật, tôi không còn có dịp ngồi «xử án» các em phạm lỗi nặng trong trường nữa. Tuy nhiên thỉnh thoảng người ta cũng hỏi ý kiến tôi về việc xử lý các trường hợp vi phạm kỷ luật.

Hôm đó, giờ chơi, tôi đang ngồi nói chuyện với anh hiệu trưởng trong văn phòng thì giáo viên trực dẫn một học sinh vào. Hiệu trưởng ngẩng lên nhìn:

- Chuyện gì vậy?
- Đánh lộn trên sân trường.
- Tại sao chỉ có một đứa?

Anh giáo viên trực chỉ tay vào em học sinh:

- Thăng này đánh thăng kia.

Nói xong, anh để đứa bé đứng đó và đi ra.

Trước năm 1975, trường nào cũng có giám thị và tổng giám thị, hiệu trưởng không phải trực tiếp nhúng tay vào vấn đề kỷ luật của học sinh. Bây giờ thì khác, hiệu trưởng phải bao hết. Có nơi, hiệu trưởng rượt học sinh chạy vòng vòng trong sân trường, trông thực buồn cười.

Cũng như hầu hết những người đồng nhiệm khác, anh hiệu trưởng trường tôi, nhiều khi tỏ ra mệt mỏi vì công việc. Do đó, thay vì «hỏi cung» em học sinh phạm tội, anh quay sang hỏi tôi:

- Anh là giáo viên dạy lâu năm nên tôi muốn xin ý kiến của anh. Chúng ta nên áp dụng hình phạt gì với em học sinh này?

Tôi nhìn đứa bé; trông nó thực hiền lành. Nó ngẩng mặt lên, đôi mắt ướt, hai tay đan vào nhau. Trong đầu tôi, có một cánh cửa hé mở để tôi nhìn vào quá khứ xa xăm. Tôi nghe tiếng trả lời của chính mình với anh hiệu trưởng:

- Nếu tôi là hiệu trưởng thì tôi tha cho nó.

Anh hiệu trưởng nhìn tôi, ngạc nhiên:

- Sao thế, anh có tiếng nghiêm khắc với các em lắm mà? Học sinh đánh lộn trên sân trường là vi phạm nội quy một cách trầm trọng, không lẽ được tha tội dễ dàng thế này sao?

Tôi chưa biết trả lời thế nào cho anh hiểu thì may quá, keng đánh vào lớp. Tôi chào anh và đi ra.

Cánh cửa của quá khứ vẫn tiếp tục hé mở, tôi nhìn thấy một đứa bé lủi thủi đi qua dưới chân tượng ông Pétrus-Ký trong sân trường, tay nắm chặt tờ giấy phạt cấm túc. Nó hình dung cặp lông mày của cha nó sẽ nhíu lại khi đặt bút ký vào tờ giấy báo cấm túc của con mình.

Nó bị phạt vì tội đánh lộn trước cổng trường, gây náo loạn trong giờ học sinh vào học. Nó cảm thấy mình vừa có lỗi, vừa không có lỗi. Chính thằng kia cố tình gây sự để làm hư chiếc xe đạp quý giá của nó. Nó đã mơ ước một chiếc xe đạp trong bao nhiêu năm trời. Cha nó đã trích một phần lương để mua thưởng cho nó khi nó thi đậu vào trường Pétrus-Trương Vĩnh Ký.

Kỳ thi tuyển vào Pétrus là cuộc tranh đua ngoạn mục của tất cả nam sinh ngụ tại thành phố và các tỉnh lân cận. Lycée Pétrus-Ký là «vùng đất hứa» của tất cả con trai, cũng như Collège

Gia Long là «vùng đất hứa» của tất cả con gái sau khi qua bậc tiểu học. Vì vậy, trúng tuyển vào Lycée, nó làm cho cha nó vui mừng. Ông đã nói với người bạn: «Con tôi vào Pétrus rồi». Nói xong, ông cười; nụ cười chứa cả một niềm hãnh diện và hạnh phúc to lớn.

Sau đó ông thưởng cho nó một chiếc xe đạp mới toanh, một phần thưởng thực xứng đáng với niềm vinh dự mà nó mang lại cho gia đình. Còn nó, thực khó tả nỗi sự sung sướng khi nhận được phần thưởng này. Trong hai năm cuối bậc tiểu học, trường ở xa nhà, ngày hai lần, nó phải đi bộ đến rã giò. Có những buổi chiều chuyển mưa, nó phải chạy bộ từ trường Tiểu học Chí Hòa về nhà mãi tận Phú Nhuận cho kịp tối. Nó chạy lúp xúp dọc theo đường Verdun (Cách mạng tháng Tám bây giờ), bọc đường Champagne (Lý Chính Thắng), quẹo sang Mac Mahon (Nam Kỳ Khởi Nghĩa), băng qua Paul Blanchy (Hai Bà Trưng), thêm hai con đường đất đỏ nhỏ không tên nữa mới về đến nhà.

Nay có xe đạp rồi, trường Trung học Pétrus-Ký có xa hơn một tí cũng chẳng nghĩa lý gì. Vì thế, nó thương yêu và săn sóc chiếc xe đạp còn kỹ hơn người ta săn sóc các người đẹp trong cuộc thi hoa hậu nữa.

Cũng vì vậy, nó thường bị bạn bè trêu chọc. Bạn nó cũng có đứa có xe nhưng là những chiếc xe cũ mềm, đen thui dính đầy bùn đất, làm sao sánh được với chiếc xe mới toanh của nó, không một vết trầy nhỏ trên mặt sơn xanh bóng loáng. Khi dẫn xe vào cổng, nó cẩn thận tránh va chạm vào xe khác. Trong nhà để xe, nó lựa nơi có giá đỡ vững chắc để an tâm xe không bị ngã đổ vào nhau.

Trưa hôm đó, gần đến giờ mở cổng, học sinh đã bu đen trước cổng trường. Tất cả hòm hòm như đoàn xe đua chờ đợi phát súng lệnh xuất phát. Cổng trường vừa mở, bọn đi đầu vọt vào. Nó chưa kịp rướn tới thì một thằng ở sau tông mạnh vào xe nó làm nó mất thăng bằng ngã xuống, đau đớn thấy xe nó bị một xe khác đè lên. Nó vùng dậy nhìn ra sau thấy một thằng nhe răng cười. Đúng là thằng này rồi. Nó bước tới dấn vào mặt thằng đó một quả thoi sơn. Có nhiều tiếng la ồn ào. Nó và thằng kia bị nhiều cánh tay ôm lại. Cửa trường mất hết trật tự. Lập tức cô giám thị chạy đến. Có nhiều tiếng la to cùng lúc: «Thằng này đánh thằng này».

Cô giám thị túm lấy một mình nó lôi lên văn phòng, sau khi giao chiếc xe của nó cho một đứa đi bộ dẫn vào. Cô chỉ cho nó một góc trong phòng giám thị, bảo nó đứng đó còn cô thì trở ra cổng.

Căn phòng hoàn toàn vắng lặng, mấy chiếc bàn trống trơn, hai chiếc quạt quay một cách mệt mỏi trên trần nhà. Bên ngoài, tiếng cười nói ồn ào tăng dần trong khi học sinh tràn ngập bốn dãy hành lang dài hun hút. Nó hiểu rằng trong vài phút nữa giờ học sẽ bắt đầu. Hai giờ đầu của lớp nó hôm nay là hai giờ sử địa của thầy Tâm. Nó đã học bài của thầy rất thuộc, hi vọng sẽ được gọi lên bảng và được thầy cho một điểm tốt, tối thiểu phải là mười bốn trên hai mươi. Hai giờ kế tiếp là giờ Pháp văn của thầy Thiệp, nó đã soạn kỹ phần étude de texte và dự định tình nguyện trình bày cho cả lớp nghe.

Nghĩ đến việc học hôm nay, nó cảm thấy hào hứng và trong phút chốc nó quên rằng mình

đang ngồi đây chờ hình phạt. Không, lỗi này không phải tự nó cố ý gây nên. Nó đã bị khiêu khích một cách quá đáng. Đúng, nó không hề cố ý gây rối, lỗi tại thằng kia. Nó cố gắng tự bào chữa và chuẩn bị bài diễn văn để trình bày với cô giám thị.

Bỗng nó giật thót cả mình khi tiếng chuông vào lớp reo vang khắp nơi. Tim nó đập loạn đả, mắt nó hoa lên, tiếng chuông dài như bất tận. Tiếng chuông ngừng một chút rồi lại vang lên, ba hồi như thế, có khác nào ba hồi chuông báo tử!

Nó là một học sinh có kỷ luật, không bao giờ đi trễ nên thường ngày, tiếng chuông đối với nó thực hiện hòa. Hôm nay, đứng đây trong tâm trạng của một tử tù chờ giờ lên đoạn đầu đài, hồi chuông vào lớp làm cho tâm hồn nó bồn loạn.

Nó nhón cổ lên để tìm cô giám thị. Nó thấy cô rồi. Nhưng khổ chưa, cô cứ đảo qua đảo lại, dạo tới, dạo lui trên hành lang, ngang qua các bạn nó đã hàng hai chĩnh tề trước cửa các lớp. Giáo sư lần lượt xuất hiện, từng mảng học sinh biến mất qua khung cửa, cho đến khi các dãy hành lang hoàn toàn trống vắng. Nó hình dung các bạn nó bắt đầu ngồi xuống im lặng lấy sách vở ra, chuẩn bị nghe thầy cô giảng bài. Lòng của các bạn nó thanh thản biết bao, còn lòng nó đang rối bời trong chờ đợi, trong lo âu, trong cay cực.

Một vài thầy giám thị bước vào phòng, nhìn nó với đôi mắt lạnh lùng, không chút thiện cảm, rồi im lặng về bàn làm việc của mình. Nó chờ mong cô giám thị. Sau cùng cô cũng xuất hiện và đi thẳng về bàn mình. Cô lẳng lẳng kéo học bàn lấy ra hai tờ giấy và hí hoáy viết. Mặt cô hiền lành và phúc hậu; hàng ngày, nó và các bạn thường gọi cô là «maman». Vì vậy, nó cũng đỡ lo. Nó tiến tới đứng trước mặt cô, thu hết can đảm để bắt đầu bài diễn văn phân trần mà nó đã soạn sẵn trong đầu:

- Thưa cô...

Cô giám thị dùng tay trái ngăn nó lại không cho nói, tay phải ký tên vào cuối tờ giấy thứ hai. Vẫn không nói một lời nào cả, cô nhét vào tay nó hai tờ giấy nhỏ rồi khoát tay bảo nó đi ra.

Hoang mang cùng cực, nó bước ra, đọc ngay hai tờ giấy vừa nhận được. Tờ thứ nhất có tựa rất đậm: «*Billet d'entrée*». Đó là tờ giấy cho phép vào lớp, có ghi: trễ mười phút. Tờ thứ hai là giấy báo phạt gọi về cha mẹ có ghi: «*Demi-consigne*», với lý do là đánh lộn.

Nó thở phào nhẹ nhõm. Chỉ bị phạt *demi-consigne*, nửa cấm túc mà thôi, thế là rất nhẹ. Nửa cấm túc, có nghĩa là vào trường ngồi học bài sáng chủ nhật, từ bảy giờ đến chín giờ, dưới sự giám sát rất dễ chịu của một giám thị trực. Mất hai giờ đá banh sáng chủ nhật, thực đáng tiếc. Nhưng không sao cấm túc xong, tiếp tục chơi đến mười một giờ rồi về ăn cơm, cũng không đến nỗi nào.

Nó lủi thủi đi ngang qua bức tượng ông Pétrus-Ký, pho tượng mà nó nhìn thấy hàng ngày và mãi mãi sau này vẫn là hình ảnh đầy kính trọng và thân thương của nó.

Nó bước vào lớp, các bạn đều nhìn lên với cặp mắt hỏi han. Thầy Tâm ngừng nói, bài giảng địa lý bị gián đoạn. Thầy nhìn nó một cách khó chịu. Nó cung kính dùng cả hai tay đưa cho thầy giấy phép vào lớp. Thầy cầm lấy, đọc nhanh rồi ngồi vào ghế, rút viết lật sổ ra ghi vào: Demi-consigne, lý do là đi học trễ, làm gián đoạn bài giảng. Thầy xua tay cho nó về chỗ, vẫn không nói với nó một lời nào cả. Thế là tiêu trọn buổi sáng chủ nhật. Hai cái demi-consigne thành một cái consigne entière, vì chỉ là bốn giờ liên tiếp giam mình trong phòng học với thầy giám thị trực cùng một số học sinh lười biếng hoặc vi phạm kỷ luật. Bốn giờ cầm tù ngồi yên, không được nói chuyện, tha hồ mà tưởng tượng cảnh vui đùa của các bạn trong sân vận động. Demi-consigne với hai giờ cầm tù thì còn dễ chịu chứ consigne entière với bốn giờ liền bị giam hãm trong phòng thi quả là gay go lắm đó.

Tôi cảm thấy tủi thân nên cúi đầu về chỗ ngồi. Vâng, đứa bé tội nghiệp đó chính là tôi.

Trong cuộc đời dạy học, tôi đã phạt học sinh không biết bao nhiêu lần, nhưng chưa bao giờ phạt về tội đánh lộn trong phạm vi nhà trường. Tôi công nhân, đánh lộn là một lỗi, có khi là một lỗi rất nghiêm trọng, cần trừng trị. Vì thế, ai đó có phạt, tôi không phản đối, nhưng tôi thì không bao giờ tham gia vào sự trừng phạt đó. Nếu giao cho tôi toàn quyền xử lý thì tôi tha ngay. Đó là điều phi lý nhưng tôi vẫn bằng lòng. Vì trong cuộc đời này có vạn điều phi lý hơn mà ta vẫn phải chấp nhận.

Vả lại, có hoài niệm về tuổi trẻ của mình và sống lại một cách chân thành với tâm tình thơ ấu, người làm giáo dục sẽ dễ hòa đồng tâm hồn mình với tâm hồn bọn trẻ, điều kiện thiết yếu để cho việc giáo dục được thành công.

HỘI ĐỒNG THI

Tính tôi ngay thẳng, coi kẻ gian như kẻ thù. Vì thế, trước năm 1975, các bạn ở Nha Khảo thí biết tánh tôi nên gần như luôn luôn cử tôi làm Phó chủ tịch Hội đồng giám thị, phụ trách một trung tâm thi. Chức vụ này thường dành cho các vị hiệu trưởng và giám học trong khi tôi chỉ là một anh thầy giáo quên. Tôi hết lòng làm việc, nên kỳ thi nào cũng được giấy khen của bộ giáo dục. Tôi đã khám phá và ngăn chặn được rất nhiều vụ gian lận thi cử. Kinh nghiệm về chống gian lận của tôi, vì thế khá dồi dào, nhờ tôi đã bỏ công ra nghiên cứu các cách gian lận trong kỳ thi. Trong một lúc tinh nghịch, tôi định gom các mảnh khoe này lại để xuất bản tập «101 cách gian lận trong thi cử», trong đó có những cách thức bất ngờ và hết sức lý thú. Tuy nhiên, bạn bè can ngăn, vì làm như thế là vẽ đường cho hươu chạy, tức là chỉ cho các thí sinh cách gian lận, và giám thị không phải ai cũng có tinh thần trách nhiệm và khả năng ngăn chặn như tôi. Vì vậy, tôi bỏ ý định tinh nghịch đó đi.

Trong nhiều năm liên tiếp, cho đến 1975, tôi rất thường bị Nha Khảo thí «trấn» vào các hội đồng quân nhân. Thực là khó nhọc để giữ cho kỳ thi được bình an và đúng quy chế; lại còn có thể bị «tai nạn» nữa. Nhưng tôi không trách móc gì cấp trên vì anh giám đốc Nha Khảo thí cũng trong số bạn bè tốt của tôi.

Dạo đó, thí sinh thường được phân chia thành ba loại và bố trí thi trong các trường thi riêng biệt, gọi là các trung tâm của Hội đồng Giám thị.

Thứ nhất là Trung tâm gồm toàn học sinh đang học ở các trường trung học công lập và tư thục thì rất dễ điều hành vì các em vừa học xong đầy đủ chương trình, còn nhỏ tuổi và có ý thức kỷ luật.

Thứ hai là Trung tâm thí sinh tự do gồm các em thi rớt năm trước, các người lớn tuổi trong hàng ngũ công tư chức hay dân thường. Coi trúng trung tâm này thì tha hồ mà thu gom tài liệu gian lận nhưng chẳng có gì rắc rối lắm.

Cuối cùng, đáng ngại nhất là Trung tâm thí sinh tự do gồm toàn quân nhân. Họ là lính đang tại ngũ. Một số thực tình muốn có bằng cấp để lên cấp bậc theo đúng quy chế nhà binh. Một số khác chẳng học hành gì cả, nộp đơn thi để được xa chiến trường, về phép tại thành phố vài bữa. Nhưng nếu mang được tài liệu vào và lật ra đúng chỗ để chép rồi được chấm đậu thì càng hay.

Các trung tâm quân nhân này luôn luôn được tăng cường một toán quân cảnh súng ống và còng số tám đầy đủ. Thông cáo được nhắc đi nhắc lại nhiều lần là: «*Cấm thí sinh mang vũ*

khí vào phòng thi».

Vũ khí là súng đạn, lưỡi lê, dao găm thì hoàn toàn không có nhưng có mấy cái lưỡi lam cạo râu bén ngót, mấy con dao bấm Thái lan thực dễ sợ, mang vào để... chuốt bút chì! Giám thị, nhất là nữ giám thị, thì ớn mấy thứ đó lắm. Con dao kia mà rạch vào gương mặt xinh đẹp của họ thì còn chi là cuộc đời! Do đó, họ thường vào cho có mặt rồi thả lỏng cho thí sinh làm gì thì làm. Có người thấy thí sinh lật tài liệu một cách lộ liễu mà không dám nhìn, sợ thí sinh mắc cỡ đổ quạu, nên bỏ đi ra hành lang đứng thần thờ nhìn trời, nhìn đất. Đang thời kỳ chiến tranh ác liệt, lính tráng coi trời bằng vung, nên không thể trách các cô giám thị được. Nếu có trách thì trách cuộc chiến có lẽ đúng hơn.

Tôi hiểu rõ tình trạng này nên sắp đặt và giao cho thư ký trung tâm điều hành công việc văn phòng và dành gần hết thời gian hùng hục tuần tra các phòng thi.

Một ngày, trước khi thí sinh đến trường thi, có buổi họp tất cả nhân viên, đều là thầy cô giáo. Khi điểm danh, tôi gọi tên và nhìn mặt từng người. Tôi chú ý đến hai hạng người sau đây:

Thứ nhất là các cô trẻ đẹp, tôi bố trí ở lại văn phòng. Chẳng phải tình ý gì mà vì tôi biết các cô phải coi nhiệm vụ bảo vệ khuôn mặt mỹ miều của mình lớn hơn nhiệm vụ coi thi. Đó là điều quá dễ hiểu mà ta cần tha thứ cho «phái đẹp». «Phái xấu» chúng ta cần phải rộng lượng và tạo điều kiện thuận lợi cho họ!

Thứ hai là các nam giám thị có «bộ tướng ngon lành». Nếu điểm danh thấy những người mà cái nhìn «có cô hồn» thì thực là tuyệt. Họ lập tức trở thành «cận thần» của tôi. Tôi bố trí cho họ làm giám thị hành lang. Tôi cùng họ quần quạ, quần lại liên tục để yểm trợ cho các giám thị phòng.

Kỳ thi nào chúng tôi cũng gặp rắc rối với mấy ông quân nhân và tôi đã vất vả lắm mới giải quyết ổn thỏa. Tôi xin kể một việc thôi để làm thí dụ.

Lần đó, tôi phụ trách trung tâm Nguyễn Tri Phương với một anh Giám học một trường ngoài Huế. Ngay buổi sáng đầu tiên, tôi đột nhập vào một phòng thi, chụp được quả tang một đồng tài liệu để bừa bãi trên bàn, trong hộc, dưới băng ghế. Tôi tới tịch thu. Người thí sinh quân nhân, chủ nhân của các tài liệu này cự lại. Anh ta sùng sộ với tôi:

- Làm gì dữ vậy. Tôi là lính thiết giáp ở mặt trận về thi, ông phải nể một chút chứ.

Nói xong, anh ta rút túi lấy ra con dao bấm. Cách! Lưỡi dao bung ra, nhọn lều, sáng quắc. Anh dẫn mạnh con dao lên bàn. Mọi người, kể cả thí sinh, đều xanh mặt. Giám thị phòng dõm đi gọi quân cảnh đang túc trực ở cuối hành lang. Tôi ngăn lại. Đây là công việc của ngành giáo dục, tôi phải giải quyết, trước khi nhờ cậy đến người ngoài. Tôi ôn tồn nói với anh thí sinh quân nhân:

- Đúng, tôi hiểu, ở bất cứ xứ sở nào, người lính cũng thường xem danh dự quý hơn cả sinh mạng; anh không nên vì cái bằng cấp tú tài mà bán rẻ danh dự đi. Tôi là một anh thầy giáo, tôi cũng xem lương tâm nghề nghiệp lớn hơn sinh mạng của mình. Tôi rất muốn giúp đỡ anh, nhưng tôi phải làm nhiệm vụ của mình trước đã. Anh nên hiểu điều đó và để yên cho người khác làm tròn bổn phận mà xã hội giao phó cho họ.

Anh nghe xuôi tai nên nét mặt dịu xuống. Tôi kết luận:

- Anh nên về, rủ người yêu đi dạo phố vài hôm cho vui rồi trở lại trình diện đơn vị. Tôi không lập biên bản cấm thi đâu, khóa sau cứ nộp đơn thi tiếp, nhưng nhớ phải học bài chút đỉnh. Còn khóa này thì coi như bỏ cuộc. Tuy nhiên, mỗi ngày anh chịu khó mang phiếu báo danh và giấy phép đến đây tôi đóng dấu hiện diện để khỏi «lãnh cử» khi trở về đơn vị. Anh đồng ý nhé!

Tôi đưa tay cho anh bắt. Anh vui vẻ gom đồ đạc, cởi nút áo cho cả vào bụng. Trước khi ra về, anh có nhã ý tặng tôi con dao bấm làm kỷ niệm. Tôi từ chối nên anh cho nó vào túi quần, chụp lên đầu cái mũ màu đen của lính thiết giáp và bước ra khỏi phòng thi.

Hai giám thị phòng thở ra nhẹ nhõm. Các thí sinh quân nhân trong phòng ngẩng lên nhìn tôi mỉm cười một cách thân thiện. Vài người đứng dậy thu xếp đồ đạc rồi góp giấy trắng, ký tên và ra khỏi phòng.

Những việc tương tự như thế xảy ra nhiều lần trong mỗi kỳ thi. Tôi vẫn an toàn, nghĩa là chưa bao giờ bị hành hung. Tôi tin rằng, cách tốt nhất để cho người phạm lỗi chịu nhận lỗi là phải tôn trọng họ, tuyệt đối không bao giờ làm nhục họ trước mặt người khác.

Cứ như thế, trong các kỳ thi mà tôi tham dự, tôi bắt được rất nhiều tài liệu. Có nhiều cuốn sách giáo khoa và tự điển còn thơm mùi giấy, nhiều trang bên trong vẫn còn dính nhau, chưa kịp rọc, chứng tỏ thí sinh vừa mới mua trên đường đi đến trường thi. Thông thường, tôi tịch thu những quyển sách này tặng cho thư viện của trường sở tại.

Tôi xin nhắc lại, kỳ thi nào tôi cũng gặp sự rắc rối kiểu như trên, nhưng chính sự cương quyết của tôi được phép lịch sự hỗ trợ nên tôi đã điều hành các trung tâm thi tú tài một cách đúng đắn.

Tôi thường dạy học trò rằng nếu mình biết tự kiềm chế để đối xử hòa nhã và lễ phép với mọi người thì không ai nở làm hại mình. Theo Mạnh tử thì nhân chi sơ tính bổn thiện, nghĩa là trong lòng mọi người vốn chỉ có một mình ông thiện ngự sẵn từ khi chào đời. Tuân Tử cãi lại, không phải ông thiện mà là ông ác. Cả hai vị tiền bối đó đều cực đoan. Tôi thích sự trung dung, cho rằng trong lòng mọi người có cả hai ông thiện và ác sống chung. Với một người, nếu chúng ta đối xử tốt thì ông thiện trong tim người đó sẽ nhảy ra và nên việc; nếu đối xử không tốt lập tức ông ác nhảy ra, thế là hỏng việc.

MA LAI RÚT RUỘT

Khoảng năm 1970, Sài Gòn xôn xao vì nạn ma lai xuất hiện trong thành phố. Người ta giải thích:

- Ma lai là một loại ma quỷ hết sức ghê gớm, có nguồn gốc Chiêm Thành. Nó còn có tên là ma cà rồng. Ban ngày, nó y như người thường. Ban đêm, nó rút cái đầu ra khỏi cổ, mang theo một chùm nào dạ dày, nào ruột non, ruột già, bay ra khỏi nhà đi tìm hút máu người. Khi di chuyển, ma thường phát sáng lơ lơ, nếu tinh mắt có thể nhìn thấy cái đầu với ống tiêu hóa lòng thông bên dưới, bay vù vù qua các mái nhà.

Có một anh chàng nợ cưới nhằm cô vợ ma lai. Đêm đêm, đợi chồng ngủ say, cô vợ rút cái ruột ra rồi bay đi. Đó thực là con ma lai có tình có nghĩa vì nó bay đi tìm hút máu người khác chứ không hút máu chồng nó. Gần sáng, trước khi chồng thức giấc, ma lai trở về ráp vào thân thể, trở lại thành người vợ hiền, ngoan ngoãn. Một đêm nọ, anh chồng thức giấc, nhìn sang thấy cái xác không đầu của con ma đắp chung mền với mình. Anh hoảng kinh, tung mền vùng dậy, mở cửa chạy trốn, sợ quá không dám la làng. Chiếc mền đắp chung bị tung mạnh, làm úp cái xác không đầu. Gần sáng, con ma lại trở về, vội vã ráp vào cái xác. Suốt ngày hôm đó, nó đóng chặt cửa, không dám ra khỏi nhà để đi tìm chồng, vì cái mặt nó ở về phía lưng, mái tóc huyền của nó che phủ trước ngực. Nó phải đợi đêm đến, rút cái đầu ra, sáng mai ráp lại mới xuôi như người bình thường.

Người bị ma lai hút máu thì trở nên tiều tụy dần rồi chết, không cách nào chữa khỏi. Có một bà nhà giàu bị ma lai hút máu, đi bệnh viện, đi bác sĩ mất cả triệu đồng, chích cả chục lít thuốc bổ, sang cả trăm bạch máu rồi cũng phải chết. Bác sĩ không hiểu tại sao nên giải thích đại là ung thư máu!

Nếu người nào bị ma loại thường nhập vào, như ma xó, ma gà, ma lem, ma mút, ma trôi v.v... thì có thể nhờ thầy pháp cao tay ấn trục ra; còn bị ma lai hút máu một lần thì thầy nào cũng chịu thua!

Nếu hỏi: đã có ai chết chưa? Người ta trả lời ngay là có.

Có ở đâu? Người sống ở quận Một thì nói người chết ở quận Ba; người sống ở quận Ba thì nói người chết ở quận Tư, cứ lòng vòng như thế.

Người ta cũng phổ biến nhiều dấu hiệu để nhận biết ma lai lúc ban ngày để tránh xa. Dấu hiệu đáng kể nhất là một vòng tròn màu hồng rất mờ nhạt quanh cổ, nơi con ma rút cái

đầu ra. Tuy nhiên rất khó phát hiện vì ban ngày, con ma lai khôn lắm, luôn luôn mặc áo cổ cao để dấu cái vòng đó đi. Vì vậy chưa có con ma lai nào bị bắt để đem trình trước công chúng. Thế mới đáng sợ, cần phải đề phòng cẩn mật.

Cách đề phòng tương đối đơn giản: treo một đoạn cây xương rồng ngay cửa ra vào. Con ma lai thấy gai lồm chồm thì sợ lắm, sẽ bay sang nhà khác. Trong các xóm lao động đông đúc, nếu có một nhà nào đó treo khúc xương rồng lên thì các nhà bên cạnh hoảng hốt làm theo; nếu không, ma lai không vào được nhà lảng giềng ắt sẽ chui vào nhà mình. Nó là con ma ghê gớm nên cửa đóng chặt thế nào nó cũng vào được dễ như chơi. Nhiều nhà lúc đầu tỏ vẻ không tin nhưng thấy thiên hạ làm đều khắp thì cũng hơi ngán nên cuối cùng làm theo. Vả lại, mua một khúc xương rồng nhỏ thì không tốn kém gì cho lắm mà được sự an tâm cho đàn bà con nít và cũng được giống thiên hạ cho vui vẻ cả làng.

Thế là hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận nườm nượp chở xương rồng vào cứu nguy cho Sài Gòn chống lại sự tấn công của đoàn ma lai ác độc. Xe vận tải chở xương rồng, xe khách chở xương rồng, xe du lịch cũng chở xương rồng. Xương rồng khắp nơi: trong thùng xe, trên mui xe, dưới giỏ thức ăn của người lớn, giữa gói áo quần của trẻ em. Giá bán những khúc xương rồng tăng lên từng ngày. Dân Phan Rang, Phan Thiết vào Sài Gòn vì công chuyện, chỉ cần chặt một đoạn xương rồng lặn theo là có thể bù một phần tiền xe đi vào đi ra.

Buổi sáng hôm ấy, bước vào lớp Mười hai, tôi sửa soạn giảng bài thì một em gái đứng dậy hỏi tôi:

- Thưa thầy, người ta đồn đại về ma lai dữ quá, thầy có tin không?

Tôi bỗng thấy cơn giận bùng lên nhưng cố nén. Dạo đó, tôi còn trẻ nên nóng tánh lắm. Tôi rất yêu nghề dạy dỗ và yêu khoa học nên chuyện gì xúc phạm vào hai thứ đó là tôi nổi giận ngay. Tuy nhiên, lúc ấy, tôi cố tự kiềm chế để tìm hiểu thêm quan điểm của học trò. Tôi hỏi lại em nữ sinh:

- Thế em có tin không?

Cả lớp im phăng phắc để lắng nghe. Em nữ sinh lộ vẻ băn khoăn. Em ngập ngừng nói:

- Lúc đầu, em không tin nhưng chung quanh, người ta kể nhiều chuyện rùng rợn quá nên em cũng hơi sợ. Má em thì tin lắm. Bà bắt em phải tìm mua một khúc xương rồng treo trước cửa.

- Em làm xong chưa?

- Dạ xong rồi.

Tôi quay lại lớp, hỏi chung:

- Còn các em khác, các em đã treo xương rồng trước cửa nhà chưa?

Lớp học vẫn im phăng phắc, vài em mỉm cười, vài em cúi mặt xuống. Tôi quen đoán tâm lý học sinh nên hiểu ngay rằng không ít người trong các em đã bị tin đồn về ma lai lung lạc và nhiều em đã treo xương rồng trên cửa nhà.

Đến đây, tôi để cho cơn giận nổ bùng. Tôi la mắng đũa nữ sinh như tát nước, tôi la mắng luôn cả lớp. Tôi hét lên:

- Con người sống bình thường ban ngày rồi tối rút ruột ra, bứt đứt vô số mạch máu và dây thần kinh, sáng ra ráp lại sống bình thường! Các em tin điều đó sao? Nếu thế thì các em còn ngồi đây học với tôi làm chi nữa? Các nhà giải phẫu học và sinh lý học còn lý do gì nữa để ngồi lại trong phòng thí nghiệm? Và tôi cũng phải giải nghệ về vườn trồng xương rồng để luộc ăn!

Các em sợ hãi ngồi im. Bình thường, các em thương yêu, chuyện trò thân mật với tôi, nhưng khi tôi nổi giận thì em nào cũng sợ; tất cả đều sợ hãi. Tôi nhìn các em thấy thực đáng thương nên dịu lại. Tôi dùng cả tiết học hôm đó để giải thích sự xấu xa của những kẻ phao tin đồn và mảnh khéo thủ lợi trên cây xương rồng của bọn người xấu xa đó.

Mặc dù không giảng được bài học theo đúng chương trình, nhưng tiết học đã rất có ích. Các em chăm chú nghe tôi nói, sự biến chuyển trong nhận thức tỏ ra dứt khoát trong cái nhìn non trẻ của các em. Đũa nữ sinh lúc đầu bị tôi mắng thì khóc, nhưng sau đó nét mặt tươi sáng lên dần dần; em đã giải tỏa hẳn sự phân vân và ưu tư ban đầu.

Các em nhìn tôi với cặp mắt đầy tin tưởng một cách chân thành. Điều này làm cho tôi bị lôi cuốn vào một sự hưng khởi tốt độ của tuổi trẻ. Tôi cảm thấy mình xứng đáng đi đầu trong công tác chống lại mê tín dị đoan. Gần cuối tiết học, tôi lên giọng thực hùng hồn:

- Tôi tuyên chiến với mê tín dị đoan. Em nào theo tôi?

Cả lớp đều đồng tình. Thế là bỗng chốc tôi trở thành vì tư lệnh, theo sau là một đội quân gồm những chiến sĩ trẻ trung sẵn sàng đánh tan thành trì của bọn ma lai bẩn thỉu.

Chuông rung ra chơi, nét mặt thầy trò đều rạng rỡ.

Đó là chuyện có thực của ba mươi sáu năm về trước về những con ma lai hút máu người. Và một lần nữa tôi hài lòng về quan điểm giáo dục của mình.

Trong một bài trước, tôi có trình bày hủ tục tảo hôn. Mê tín dị đoan càng tệ hại hơn vì nó

có tầm phổ biến hết rộng rãi, từ thôn quê đến thành thị, từ hạng bình dân đến hạng trưởng giả, từ người thất học đến người có bằng cấp cao. Tôi muốn kêu gọi thầy cô giáo trẻ hãy tham gia vào việc đẩy lùi mê tín dị đoan nhưng khi nghĩ lại, ngay trong hàng ngũ những nhà mô phạm vẫn có người mê tín dị đoan thì tôi chẳng còn hứng thú gì nữa. Thực đáng phiền lòng.

NGƯỜI VIỆT CAO QUÝ

Linh mục Cras là người Pháp nhưng có tên Việt Nam là *Đỗ Minh Vọng*. Cha là giáo sư của Đại học Văn khoa Sài Gòn và Đại học Đà Lạt trước đây.

Hơn ba mươi năm trước, nghe nói Cha có ý định nhận Việt Nam làm quê hương thứ hai và quê hương cuối cùng của mình. Ngày xưa, vị ân nhân Yersin cũng đã làm như thế. Trong tám mươi năm đô hộ, thực dân Pháp đã để lại đây rất nhiều hình ảnh xấu xa làm hoen ố cả nước Pháp. May có những người như Yersin, cha Cras v.v... đem lại hình ảnh tuyệt đẹp để thay thế hình ảnh xấu xa của thực dân, làm sống dậy cảm tình của dân chúng Việt Nam đối với nước Pháp. Họ đâu phải là ân nhân riêng của Việt Nam thôi đâu.

Ở Đại học Đà Lạt, Cha Cras đã khai mạc buổi học đầu tiên trong quãng đời sinh viên của tôi. Buổi sáng hôm đó, gió lạnh bắt đầu thổi về thành phố hoa anh đào thơ mộng. Nhưng trong phòng học thì không khí ấm áp vì hơi người của mấy chục sinh viên. Một số sinh viên mặc veston, số khác mặc sơ mi, khoác áo len và có cả vạt cần thận. Hôm nay là ngày khai giảng với Cha Cras mà.

Cha bước vào với dáng đi chậm rãi và trịnh trọng. Tất cả đứng dậy chào một cách kính cẩn. Vị linh mục già leo lên bục giảng, đứng nghiêm cúi đầu thực sâu để chào lại sinh viên. Cha ngẩng lên và vẫn giữ thế đứng nghiêm trọng khi cả lớp se sẽ ngồi xuống, chuẩn bị đón nhận câu nói đầu tiên của Cha. Trong đầu mỗi người đều hình dung câu mở đầu của Cha, đại loại sẽ là: «*Bonjour les jeunes gens*», hay thân mật hơn: «*Bonjour mes amis*». Nhưng không, Cha nói: «*Chào anh chị em*» bằng tiếng Việt, phát âm không chỉnh lắm nhưng giọng nói thực trang trọng, thực thân ái, thực gần gũi với chúng tôi, những người sinh viên Việt Nam. Buổi học kế tiếp là của một giáo sư Việt Nam chính cống nhưng câu chào đầu tiên lại là câu tiếng Pháp.

Sau câu chào bằng tiếng Việt, cha bắt đầu giảng bài. Cha vẫn đứng thế nghiêm trên bục giảng, hai tay đưa về phía trước chênh chếch hướng lên. Cha vẫn giữ nguyên tư thế của một linh mục truyền giảng trong thánh đường.

Tôi chỉ được học với Cha vài buổi về triết thuyết Hiện sinh rồi về Sài Gòn theo học khoa học, không còn bao giờ gặp Cha nữa. Tuy nhiên trong ký ức của tôi, Cha là người thầy Đại học đầu tiên của tôi.

Các bạn của tôi còn tiếp tục học ở Đà Lạt kể rằng sinh viên kính trọng Cha Cras vô cùng. Có khi, để phê bình bạn mình, họ nói:

- Mày không xứng đáng là học trò của Cha Cras.

Tôi cần nói thêm một chút, so với sinh viên Sài Gòn thì, nói chung, sinh viên Đà Lạt giàu hơn, sành đời hơn và... kiêu căng hơn. Thế mà họ luôn luôn tự coi mình là những đứa học trò bé bỏng của Cha. Cha là một người thầy đúng nghĩa.

Cha am tường nền văn hóa và văn học Việt Nam một cách lạ lùng. Có lần, cha thuyết trình về Nguyễn Du và truyện Kiều; cử tọa gồm sinh viên, giáo sư, giáo viên, học giả, v.v... Rất tiếc, tôi không đi dự được, nhưng một người bạn của tôi, giáo sư môn quốc văn, đi dự xong về kể:

- Truyện Kiều là tác phẩm đứng trên vị trí cao nhất của nền Văn học Việt Nam. Mình mê truyện Kiều từ thuở bé và đã dạy quốc văn nhiều năm. Nhưng khi nghe Cha thuyết trình xong, mình cảm thấy xấu hổ vì hiểu biết về truyện Kiều của mình có quá nhiều thiếu sót!

Người bạn đó là giáo sư trung học, tốt nghiệp ban Việt Hán ở Đại học Sư phạm Sài Gòn, có nhiều năm trong nghề. Sự xấu hổ của anh thực là trí thức. Ngày nay, không mấy người biết xấu hổ khi kẻ khác chỉ ra cho thấy cái dở hoặc cái sai của mình.

Anh bạn tôi nói tiếp:

- *Bất tri tam bách dư niên hậu,*

thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

(Không biết ba trăm năm sau có ai khóc cho Tố Như hay không - Lời tự thán của cụ Nguyễn Du, Tố Như là bút hiệu của Cụ).

Chẳng ai khóc cho Tố Như cả. Người ta chỉ khóc cho thân phận nàng Kiều thôi. Nhưng đối với Cụ thì sự thán phục mỗi ngày một tăng, một phần cũng nhờ có những người như cha Cras, một người không phải đồng bào của Cụ.

Một trí thức ngoại quốc ca tụng di sản văn học Việt Nam. Đó thực là điều đặc sắc. Vì vậy, vào khoảng năm 1967, khi cuốn sách nhỏ «*Người Việt Cao Quý*» của một tác giả người Ý ra đời, lập tức nó gây được tiếng vang, đặc biệt trong giới giáo dục.

Tôi đọc và mê ngay, không phải vì có gì mới lạ mà vì đó là nhận xét hết sức nhiệt tình của một người ngoại quốc rất am tường về lịch sử, văn hóa và bản chất dân tộc ta.

Tôi đã sôi nổi giới thiệu quyển sách cho các lớp mà tôi đang dạy. Tôi nói với các em:

- Chính nhờ tác giả người Ý này mà dải đất hình chữ S thân yêu của chúng ta có thể ngời sáng trên bản đồ thế giới.

Nếu nghe người Việt ca tụng Việt Nam thì chúng ta vui thích vừa phải. Còn nếu nghe người ngoại quốc ca tụng Việt Nam thì nổi vui thích đó tăng lên nhiều lần, cộng thêm với niềm hãnh diện lớn lao. Tôi dặn các em hãy mua cuốn «*Người Việt Cao Quý*» làm sách «*gối đầu giường*». Dĩ nhiên, rất nhiều em đã làm theo lời khuyên của tôi.

Tôi cũng thường nói về quyển sách này với bạn bè, nhất là bạn bè trí thức. Đa số đều khâm phục tác giả người Ý, nhưng cũng có người tỏ ý nghi ngờ. Riêng tôi thì không nghi ngờ gì cả.

Mãi sau này, tôi mới biết đó là tác phẩm của một người Việt Nam, giả danh người Ý. Tôi rất buồn vì trong giáo dục, mọi điều không trung thực đều đáng trách. Hơn nữa, chuyện lừa gạt này lại liên can đến việc đào tạo lý tưởng cho thế hệ trẻ. Làm cho các em mất lòng tin đồng nghĩa với sự đổ xuống sông xuống biển mọi điều tốt đẹp mà thầy cô muốn đưa vào tâm hồn các em. Cũng đến hàng trăm lần, tôi đã dạy cho các em, trước hết cần phải thành thực. Trong ba tiêu chuẩn của đạo đức làm người thì **chân** đứng đầu sau đó mới đến **thiện** và **mỹ**. Nghĩ đến các lời giới thiệu quá nhiệt tình của tôi lúc bấy giờ, tôi cảm thấy xấu hổ và phiền lòng.

Về sau này, tình cờ tôi biết được tên của nhà văn đã lừa gạt thầy trò tôi. Hiện ông còn viết báo. Trước 1975, đó là một cây viết quen thuộc. Tôi nhớ không rõ lắm, hình như ông là cán bộ nằm vùng, có lúc bị chế độ cũ bắt giam và ông đã cãi lại rằng không phải là người của Cách mạng dù ông chính là người của Cách mạng. Điều này không có gì đáng trách vì thuộc phạm vi chính trị. Cái gọi là đạo đức chính trị không bó buộc người ta phải luôn luôn thành thực. Nhưng trong lĩnh vực văn học và giáo dục thì không có lý do nào để biện minh được sự dối trá. Tôi cũng nghe nói về sau này ông có thú nhận việc mạo danh, nhưng thú nhận với lời lẽ hối hận hay hiu hiu tự đắc thì tôi không rõ. Tôi nêu kỷ niệm này ra không phải để biêu riếu, xin tác giả chớ phiền lòng. Tôi nêu ra vì đó là một chuyện có thực và để tôi được nói với các thầy cô trẻ rằng trước hết hãy dạy học trò của mình lòng chân thật. Theo các hiền triết phương Đông thì chân còn quan trọng hơn cả thiện và mỹ. Với Phật pháp, nói dối nằm trong ngũ giới cấm. Với Thiên Chúa giáo thì đức Thánh Cha người Ba Lan đã có lần tuyên bố rằng nói dối là cái tội lớn nhất ở con người.

Rõ ràng, chúng ta không nên nói dối bất cứ trong hoàn cảnh nào. Sản phẩm tiêu dùng mạo danh còn bị pháp luật ngăn cấm huống chi là tác phẩm văn hóa.

RỬA LỖ TAI

Năm 1973, trường Trung học Thủ Đức khuyết giám học, anh hiệu trưởng phải đích thân trực tiếp điều khiển mọi việc trong trường. Dùng một cái, anh phạm lỗi với cấp trên và bị cách chức. Anh không nhận lỗi, phản đối án quyết kỷ luật và tuyên bố không bàn giao chức vụ cho bất cứ ai về trường thay thế.

Rắc rối to! Trường như rắn mất đầu, khúc mình và khúc đuôi cọ quậy lung tung. Học sinh gây ồn ào làm mất trật tự, nhiều em bỏ lớp, trốn đi chơi. Thầy cô, vài người bắt đầu chán nản bỏ giờ dạy hoặc đi trễ vì có đi đúng giờ cũng không dạy được. Nhân viên bảo vệ cũng mất hết tinh thần trách nhiệm, không thiết giữ gìn tài sản nhà trường. Ban đêm kẻ trộm vào bửa cửa nhà kho ra, chổ nhiều vật dụng đi mất. Nề nếp, kỷ luật học đường bị phá vỡ, sự giáo dục tuột dốc một cách thảm hại.

Người ta quyết định cử một giáo sư (bây giờ gọi là giáo viên) của trường lên thay thế hiệu trưởng. Đó là một quyết định sáng suốt vì đỡ mất thì giờ làm thủ tục chuyển và vì, trong trường hợp chưa được bàn giao, người ấy vẫn nắm được tình hình để có thể điều hành công việc một cách hữu hiệu.

Nhưng đề cử người nào trong giai đoạn khó khăn này? Không biết ai đã giới thiệu mà Văn phòng Bộ trưởng lại chọn tôi vì cho rằng tôi là người có khả năng tái lập trật tự nhà trường.

Khổ nỗi, ngay từ khi còn là sinh viên sư phạm, tôi đã có lời nguyện suốt đời dạy học chứ không làm chức vụ nào khác. Tôi liệt tất cả các chức vụ mà người đời thường tranh giành vào loại «*công danh phù thế*» như Tản Đà đã gọi trong bài thơ «*Cảm thu*»:

Vèo trông lá rụng đầy sân,

Công danh phù thế có ngần ấy thôi!

Trong «*Cổ học tinh hoa*» (hay một quyển sách xưa nào đó của Trung hoa) cũng có câu chuyện làm tôi tâm đắc. Đó là chuyện một người hiền, hình như họ Chung, sống vào thời Xuân thu Chiến quốc bên Tàu. Câu chuyện thế này:

«*Chung tiên sinh được nhà vua triệu vào để nhường ngôi. Tiên sinh nghe xong vội vàng chạy xuống suối để rửa hai lỗ tai. Có một mục đồng dẫn trâu đến, định cho trâu uống nước. Thấy tiên sinh đang lui cui rửa lỗ tai, mục đồng lấy làm lạ hỏi lý do. Tiên sinh kể lại chuyện vua mời*

vào để truyền ngôi nên phải rửa tai cho sạch những lời vua nói. Mục đồng lẩm bẩm:

- Nước dơ rồi, phải cho trâu đi uống chỗ khác.

Nói xong, lẳng lặng dẫn trâu đi».

Tôi thích chuyện này vì bẩm tánh tôi không ưa chức tước. Tôi không chịu nổi cái cảnh người có chức quyền ngồi vênh râu trên ghế để dân đen đứng xó rớ bẩm thưa. Vì thành kiến đó nên tôi chỉ muốn sống với học sinh chứ không muốn trở thành những người có chức có quyền.

Được đứng lớp dạy học, đó là một đòi hỏi hết sức khiêm tốn của tôi. Nhưng có yên thân đâu. Ít nhất, hai lần tôi đã bị đề cử làm hiệu trưởng nhưng từ chối được. Tệ hơn nữa là có lần có người bạn làm công cán uỷ viên cho ông Bộ trưởng Giáo dục, bảo rằng nếu tôi đồng ý thì sẽ giới thiệu tôi làm ứng cử viên cho chức Giám đốc nha Trung học, trực tiếp đứng đầu toàn bộ các trường Trung học từ Bến Hải đến Cà Mau. Chẳng biết đó là lời nói chơi hay nói thiệt, nhưng tôi cứ to tiếng cự nự cho anh bạn đừng nhắc tới nữa.

Bây giờ lại gặp rắc rối. Ông Phụ tá Bộ trưởng, đặc trách Trung Tiểu học mời tôi đến để nhận chức hiệu trưởng. Tôi từ chối rồi ra về nhưng không đi rửa lỗ tai như Chung tiên sinh! Tuy nhiên, tôi thấy trong bụng khoan khoái vì chính ông thứ trưởng cũng không gài được tôi vào cái vòng danh lợi cong cong đó.

Hôm sau, ông Phụ tá Bộ trưởng hỏa tốc gọi người bạn khá thân của tôi đang dạy cùng trường lên trình diện. Có lẽ, hai người ấy đã bàn bạc với nhau và đi đến quyết định. Ông Phụ tá lại mời tôi lên lần thứ hai và nghiêm giọng bảo tôi:

- Tôi đã đề cử anh T. làm hiệu trưởng và lấy kỷ luật công chức chỉ định anh làm giám học. Tôi nhắc lại, hôm nay tôi chỉ định anh làm giám học chứ không phải đề nghị như hôm trước nữa. Anh phải nhận để tránh vi phạm kỷ luật. Tôi mong anh và anh T. cố gắng chỉnh đốn nề nếp của trường. Tôi cho các anh thời hạn một năm.

Nghe ông thứ trưởng đưa kỷ luật công chức ra hù, tôi cứng họng, đành phải gật đầu. Thế là, lần này chỉ ra một chiêu thôi, ông đánh bại tôi ngay vì ông đã nắm được nhược điểm của tôi là không bao giờ để cho người khác gọi mình là vô kỷ luật.

Tuy nhiên tôi cố vớt vát:

- Vâng tôi xin nhận nhiệm vụ và cố gắng chỉnh đốn nề nếp nhà trường. Tuy nhiên, tôi xin ông Thứ trưởng chấp thuận một điều.

Ông Phụ tá bộ trưởng nhìn tôi một cách chăm chú và hỏi nhỏ:

- Điều gì? Anh cứ trình bày.

- Nếu chúng tôi chỉnh đốn nhà trường xong trong thời hạn một năm thì xin ông Thứ trưởng cho tôi từ nhiệm và trở về công việc thuần túy dạy học.

Ông phụ tá mỉm cười một cách vui vẻ:

- Được, tôi chấp thuận.

Tôi bước ra khỏi phòng, lệnh bổ nhiệm giám học trong tay.

Giám học thì nhiệm vụ và quyền hạn bao trùm hết nội bộ nhà trường, quan trọng hơn hiệu phó chuyên môn sau 1975.

Khi tôi trở về trường, anh hiệu trưởng mới nhậm chức kêu tôi về nhà nói chuyện thực lâu trong tình thân thiết của bạn bè xưa cũ. Anh khuyến khích tôi thực nhiều và câu cuối cùng là:

- Anh cứ quyết định hết mọi việc trong nội bộ trường, không cần thông qua tôi.

Điều này thì tôi biết rồi, ngay từ lúc nhận sự vụ lệnh từ tay ông Phụ tá Bộ trưởng.

Lập tức, tôi lao vào công việc.

Tôi hiểu rằng, muốn thành công, phải nỗ lực hết mình, phải cương quyết đồng thời khôn khéo. Tôi đã cố gắng làm như thế, cho nên một năm sau, tôi chỉnh đốn được nề nếp nhà trường nghĩa là thực hiện được lời hứa với ông thứ trưởng. Đáp lại, người ta cũng đã cho tôi từ chức như đã hứa với tôi.

Tôi đã làm được những việc gì trong một năm đó?

Khoan, xin các bạn cho tôi tạm gác chuyện đó lại, và sẽ kể sau. Còn bây giờ, hãy dành cho tôi chút thì giờ để tôi trình bày lý do tại sao tôi ghét chức tước đến thế. Tôi ghét thực lòng, làm cho những bạn thân trong trường phải ngạc nhiên. Chắc chắn tôi không hề có khuynh hướng «vô chính phủ». Ai cũng phải công nhận rằng tôi là người biết giữ gìn kỷ luật, thế thì làm sao gọi là có khuynh hướng «vô chính phủ» được. Đương nhiên, tôi công nhận sự cần thiết của tôn ti trật tự trong mọi tổ chức của loài người. Ở các trường mà tôi đến đây, tôi luôn luôn kính trọng ban giám đốc (ban giám hiệu theo cách gọi ngày nay) và sẵn sàng giúp ích khi được yêu cầu. Tuy nhiên tôi ghét cay ghét đắng chức vụ mà người ta muốn dành cho tôi. Tại sao như thế?

Tôi đã suy nghĩ về điều này và đã tự phân tích tâm lý của chính mình. Tôi đã tìm được hai lý do.

Thứ nhất là tôi rất yêu nghề dạy học. Cuối bậc trung học tôi đã thi đậu vào rất nhiều

trường đại học và tôi chọn ngay trường Sư phạm, không chút do dự. Tôi yêu nghề với ý nghĩ khá hẹp hòi. Theo tôi, công tác giáo dục đích thực phải là đứng trước mặt học sinh để trao kiến thức đồng thời dạy dỗ các em nên người. Tôi muốn làm công việc đích thực giáo dục đó với tất cả tâm hồn và thì giờ của tôi. Tách tôi ra khỏi lớp học tức là không cho tôi làm công tác giáo dục nữa. Bây giờ, tôi cho rằng đó là quan điểm hẹp hòi, nhưng lúc tôi còn trẻ thì tôi yêu thích quan niệm này lắm.

Đó là lý do thứ nhất. Lý do thứ hai càng quan trọng hơn nữa. Đó là ảnh hưởng sâu đậm của sách truyện vào tâm hồn tôi.

Lúc nhỏ tôi mê đọc truyện vô cùng. Những truyện kiếm hiệp, truyện Tàu: Đông châu liệt quốc, Tam quốc, Tây hớn, Tây du..., những tiểu thuyết Việt Nam của Hoàng Ngọc Phách, Thế Lữ, Tự Lực Văn Đoàn... những thi phẩm cổ điển của Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu..., những thơ mới của Xuân Diệu, Huy Cận... Ồi thôi đủ thứ, tôi không từ bất cứ quyển sách nào xuất hiện trước mắt tôi. Lúc nhỏ tôi chăm học và học giỏi nên luôn cảm thấy rằng mình không có đủ thì giờ để đọc sách. Thói thường, khi một điều ưa thích không được thỏa mãn thì điều ưa thích đó càng nung nấu tâm can. Lòng mê đọc sách truyện của tôi cũng vậy.

Tôi còn nhớ một chuyện về ba ngày nghỉ do bãi khóa. Cuối năm 1949, nổ ra cuộc tranh đấu của sinh viên học sinh dẫn đến cái chết của anh Trần Văn Ơn vào tháng giêng năm 1950. Tôi được lệnh vận động học sinh bãi khóa. Tôi làm được việc này với lớp tôi và một lớp bên cạnh. Tôi đã hoàn thành nhiệm vụ đối với Việt Minh. Tuy nhiên điều đó không làm cho tôi thích thú bằng có được ba ngày nghỉ do bãi khóa, bê nguyên một chồng tiểu thuyết từ tiệm cho thuê sách vào trong vườn Bồ rô (vườn Tao Đàn ngày nay), đọc từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, rồi mang về nhà đọc từ chiều đến tối và từ tối đến khuya.

Vô số những nhân vật đã đi qua trong tâm hồn tôi. Ảnh hưởng của những nhân vật đó có cường độ không như nhau. Những nhân vật gây ảnh hưởng sâu nhất cho tôi là 108 vị anh hùng Lương sơn bạc trong Thủy hử với hành động «thể thiên hành đạo», là ông Từ Hải trong truyện Kiều với «*guơm đàn nửa gánh, non sông một chèo*».

Cũng may là lớn lên tôi không đi làm ăn cướp như những nhân vật ưa thích mà trở thành một anh thầy giáo hiền lành. Tuy nhiên, cái chất ung dung tự tại, xa lánh hoạn lộ, ghét sự ràng buộc trong tổ chức chánh quyền đã được hình thành trong lòng tôi, không thể nào gột được.

Ảnh hưởng của sách truyện đối với tâm hồn trẻ thơ sâu xa như thế đó. Điều này cũng dễ hiểu. Ở cái tuổi mới lớn lên, lúc mà nhân cách đang được hình thành, mọi ảnh hưởng về tâm lý sẽ lưu lại suốt đời và trở thành nhân cách của con người. Trên trang giấy trắng tinh, dòng chữ được viết lên sẽ mãi còn nguyên vẹn ý nghĩa.

Bây giờ, sách truyện nhiều hơn thuở tôi còn bé nhiều lắm lắm, trong đó chắc chắn không thiếu những tác phẩm có hại cho sự hình thành nhân cách của trẻ thơ. Các bậc phụ huynh ngày nay quá bận rộn vì chuyện sinh sống không thể để ý đầy đủ đến sự giáo dục của con

cái. Thế là trách nhiệm trao cho thầy cô càng nặng thêm. Hiểu rõ được nội dung sách truyện đang lưu hành là điều cần thiết cho công tác giáo dục. Vì vậy phải bỏ ra nhiều thì giờ để đọc để biết được loại sách nào bổ ích, loại nào có hại thì mới có thể cho học sinh lời khuyên xác đáng được.

Tuy nhiên lương tiền của thầy cô giáo hiện nay quá thấp so với mức sống trong xã hội. Vì vậy, nhà giáo còn phải đi kiếm sống, lên lớp cho hết giờ là tốt rồi, làm sao có đủ thì giờ lo cho việc hình thành nhân cách của các em. Thực là đáng buồn. Mong một ngày nào đó, thầy cô được đãi ngộ xứng đáng hơn thì mới có thể làm tròn nhiệm vụ giáo dục đúng nghĩa của mình. Trách nhiệm đang nằm trong tay các vị lãnh đạo đất nước, có phải thế không?

NHỮNG CON ROI MÂY

Sau khi nhận nhiệm vụ làm giám học, tôi suy nghĩ suốt đêm và thấy rằng công việc chỉnh đốn nhà trường rất phức tạp, nhưng tựu trung thuộc hai lĩnh vực: một là chỉnh đốn kỷ luật và nề nếp học sinh mà tôi cho là ưu tiên thứ nhất, hai là chỉnh đốn nề nếp văn phòng, ưu tiên thứ hai.

Về ưu tiên thứ nhất thì tôi làm thế này:

Ngay sau ngày nhậm chức, tôi đề nghị anh hiệu trưởng triệu tập khẩn cấp đại hội phụ huynh học sinh.

Một tuần sau, đại hội được khai mạc với rất đông người tham dự. Sau lời giới thiệu của anh hiệu trưởng, tôi vào đề ngay, chẳng cần dông dài:

- Kính thưa quý phụ huynh học sinh, tôi xin thành thực thông báo cho quý vị rõ: trong thời gian vừa qua, do sự xáo trộn trong thành phần lãnh đạo nhà trường, kỷ luật của học sinh đã xuống dốc đến mức trầm trọng, nếu không chấn chỉnh được thì rất tai hại cho công tác dạy dỗ các em. Việc chấn chỉnh kỷ luật học đường là điều cấp bách và hoàn toàn cần thiết cho sự giáo dục các em. Nhà trường đề ra hai biện pháp và xin trao quyền cho đại hội chọn một trong hai biện pháp đó. Biện pháp thứ nhất là thiết lập hội đồng kỷ luật thường trực. Mọi vi phạm của học sinh đều được đưa ra hội đồng kỷ luật xử phạt với hình thức cao nhất theo quy chế. Mọi quyết định của hội đồng kỷ luật đều được ghi vào học bạ, tạo nên một vết đen rất khó xóa trong lý lịch học sinh. Đó là biện pháp thứ nhất. Và đây là biện pháp thứ hai.

Tôi dừng lại, bưng ly nước lên uống. Cả hội trường im phăng phắc, mọi người đều tỏ ra căng thẳng, nhìn tôi như thôi miên.

Tôi chậm rãi đặt ly nước xuống và nói vào máy vi âm:

- Biện pháp thứ hai mà nhà trường đề nghị là học sinh phạm lỗi không bị đưa ra hội đồng kỷ luật, nhưng bị xử phạt bằng roi mây, không ghi vào học bạ. Tôi xin nhắc lại, xử phạt bằng roi mây và không ghi vào học bạ, nghĩa là lý lịch của học sinh vẫn trắng sau khi thọ phạt xong. Ngoại trừ khi nào lỗi của học sinh quá sức trầm trọng mà roi mây chắc chắn không còn hữu hiệu nữa thì hội đồng kỷ luật mới được triệu tập một cách bất thường. Đó là biện pháp thứ hai. Tôi trân trọng xin quý vị suy nghĩ và quyết định cho phép nhà trường áp dụng biện pháp nào trong hai biện pháp mà tôi vừa trình bày xong.

Cả hội trường ào ào bàn tán sôi nổi. Kết quả thì ai cũng đoán được: một trăm phần trăm tham gia biểu quyết và một trăm phần trăm chấp thuận biện pháp thứ hai, tức là biện pháp xử phạt bằng roi mây. Nhiều phụ huynh còn phát biểu một cách nhiệt tình:

- Các thầy cô cứ đánh đi, đánh cho thực đau đi. Đó là các thầy cô thương con chúng tôi, chúng tôi rất biết ơn.

Dạo đó, việc dùng roi đối với học sinh không được Bộ Giáo dục cho phép nhưng cũng không chính thức bị cấm đoán. Gần như Bộ thả nổi vấn đề. Trường nào dùng roi thì Bộ làm ngơ, nhưng bị rắc rối thì ráng mà chịu.

Rắc rối thì chỉ về phía phụ huynh học sinh thôi. Nay đại hội đã đồng thanh chấp thuận rồi, chẳng còn gì phải ngại. Tôi nháy mắt cho cô thư ký ghi vào biên bản và sau đó ngồi yên để anh hiệu trưởng điều hành nốt buổi họp.

Ngày ngày hôm sau, tôi cho xuất quỹ mua hai chục cây roi mây, chia cho anh tổng giám thị mười lăm cây, tôi thủ năm cây.

Một thông cáo nẩy lửa do tôi soạn và ký tên được thông báo đến các lớp, với những điều khoản thực rõ ràng về kỷ luật học đường.

Roi mây trong tay nam giám thị, roi mây treo la liệt trong văn phòng. Chưa có em nào bị đánh đòn cả, nhưng chỉ hai tuần lễ sau, kỷ luật và nề nếp học tập tiến triển khả quan. Những con roi mây chỉ có tính cách răn đe chứ đâu có thầy cô nào muốn đánh đòn các em. Điều này làm cho tôi rất vui lòng. Các nhân viên phòng Tổng giám thị và hầu hết giáo sư trong trường đều hợp tác tích cực với tôi. Đó là lý do chính yếu để đạt được kết quả nhanh chóng.

Có lần, một cô giáo rất trẻ mới ra trường, về trình diện tôi để nhận việc. Điều lo lắng nhất của các cô ra dạy năm đầu là cách xử trí đối với học sinh phạm lỗi, nhất là học sinh vô lễ. Ở hầu hết các trường, chuyện rất thường xảy ra là học sinh chọc ghẹo các cô vừa mới rời trường sư phạm. Đặc biệt, các cô tốt nghiệp Đại học Sư phạm, giáo sư trung học đệ nhị cấp, phải dạy lớp lớn trong trường, khi tuổi đời của các cô không hơn học sinh là bao. Chắc chắn, ở trường sư phạm, người ta có đặt vấn đề này ra nhưng có lẽ không ai giải quyết được ổn thỏa cho các cô yên lòng.

Cô giáo trẻ đang trình diện tôi cũng trong tâm trạng đó. Cho nên, sau khi xin tôi cho biết những điều cần thiết về chương trình dạy và thời dụng biểu, cô hỏi:

- Thưa ông giám học, ở đây học sinh có ngoan không?

- Khá ngoan nhưng thỉnh thoảng cũng có em vi phạm kỷ luật, điều đó không trường nào tránh khỏi.

Cô giáo trẻ lưỡng lự một chút rồi đi thẳng vào đề:

- Thưa ông Giám học, học sinh vi phạm kỷ luật, nhất là tội vô lễ thì nhà trường dùng biện pháp nào?

Tôi không trả lời tiếp mà chỉ lên vách tường: sau bàn làm việc của tôi, lủng lảng hai cây roi mây, sau chiếc bàn cạnh cửa để tôi tiếp học sinh, thêm ba cây nữa. Thế là đủ năm cây trong phòng giám học. Cô giáo trẻ nhìn mấy cây roi một cách ngạc nhiên, ở trường Sư phạm người ta không bao giờ dạy cho cô sử dụng những món này. Cô lắc đầu trong thực tội nghiệp.

Tôi nhìn cô và suýt bật cười. Với cơ thể yếu đuối mảnh mai, với gương mặt hiền lành và non choẹt thế này thì làm sao sử dụng được vũ khí mà «ông giám học» trao cho.

Tất cả học sinh đều biết chính tôi đang chủ trì việc chấn chỉnh nề nếp học đường và là tác giả của «đạo luật roi mây» nên tỏ vẻ sợ hãi tôi. Khi tôi đứng trước cửa văn phòng, các học sinh lớp nhỏ không dám đi ngang qua mà lại đi vòng cột cờ để về lớp mặc dù xa hơn. Tôi buồn lắm nhưng đành phải thế thôi.

Tuy nhiên tôi không quá lạc quan. Tôi biết, sự ổn định tạm thời mới chỉ là bước đầu. Bước thứ hai phải là sự tâm phục ở học sinh, phải dài lâu mới xong được. Hiện tại, các em chỉ mới vào nề nếp ở nơi nào mà mắt tôi có thể nhìn đến. Rất cần thiết phải rèn cho các em gìn giữ tác phong, mọi nơi mọi lúc, dù có tôi hay không. Và tôi buộc lòng phải sử dụng roi mây đến hai lần.

Đây là lần thứ nhất.

Giờ ra chơi khá dài giữa buổi học, cô giám thị đi kiểm tra các lớp mười hai. Có một nam sinh đứng quay mặt vào tường với vẻ lén lút. Cô bước lại xem và bắt quả tang cậu ta đang hút thuốc lá. Bị buộc quăng thuốc và bị la rầy trước mặt các bạn gái, em nam sinh nổi tự ái, cự lại:

- Cô bảo cấm học sinh hút thuốc lá, văn thư nào quy định như thế, cô cho em xem đi.

Đòn phân công này thực bất ngờ và độc đáo. Chuyện cấm học sinh hút thuốc lá trong trường là chuyện quá thông thường, cũng như cấm học sinh ở trần vào lớp vậy, làm sao tìm ra ngay được một cái văn thư như thế? Vậy là cô giám thị ngó người ra một lúc và chịu thua. Gặp lúc tổng giám thị không có mặt nên cô đành báo cáo lại sự việc cho giám học giải quyết.

Tôi tự nghĩ: «Rắc rối rồi đây. Kỷ luật và nề nếp học sinh như cái nhà mới dựng lên sơ sài. Nếu việc này không giải quyết dứt điểm, tiếng đồn vang đến các lớp, ắt sẽ có hậu quả rất xấu. Mặt khác, phải giải quyết cho nhanh gọn, không qua thủ tục rườm rà như hội đồng kỷ luật, hay viết giấy mời phụ huynh, cả tuần lễ sau mới đến. Dĩ nhiên, cuối cùng học sinh sẽ phải nhận lỗi, nhưng cả một tuần lễ chờ đợi phán xét, ảnh hưởng xấu lan rộng, không phải chỉ một lớp thôi đâu».

Suy nghĩ như thế, tôi quyết định ngay phải dùng biện pháp mạnh và tức thì. Tuy nhiên, phải rất thận trọng. Nếu là học sinh lớp nhỏ thì khá dễ. Còn cậu này là học sinh lớp mười hai, bắt đầu thành người lớn rồi. Mặc kệ, tôi phải liều một chuyến, phải chứng tỏ rằng mình dám đối xử với học sinh đồng đều như nhau, không kể lớp sáu hay lớp mười hai. Tôi phải chứng tỏ rằng mình cao hơn các em gấp bội.

Dòng tư tưởng trên đây, viết ra thì lâu nhưng thực sự diễn ra trong đầu tôi chưa đầy một phút. Tôi nói với cô giám thị:

- Cô hãy dẫn em đó lên đây để tôi giải quyết.

Cô giám thị tỏ vẻ mừng rỡ vì giao được chuyện rắc rối này cho cấp trên. Tuy nhiên cô vẫn áy náy:

- Thưa ông giám học, em học sinh đó nhất định đòi coi văn thư cấm hút thuốc. Khi em đó đòi hỏi như thế thì các học sinh bu chung quanh reo hò một cách vừa mất dạy, vừa khoái trá. Sự reo hò cổ vũ làm cho mặt em học sinh đó tự nhiên vênh lên. Nếu có văn thư đó thì mọi chuyện ổn thỏa. Nhưng tôi ở phòng tổng giám thị lâu năm nên biết, hiện nay không thể tìm được cái văn thư đó trong trường mình đâu. Bây giờ làm sao? Không lẽ cử người về bộ xin ra một cái văn thư như thế hay sao?

Tôi dụi dàng nhìn người nhân viên có lương tâm chức nghiệp đó và cố trấn an cô ta:

- Được, cô hãy yên tâm. Dẫn em đó lên đây nhanh lên. Văn thư hả? Tôi có, cô đừng lo.

Cô tỏ ra ngạc nhiên và ra khỏi phòng.

Khi cô và em nam sinh bước vào, tôi trông thấy nhưng cố tình cầm cúi trong công việc. Tôi ra lệnh một cách răn rỏi:

- Cô hãy để em đứng đó và về trông coi các lớp đi.

Tôi ngẩng đầu lên rồi cúi xuống ngay tức thì. Chỉ một thoáng rất ngắn ngủi nhưng đủ cho tôi thấy cái dáng cao gầy của em đứng khấp nép bên bệ cửa. Nét mặt em khá hiền lành và có vẻ lo lắng. Tôi hơi yên tâm và cố kéo dài thời giờ làm việc để chờ đợi. Các bạn có đoán được tôi chờ đợi cái gì hay không?

Reng..., tiếng chuông thứ nhất báo học sinh phải ngừng ngay các trò chơi trong giờ giải trí.

Reng..., tiếng chuông thứ hai báo học sinh uống nhanh ly nước ở căng tin, trả tiền và lập tức trở về lớp học.

Reng..., tiếng chuông cuối cùng giục già học sinh hàng ngũ chỉnh tề trước cửa lớp để đón giao sư đến vẫy tay cho phép vào học.

Thầy cô lục tục đến các lớp, tiếng nói chuyện của học sinh giảm dần. Tôi vẫn án binh bất động!

Tôi liếc lên, thấy mặt em quay ra ngoài, nhìn các bạn mình vào lớp. Tôi vẫn án binh bất động, chờ tất cả học sinh vào lớp. Tôi đoán biết tâm hồn em bắt đầu hoảng loạn. Tiếng chuông vào lớp, giây phút đột ngột im lặng trong sân trường, tiếng thầy cô giảng bài vắng vắng vọng đến, tất cả những thứ đó hợp lại tạo nên mãnh lực phi thường, làm rung động tinh thần của học sinh đang chờ lệnh phạt và chưa được vào lớp. Đó chẳng phải là khám phá gì mới lạ mà là tâm trạng mà tôi đã kinh qua khi còn là học sinh. Tâm trạng bất ổn đó triệt tiêu mọi năng lực phản kháng trong lòng kẻ phạm lỗi, và hơn nữa có thể làm cho kẻ phạm lỗi hối hận một cách chân thành.

Bây giờ tôi mới từ từ đứng dậy, sắp hồ sơ ngay ngắn, bước ra khỏi bàn. Nhanh như chớp, tôi chụp vai em, ấn xuống bàn, vói tay lấy cây roi mây trên vách, thẳng cánh giáng xuống ba roi. Tôi nắm lấy vai em lôi dậy, nói nhanh:

- Làm lỗi mà không nhận lỗi thì đáng ăn đòn. Lớn rồi phải đàng hoàng để làm gương cho các em lớp nhỏ, nghe chưa? Thôi, lần đầu thầy tha cho em, về lớp học nhanh lên, trễ mất mười phút rồi.

Tôi đẩy nhẹ em ra cửa. Tất cả các động tác trên tôi đã tính kỹ, diễn ra rất nhanh, không một kẽ hở để cho em phản ứng lại.

Em cúi đầu bước ra khỏi văn phòng, đi về lớp. Tôi đứng yên, nhìn theo bóng dáng cao gầy, đi thất thểu trong sân trường vắng lặng, nước mắt tôi chực trào ra. Tôi quay vào và vùi đầu trong công việc.

Trưa hôm đó, tôi bỏ cơm. Cứ mỗi lần la rầy học sinh nặng lời là tôi buồn bã, bỏ một bữa cơm. Hôm nay thì tệ hại hơn cả la rầy nặng tiếng!

Tôi còn buộc đánh đòn học sinh lần thứ hai và là lần cuối cùng. Đó là một trận đòn tập thể.

Trong mấy tháng vừa qua, khá nhiều đồng nghiệp tỏ ra xa cách tôi. Tôi cảm thấy cô đơn. Tôi biết họ muốn giữ một khoảng cách với người đang có tí quyền hành trong tay và đang sử dụng quyền hành đó một cách nghiêm túc. Họ không muốn người khác nhìn mình như những kẻ xum xoe với cấp trên. Đó là những đồng nghiệp rất tự trọng của tôi, những người trí thức đúng nghĩa, và hơn nữa, những thầy cô của các em.

Tôi muốn đồng nghiệp hiểu rằng, đối với tôi, chức vụ chỉ là cái áo khoác bên ngoài. Đến hoàng đế đi nữa, khi cởi long bào ra thì cũng vẫn cái cơ thể tầm thường của cha mẹ sinh ra. Nhưng cũng có khi cái áo bên ngoài làm biến chất cái cơ thể bên trong. Tôi không bao giờ là thế.

Tuy nhiên, quá bận rộn và mệt mỏi vì công việc, tôi không còn đủ sức phân trần nữa. Vì vậy, tôi vẫn cô đơn và mong đến ngay từ chức. Cũng may, có những người bạn thật thân thiết vẫn đến trò chuyện và tâm tình với tôi. Họ đứng trên cả cái dè dặt bình thường của người có tư cách, nhờ thế tôi được khá nhiều an ủi. Vì vậy, bên dưới chữ «bằng hữu» quý giá trong lòng, tôi trân trọng viết thêm chữ «biết ơn».

Tình hình nhà trường được cải thiện rõ rệt, nhiều người nhận xét như thế để khuyến khích tôi. Dĩ nhiên, đó là công lao của tất cả thầy cô và nhân viên văn phòng. Tuy nhiên, tôi vẫn ý thức mình là cái đích ngắm đầu tiên của những thử thách sắp tới. Tôi phải chuẩn bị vượt qua các thử thách trước khi làm tròn lời hứa với ông Phụ tá Bộ trưởng để được giải nhiệm và trở về với nếp sống đúng lớp bình thường và phẳng lặng.

Thử thách đó đến với tôi trong một cuộc họp hội đồng giáo sư, hai tháng một lần.

Trong buổi họp, một đồng nghiệp có ý kiến:

- Học sinh có kỷ luật rồi nhưng lười học bài lắm, anh giám học có biện pháp gì không?

Điều phi lý! Học trò không học bài là chuyện của thầy cô đúng lớp chứ, tại sao lại đùn đẩy trách nhiệm cho giám học? Thế nhưng, tôi hiểu đây là một thách đố của đồng nghiệp đối với tôi chứ không hẳn là một lời yêu cầu hữu lý. Nếu tôi từ chối, ắt sẽ bị đánh giá một cách không công bình, có thể phương hại đến uy tín của tôi và nhất là bất lợi cho tình hình mỏng manh của nề nếp nhà trường. Vả lại, tôi cũng hiểu rằng, kỷ luật và chăm học là hai mặt của cùng một bản chất. Nâng được một mặt lên thì sẽ lôi kéo mặt kia. Nếu hai mặt cũng song hành thì hiệu quả giáo dục càng nhanh chóng. Vì vậy, tôi cố lấy giọng thản nhiên, đáp lại:

- Tôi nhận làm việc đó.

Anh hiệu trưởng ngồi kế bên quay qua nhìn tôi, vừa ngạc nhiên vừa lo lắng. Tôi mỉm cười để anh yên tâm.

Ngay sáng hôm sau, một thông cáo của Giám học được phổ biến đến tất cả học sinh: «Mỗi

cuối tháng, thầy giám học đi khám sổ điểm các lớp. Mỗi sổ không vì lười học bài sẽ bị xử phạt bằng hai roi mây».

Có lẽ các bạn không lạ gì học sinh. Thông cáo chui vào lỗ tai này thì lập tức, hay vài ngày sau, chui ra bằng lỗ tai kia. Điều đó xuất phát từ nguyên nhân rất thường xảy ở hầu hết các trường: thông cáo ban ra lại không được thi hành đến nơi đến chốn. Vì vậy, thông cáo này của tôi cũng bị học sinh xem thường, coi như một sự dọa nạt cho có lệ của giám học mà thôi. Các em chưa bao giờ thấy một giám học đi đánh đòn học sinh như trong thông cáo. Học sinh lẫn thầy cô, chẳng ai ngờ là tôi làm thiệt.

Cuối tháng, tôi dẫn đầu một toán giám thị hùng hậu đi xét sổ. Đến mỗi lớp, tôi đứng ngoài, nhờ một giám thị vào đưa sổ thông báo cho thầy cô đang dạy, đề nghị chính thầy cô đọc lại cho học sinh nghe, sau đó nhường lớp cho tôi.

Thầy cô bước ra khỏi lớp thì tôi vào ngay. Tôi ra lệnh cho học sinh hai bàn đầu dồn xuống, mang hai chiếc bàn lên kê sát bảng đen. Tôi rà sổ, lần lượt kêu từng em lười học lên nằm trên bàn trước mặt mọi người và chính tôi đánh đòn bằng roi mây. Những nam sinh với quần áo bảnh bao, những nữ sinh với tà áo dài trắng thướt tha, tất cả đều ngoan ngoãn úp mặt để nhận đòn.

Tôi khởi đầu sự trừng phạt ở các lớp mười hai. Đó là sự tính toán kỹ lưỡng. Cuộc xét sổ điểm của lớp sẽ phải kéo dài suốt ngày. Nếu làm lớp nhỏ trước, tiếng tăm dội đến các lớp lớn thì khó lường được phản ứng của các em.

Tính toán của tôi là đúng. Mọi chuyện đều trôi chảy, đến trưa thì xong xuôi các lớp sáng. Tôi mệt rũ rời. Trưa đó tôi bỏ ăn, buổi chiều với các lớp khác, đặc biệt là với khối lớp Mười, tới gần kiệt sức; các lớp nhận đòn sau cùng là các lớp nhỏ nhất, được may mắn vì cuối buổi, tôi chỉ còn đủ sức đưa roi lên cao và không còn sức đánh xuống mạnh nữa...

Bây giờ, ngồi đây nhắc chuyện cũ, tôi cảm thấy lòng bùi ngùi vô kể. Tôi không thể quên được cái dáng ngoan ngoãn của các em khi bò lên bàn để nhận roi rồi ngoan ngoãn tụt xuống, nét mặt sợ hãi lẫn đau đớn, nhiều em nhoe nhoẹt nước mắt. Ôi, những đứa học trò bé bỏng xưa kia của tôi! Phải chi lúc đó tôi nghĩ ra được biện pháp nào hay hơn để các em khỏi chịu đựng những roi đòn như thế. Phải nhờ đến uy lực của roi mây mới thuyết phục được các em học bài, đó là bằng chứng của sự yếu kém trong khả năng giáo dục của tôi lúc đó.

Dù sao những con roi cũng giúp tôi đạt được kết quả mong muốn. Một tháng sau trận đòn tập thể, lại đến kỳ họp hội đồng giáo sư. Tất cả thầy cô đều công nhận một trăm phần trăm học sinh đều thuộc bài.

Từ đó, nề nếp học sinh ổn định, tiếng tốt của nhà trường được bên ngoài đồn đãi. Những con roi mây nằm yên trên vách quá lâu, bụi bặm và mạng nhện đóng vào dơ dáy nên được gỡ xuống vứt đi. Có người xin về để lấy hên trong việc dạy dỗ con cái.

Tôi đã thành công trong việc chinh đồn nề nếp học đường, tuy nhiên, nỗi buồn và nỗi cô đơn trong lòng tôi lại mỗi lúc một tăng lên. Tôi mong chóng đến ngày được từ nhiệm nên gấp rút làm nốt công việc thứ ba: chinh đồn nề nếp của văn phòng.

Viết đến đây, nhớ lại những giọt nước mắt trẻ thơ của hơn ba mươi năm về trước, tôi cảm thấy mắt mình dường như cay cay. Bị tôi đánh bằng roi mây, chỉ vài giờ sau thì các em hết đau và ít lâu sau các em không còn nhớ nữa. Còn đối với tôi thì một cảm giác gần như đau đớn cứ bám mãi trong lòng. Tôi đã quá nóng vội trong việc giải quyết nên phải dùng biện pháp mạnh. Tôi đã thành công nhưng đó không thể là điều đáng khen, đáng bắt chước cho những người làm công tác giáo dục sau tôi.

Tôi mong các thầy cô đừng bao giờ đánh đòn các em, tội nghiệp lắm!

HƯ CHIÊU VÀ THỰC CHIÊU

Tôi xin kể tiếp ưu tiên thứ hai, việc chỉnh đốn nề nếp học đường của tôi.

Ở miền Nam, trước 1975, có một nguyên tắc hành chánh rất chặt chẽ. Bất cứ hồ sơ nào có chứng chỉ học trình hay giấy chứng nhận quan trọng đều được nơi nhận gửi bằng văn thư 'mật' về cơ quan cấp phát. Cơ quan này xác nhận thật hay giả rồi gửi trả lại, cũng bằng văn thư 'mật'.

Chứng chỉ học trình là một giấy tờ quan trọng. Nó dùng để xin việc làm, thi vào các trường chuyên nghiệp hay dạy nghề. Quan trọng hơn, nó còn dùng để xin hoãn dịch, vấn đề sinh tử ở thời chiến.

Khi tôi mới về trường để đứng lớp, tôi đã nhiều lần thấy các cô nhân viên văn phòng rất khổ cực khi phải xác nhận một chứng chỉ học trình. Từ nhiều năm rồi, hồ sơ học sinh chất đống lộn xộn trong mấy cái tủ khổng lồ, mỗi năm một nhiều thêm. Sổ cái để lưu thì quá sơ sài và thiếu sót, không đủ để tham khảo. Hồ sơ chi tiết thì không được phân loại nên xác nhận được một chứng chỉ mất rất nhiều thì giờ, có khi cả ngày lục lọi vẫn không tìm ra. Nếu không xác nhận được thì kết quả chắc chắn sẽ rất bi đát đối với học sinh cũ của trường.

Do đó, công việc của tôi là phải sắp xếp lại đống hồ sơ hỗn độn đó. Trường rất thiếu thôn nhân viên nên phòng Giám học chỉ có một thư ký. Rất may, thư ký đó là một chị thông minh, cần mẫn, ngăn nắp.

Tôi và chị làm việc suốt nhiều tháng ròng rã: tuôn tất cả học bạ ra, kiểm tra lại có đủ chữ ký và con dấu chưa, xếp lại cho từng em; mỗi em có bảy học bạ nếu học liên tục từ lớp sáu cho đến lớp mười hai, hoặc ít hơn nếu bỏ học nửa chừng. Mỗi học bạ đều được cấp một chứng chỉ. Lập cho mỗi em một phiếu dày ghi tất cả các chi tiết cần thiết của học bạ. Phiếu đó là hồ sơ gốc. Các học bạ đều trả lại cho học sinh. Các em đang học thì gửi thẳng lên văn phòng để nhận. Học sinh cũ đã rời trường thì nhờ chi Thông tin Thủ Đức phát thanh để thông báo.

Công việc được xúc tiến suôn sẻ một thời gian khá dài thì có một người lạ mặt đến xin gặp tôi. Không chút dè dặt, anh ta giới thiệu luôn là dân áp phe chuyên nghiệp, chuyên cung cấp các chứng chỉ giả cho các hồ sơ về quân dịch.

Ở chế độ cũ, nếu có chứng chỉ lớp chín, lớp mười thì học trường Hạ sĩ quan ra trung sĩ, có

chứng chỉ lớp mười một thì học Liên trường Võ khoa Thủ Đức ra thiếu úy bảo an, không có gì cả thì làm binh nhì. Chứng chỉ lớp mười một đang học thì được hoãn dịch một năm.

Anh chàng này quả thực là chuyên nghiệp. Anh thấy đây là áp phe cực kỳ quý giá và hiếm có vì dễ gì tìm được một trường trung học lập lại hồ sơ gốc trong nhiều năm trước cho học sinh. Chứng chỉ giả mà có hồ sơ gốc thì biến thành thứ thiệt, hoàn toàn hợp lệ; thứ này rất cao giá.

Là dân áp phe chuyên nghiệp nên anh vào đề ngay: mỗi chứng chỉ, bất cứ loại nào cũng tính cho tôi một trăm ngàn đồng, tương đương với hai lượng vàng. Nếu tôi bằng lòng, anh ta sẽ đặt ngay từ năm mươi đến một trăm cái, trả tiền trước một phần ba, nhận hàng xong trả nốt, rồi đặt đợt khác.

Ngạc nhiên và tò mò, tôi cứ để cho anh ta nói. Anh hạ giọng và tiếp tục ba hoa:

- Tôi có đường dây rất lớn. Nếu ông giám học chịu vào thì có thể được đặt hàng từ vài trăm đến một ngàn cái.

Tôi cho rằng anh này là dân áp phe thứ thiệt nhưng con số anh ta đưa ra quá lớn nên tôi chẳng biết anh ta nói thực hay lòe để dụ tôi hợp tác. Sự dụ dỗ của anh ta thực độc địa vì tôi có thể thu lợi hàng ngàn lượng vàng chứ có phải ít đâu. Mà đâu phải là điều phi lý hay lường gạt. Tôi biết chắc, dụ được tôi và trả tiền cho tôi sông phẳng, anh ta cũng còn lời nhiều vô số kể. Con nhà giàu có thể bỏ ra hơn một chục lượng vàng để được hoãn dịch hoặc đi học trường sĩ quan khi không thoát được quân dịch; đó là chuyện thường tình. Do đó, nếu phải bỏ ra hai lượng vàng để mua một chứng chỉ hợp lệ, chắc chắn anh ta sẵn lòng. Đối với tôi, một nhà giáo nghèo, chưa sắm nổi một mái nhà riêng, lời đề nghị của anh ta quả thực là hết sức hấp dẫn và việc thực hiện nằm trong tầm tay của tôi. Vì vậy, nếu cứ để anh ta tiếp tục dụ dỗ, có thể tôi sẽ sa ngã mất. Do đó, tôi đứng dậy chìa bàn tay phải ra và nói:

- Thôi, ông nên đi chỗ khác mà tìm áp phe đi. Tôi nghèo thực nhưng mỗi lợi mà ông vừa nói chưa đủ để mua cái lương tâm của tôi đâu.

Câu nói quá lịch sự đó của anh thầy giáo làm anh ta hiểu lầm là tôi đòi thêm nên mắt sáng lên:

- Thế ông giám học muốn thế nào?

Bỗng nhiên cơn giận bùng lên một cách đột ngột, tôi gằn giọng:

- Muốn thế nào hả? Muốn kêu cảnh sát đến còng tay ông.

Anh ta cười gượng, nhìn quanh rồi đứng dậy đi ra. Tôi chẳng thèm nhìn theo, cúi xuống với công việc đang bừa bộn. Tôi đang bận rộn và anh ta đã làm mất thì giờ quý báu của tôi.

Tôi cúi mũi vào đồng hồ sơ nhưng cảm thấy trí óc không còn thanh thoi nữa. Nghĩ đến món lợi quá lớn, nghĩ đến cuộc sống thanh bần của vợ con, tôi cảm thấy lương tâm mình có vẻ không chịu ở yên trong cái vỏ bọc của nhà giáo nữa.

Tôi bước ra sân, đi một vòng, nhìn vào các lớp, trông thấy những mái đầu xanh cắm cúi trên trang sách giáo khoa, trông thấy những đôi mắt thơ ngây và trong sáng chăm chú nhìn thầy cô giảng bài, tôi thấy mình không thể nào có hành động phản bội lại những hình ảnh cực kỳ tôn quý đó. Thế là cái lương tâm nhà giáo mỉm cười trong lòng tôi.

Tôi trở về văn phòng với bước chân thực nhẹ nhàng. Tôi ngồi vào bàn và sức nhớ lại, khi này, trước khi ra khỏi phòng, anh chàng áp phe có nhìn quanh. Điều đó làm tôi nhớ chuyện Tây du ký mà tôi đã đọc hơn một lần lúc còn bé. *«Bồ Đề Tổ sư muốn dạy phép riêng cho Tôn Ngộ Không nhưng không muốn cho ai hay biết. Giữa đám đồ đệ, tiên sinh gõ lên đầu con khỉ già ba cái. Hiểu ý, con khỉ đợi đến canh ba thanh vắng mới đến yết kiến và học được 72 phép để về sau đại náo thiên cung».*

Tôi đoán anh ta sẽ đến nhà riêng của tôi là nơi thanh vắng. Vì thế, trưa về, tôi dặn người nhà là nếu có ai hỏi tên tôi thì mời vào còn ai hỏi ông giám học thì bảo qua văn phòng gặp trong giờ hành chánh. Từ giữa trưa hôm đó, tôi bận việc đi Sài Gòn đến tối mịt mới về. Bước vào nhà, tôi nghe nói, khi này, khoảng sáu giờ chiều, có người đến tìm tôi. Theo lời người nhà mô tả nhân dạng thì đúng là anh chàng áp phe chuyên nghiệp đó.

Chuyện xảy ra như thế làm tôi rất lo lắng. Tôi đã quá căng thẳng và mệt mỏi vì nhiệm vụ hàng ngày. Anh hiệu trưởng thường hay đau ốm phải đi nằm bệnh viện, một mình tôi phải tả xung hữu đột. Tôi đã bỏ bớt nhiều giờ dạy thêm ở trường tư nên thu nhập của gia đình sụt giảm, sự chi tiêu phải hết sức dè sẻn. Trong những ngày rất bận rộn vì công việc và lo lắng cho sự sống, tôi biết mình sẽ không thể nào chịu đựng nổi nếu bị dây dưa vào vụ chứng chỉ giả dù tôi đã thẳng tay xua đuổi anh chàng áp phe. Tôi cần phải giữ sự an lành để hoàn thành công việc cho đến ngày được giải nhiệm. Tôi âu lo vì hiểu rằng kẻ gian có lắm mưu mô, không chắc gì đã bỏ cuộc. Tôi tin sự ngay thẳng của các nhân viên phòng Học sinh vụ (tức phòng Tổng giám thị) và phòng Học vụ (tức phòng Giám học) nhưng dù sao đề phòng cẩn mật vẫn hơn. Tôi muốn ngày tôi nhận được giấy từ nhiệm đúng theo nguyện vọng, tôi sẽ ngẩng cao đầu bàn giao công việc cho người khác một cách ung dung tự tại, và thanh thản trở về với nhiệm vụ đứng lớp của mình. Liệu có được như vậy hay không?

Tôi đã suy nghĩ nhiều ngày đêm và để tìm được biện pháp, tuy hơi trễ. Tôi xin kể câu chuyện sau đây để chứng minh biện pháp của tôi cũng có phần hữu hiệu.

Sau khi tôi hoàn tất việc sắp xếp hồ sơ học sinh khá lâu thì một hôm, cô nhân viên phòng Học sinh vụ mang qua cho tôi một chứng chỉ lớp mười hai do một nơi khác gửi đến xin xác nhận. Cô nói với tôi, giọng có vẻ cộc lốc, khác mọi ngày:

- Ông giám học xem có phải chữ ký của ông hay không?

Tôi nhìn kỹ và trả lời:

- Đúng, chữ ký của tôi.

Cô nhìn xoáy vào mắt tôi, nghiêm giọng nói:

- Không có trong hồ sơ gốc!

Tôi giật mình, nhìn kỹ sáu số thứ tự trên đầu tờ chứng chỉ và trả lời:

- Em này học lớp Mười A₃ chứ không phải lớp Mười hai A₃, cô về truy lại hồ sơ gốc đi.

Cô nhìn tôi, vẻ mặt vừa ngạc nhiên, vừa hoang mang. Tôi cười, lấy ngón tay chỉ vào số 12A₃ và bảo:

- Xem kỹ chỗ này. Nếu cần, xuống phòng thí nghiệm mượn kính lúp trông rõ hơn.

Một lát sau, cô trở lại, vẻ mặt cùng nụ cười đầy thiện cảm. Cô nói với tôi với nét vui vẻ và lễ phép hơn hẳn lần trước.

- Thưa ông giám học, chứng chỉ bị cạo sửa hết sức tinh vi. Số 10 thành số 12. Tôi và anh tổng giám thị phải dùng kính lúp mới nhận ra được. Em này có tên trong sổ gốc, lớp 10A₃. Mà sao ông Giám học mới nhìn qua lại biết ngay?

Tôi cười, không trả lời. Cô hỏi tiếp:

- Bây giờ làm sao?

- Cô viết công văn phúc đáp cho nơi nhận hồ sơ biết chứng chỉ đã bị cạo sửa. Thế thôi. Không làm gì thêm nữa, mất thì giờ của mình. Mặc kệ, họ muốn làm gì thì làm.

Cô ra khỏi phòng. Tôi biết cô vẫn còn thắc mắc. «Tại sao ông giám học biết?». Tôi đã im lặng để bảo vệ bí mật nghề nghiệp. Hôm nay thì chẳng cần phải bảo vệ nữa. Bí mật đó thế này:

Khi ký tên, tôi dùng màu mực trong lọ mắt, làm cho mọi người cho rằng đó là màu mực đặc chế riêng của ông giám học để phòng ngừa giả mạo chữ ký. Thực ra, chẳng có đặc chế gì cả. Tôi mua một bình mực xanh đỏ chung với bình mực đỏ, xong hút vào bút máy dùng ký tên. Mọi người chỉ chú ý vào màu mực, tôi yên tâm vì đó chỉ là «hư chiêu».

Đó là hư chiêu vì, nếu chỉ căn cứ vào màu mực để bảo vệ chữ ký của mình thì thực là ấu trĩ. Kẻ gian có thể làm bạc giả với màu sắc vô cùng phức tạp thì màu mực của tôi có nghĩa lý gì. Chữ ký của tôi lại rất đơn giản nên kẻ gian chỉ cần bỏ ra vài ngày tập ký vài ngàn lần

thì đến nay tôi cũng không phân biệt được thực giả. Vì vậy, màu mực chỉ là hư chiêu; còn thực chiêu là gì?

Tôi ra ba chiêu liên tiếp.

Chiêu thứ nhất là ghép chặt hai con dấu «*Giám học*» và «*tên tôi*» vào nhau, ở giữa có một khoảng trống dành cho chữ ký. Thông thường, hai con dấu «chức vụ» và «tên giới chức» rời nhau, đóng hai lần trên và dưới chữ ký nên khoảng cách thay đổi tùy tờ giấy. Ở tờ giấy do tôi ký, khoảng cách này cố định, nhìn vào để biết. Nếu cần thì lấy thước mà đo để xác nhận. Chiêu này chỉ làm cho tôi an tâm độ ba mươi phần trăm mà thôi.

Chiêu thứ hai: Giấy tờ đưa tôi ký thì trước đó, nhân viên phải đóng dấu chức vụ và họ tên, ghi ngày cấp phát. Nếu cấp phát ngày mùng một của tháng thì tôi chấm vào ngay dưới mẫu tự 'G' của chữ 'GIÁM HỌC' và bắt đầu ký. Nếu là ngày hai của tháng thì chấm vào đuôi chữ 'I' mà ký; ngày ba thì dưới chữ 'A', vân vân... Thế là an toàn đến 99,5 phần trăm, còn lại 0,5 phần trăm là do ngẫu nhiên không đáng kể. Đó là thí dụ giản dị hóa cho dễ hiểu còn chính xác thì hơi phức tạp hơn vì chữ GIÁM HỌC chỉ có bảy mẫu tự còn một tháng có đến ba mươi hoặc ba mươi một ngày.

Hai chiêu trên giúp tôi nhận ra ngay chữ ký thực sự của tôi trong chứng chỉ mà cô T đưa qua. Còn tại sao tôi biết ngay chứng chỉ bị cạo sửa, lớp 10A3 thành lớp 12A3, thì đó là do chiêu cuối cùng sau đây.

Cái máy mà tôi dùng để đánh số thứ tự trên chứng chỉ, mỗi lần nhấn xuống thì cho ra 6 chữ số. Tôi biến sáu chữ số đó thành một mật mã.

Chữ số đầu tiên cho biết năm cấp chứng chỉ. Thí dụ số 3 ứng với năm cấp là 1973.

Chữ số thứ hai cho biết năm học. Thí dụ, số 9 là niên khóa 1969-70.

Chữ số thứ ba cho biết cấp lớp. Thí dụ, số 9 cho biết chứng chỉ đang cấp là lớp Chín.

Chữ số thứ tư cho biết lớp. Thí dụ, số 4 cho biết học sinh học lớp A4.

Hai chữ số cuối cùng là số thứ tự trong sổ điểm, ứng với tên học sinh theo thứ tự ABC. Nếu hai số cuối đó là 01 thì tên học sinh nhất định phải khởi đầu bằng mẫu tự A hoặc B, hoặc C. Nếu số cuối là 40 thì mẫu tự nằm trong khoảng R đến Y...

Thí dụ, học sinh Nguyễn văn H., học lớp Mười A3, năm học 62-63, chứng chỉ cấp ngày 10-10-1971 thì sáu chữ số trên đầu chứng chỉ như sau là đúng: 120315.

Chữ số thứ ba là 0 được tôi dùng để chỉ lớp 10. Trong chứng chỉ mà cô T. đưa cho tôi có chữ số này mà bên dưới ghi lớp 12 thì tôi biết ngay là giấy của kẻ gian rồi.

Tôi rất tin tưởng vào sự an toàn của 3 thực chiêu này, chỉ tiếc rằng tôi áp dụng quá trễ, lúc sắp hoàn tất công việc nên chỉ thực hiện được trên một số ít chứng chỉ mà thôi. Vì vậy, trong thời gian ngắn mà tôi làm giám học, với một hư chiêu và ba thực chiêu đó tôi chỉ đánh trúng đích thủ một lần như tôi vừa kể trên đây. Chỉ một lần thôi nhưng tôi cũng được an tâm và hài lòng.

Người thầy thuốc thực sự có lương tâm thì không mong có bệnh nhân nhiều để mình chữa bệnh. Tôi cũng thế, tôi không muốn có nhiều vụ gian lận để có dịp áp dụng ba thực chiêu của mình.

Khi tôi vui miệng kể lại chuyện này thì có người bảo rằng làm giám học thì có gì ghê gớm lắm đâu mà phải đầu tư trí óc hung thế và trong xã hội nếu có vài trường hợp gian lận thì đã đến đời nào.

Quả thực, tôi cũng biết rằng «giám học» là một chức vụ quá nhỏ so với các chức vụ có tính «quốc gia đại sự». Tuy nhiên, tôi vẫn nhớ câu chuyện Hàn Tín giữ kho lương thực của Lưu Bang ở Hán Trung, trong truyện Tào «Hán Sở tranh hùng». *Hàn Tín có tài kinh bang tế thế, có khả năng bình thiên hạ, nhưng khi nhà vua cho một chức quan rất nhỏ là thủ kho, ông ta cũng đã thi hành nhiệm vụ hết sức tận tâm, không chút nào sơ suất. Đó là hành động của người quân tử.*

Tôi không phải là quân tử nhưng vì đọc nhiều sách Tào, tôi muốn học theo phong cách người quân tử. Cho nên bất cứ việc gì, dù lớn dù nhỏ, tôi cũng phải làm hết sức mình.

Thế mà việc giáo dục đâu phải là việc nhỏ để chúng ta có thể cầu thả được. Hơn ai hết, người làm giáo dục không được phạm lỗi lầm. Ở các lĩnh vực khác của xã hội, sự sai sót có tác hại gần như tức thì và có thể khắc phục hậu quả dù phải tốn công tốn của. Lĩnh vực giáo dục thì không như thế. Sai lầm ngày nay sẽ gây tác động xấu rất lâu về sau và một khi hiệu quả tai hại đã biểu hiện thì vô phương cứu chữa.

Ngoài ý nghĩ cho lợi ích xã hội sau này, tôi cố gắng làm việc cũng vì phẩm cách cá nhân và lòng tự trọng của mình. Đặc biệt trong chuyện cấp chứng chỉ, tôi cần phải đề phòng nghiêm túc và cẩn mật để cho cuộc sống sau này của tôi không bị phiền phức và rắc rối do quá khứ. Được như thế thì trong tương lai, tôi mới giữ được sự ung dung tự tại và luôn luôn có thể thản nhiên nhìn thẳng vào mọi người, kể cả ông to nhất nước.

Nhắc lại chuyện chứng chỉ, tôi vẫn còn thấy hài lòng và hãnh diện rằng mình đã thắng được một sự cám dỗ không phải là nhỏ. Giờ đây xã hội có nhiều người ăn tiền rất bần thủ. Tôi mong rằng chuyện đó không bao giờ xảy ra cho nhà giáo. Trong lòng mỗi thầy cô đều phải khắc đậm 4 chữ «*lương sư hưng quốc*». Trách nhiệm của mỗi thầy cô đối với tiền đồ Tổ quốc quan trọng thay và vinh quang thay!

MỤC ĐÍCH VÀ BIỆN PHÁP

Năm 1973, tôi đang làm giám học tại trường Trung học Hoàng Đạo ở Thủ Đức. Nhờ nỗ lực đồng đều của tất cả thầy cô, môi trường giáo dục tiến triển rất khả quan. Học sinh có kỷ luật, chăm chỉ; tiếng tốt lan ra khắp tỉnh. Tôi khắp khởi mừng thầm và nghĩ rằng công việc của mình được nhẹ nhàng hơn và có thể chi bớt thì giờ lo cho cái sống của gia đình đang rất khó khăn vì, do chiến tranh, vật giá leo thang nhanh chóng.

Nhưng tôi đã lầm, ít có nhà trường nào được yên ổn trong một thời gian dài. Nhà giáo, đặc biệt là những người làm công tác quản lý giáo dục không bao giờ được thanh thoi. Ở trường tôi cũng vậy, một chuyện rắc rối khá nghiêm trọng đã xảy ra. Đó là, ở một lớp thuộc cấp lớp Tám, vào một ngày gần cuối tháng, quyển sổ điểm của lớp bị xé một miếng khá to làm mất nhiều cột điểm của một số môn. Nguy lắm rồi!

Theo qui chế, tháng nào, giáo sư cũng phải có điểm cho tất cả học sinh, ít nhất từ một đến ba cột điểm cho mỗi môn, tùy theo giờ dạy ít hay nhiều trong tuần. Đến gần cuối tháng, phòng Học sinh vụ tức là phòng Giám thị kiểm tra thấy sổ điểm nào chưa đầy đủ thì báo ngay để giám học nhắc nhở giáo sư. Một số ít giáo sư cho điểm của học sinh vào sổ riêng của lớp. Tuy nhiên, đa số thầy cô không có sổ riêng nên cho điểm thẳng vào sổ cái của lớp. Vì vậy, nếu sổ cái bị thủ tiêu hay bị hủy hoại thì quả là một điều rắc rối nghiêm trọng.

Trong suốt niên khóa, sổ điểm được giữ tại phòng Học sinh vụ. Đầu mỗi buổi học, trưởng lớp đến ký nhận sổ và cuối buổi đem trả. Ở lớp Tám nói trên, có lẽ sổ bị xé vào giờ chơi.

Phòng Học sinh vụ phải điều tra cho ra thủ phạm, con phòng Học vụ, tức là phòng Giám học thì có bốn phận lo cho có đủ điểm để giám thị cộng vào cuối tháng. Tôi mời một số giáo sư đến và năn nỉ họ cho học sinh làm bài kiểm tra cấp tốc. Anh tổng giám thị thì lo lắng ra mặt. Anh lần lượt gọi trưởng lớp và vài học sinh khác lên văn phòng để điều tra nhưng không có kết quả.

Chuyện đang bế tắc thì đúng một cái, lớp kế bên cũng bị xé sổ điểm. Tôi và anh tổng giám thị lo đến bỏ ăn bỏ ngủ. Phải ngăn chặn ngay; nếu không, việc nghiêm trọng này có thể trở thành một cơn dịch lan sang nhiều lớp khác thì nguy to.

Trước hết, anh tổng giám thị họp tất cả trưởng lớp và giao nhiệm vụ cho các em đó giữ gìn sổ điểm suốt buổi học, nhất là những giờ chơi. Anh đề ra biện pháp đó nhưng không chắc thành công vì các em trưởng lớp còn vị thành niên nên nhà trường không thể áp đặt trách nhiệm này một cách dài hạn cho các em.

Cuối cùng, anh tổng giám thị nói với tôi:

- Theo lời đề nghị của vài giám thị của phòng tôi thì chúng ta phải tổ chức một mạng lưới bí mật trong các lớp. Mạng lưới này sẽ truy tìm và báo ngay cho chúng ta thủ phạm hay một em nào đó có ý định xé sổ điểm. Phải bắt được thủ phạm thì mới chấm dứt được tình trạng này.

Tôi hơi khó chịu về đề nghị này. Tổ chức mạng lưới bí mật đó tức là tổ chức một số học sinh làm «ăng ten» hay làm mật thám cho phòng Học sinh vụ. Tuy nhiên thấy vẻ mặt đầy ưu tư của anh, tôi không nỡ phản đối. Và lại, trong thâm tâm, tôi cũng muốn bắt được thủ phạm để hi vọng chấm dứt tình trạng rắc rối và nguy hiểm này.

Tôi hỏi anh:

- Anh bảo nhân viên của anh đề nghị như thế nhưng ý anh thì sao?

Anh trả lời, nét mặt rầu rầu, đầy vẻ lo lắng:

- Tôi thấy biện pháp đó chẳng hay ho gì nhưng chúng ta buộc phải thi hành để ngăn chặn tình trạng tệ hại này.

- Thôi được rồi, anh giữ ý định đó đi nhưng khoan thi hành. Vài hôm nữa là đến kỳ họp hội đồng giáo sư, anh trình bày ý định đó cho hội đồng biết để sau đó khỏi bị phê bình hay trách móc.

Anh gật đầu đồng ý.

Mấy ngày sau, trong buổi họp hội đồng giáo sư mở rộng, nghĩa là gồm luôn cả các giám thị và nhân viên văn phòng, anh tổng giám thị đưa đề nghị này ra với lời lẽ khá mạch lạc và tha thiết. Lập tức, có nhiều tiếng phản đối của giáo sư.

Một giáo sư, tôi không nhớ rõ là ai, đứng lên gay gắt lên án đề nghị của anh tổng giám thị là vô đạo đức! Anh giáo sư bảo rằng ông tổng giám thị có thiện chí và có trách nhiệm chặn đứng hành vi phạm tội của học sinh. Đó là điều tốt. Nhưng không thể vì mục đích tốt đó mà được quyền sử dụng biện pháp vô đạo đức là tổ chức mật vụ trong hàng ngũ học sinh để biến một số em thành kẻ rình mò và có thể nguy hơn nữa, kẻ thù của những em khác.

Cả hội đồng đều tỏ ý tán thành.

Dĩ nhiên, sau đó, phòng Học sinh vụ không dám nhắc nhở đến ý định trên và chẳng tìm được biện pháp nào khác. Cũng may, việc xé sổ điểm chấm dứt và nhà trường được yên ổn cho đến khi năm học kết thúc.

Nhiều năm sau, tôi vẫn thường nhớ đến câu chuyện này và vẫn luôn luôn cảm phục phản

ứng rất đáng nể của hội đồng giáo sư ở thời đã qua ấy.

Hơn bất cứ lĩnh vực nào trong xã hội, môi trường giáo dục dứt khoát loại bỏ bất cứ sự kiện nào, dù rất nhỏ nhất, vi phạm đạo đức của con người.

KHUÔN VÀNG THƯỚC NGỌC

Năm 1978, tôi trở lại nghề sau ba năm gián đoạn. Những ngày đầu, tôi có cảm xúc nhè nhẹ của kẻ *'trở về mái nhà xưa'*. Lễ lỗi giảng dạy thay đổi hẳn, hoàn toàn mới lạ đối với tôi.

Ban giám hiệu tiếp tôi trong văn phòng, dạy tôi tỉ mỉ về năm bước lên lớp, về phương pháp trực quan, thầy chủ đạo, trò chủ động, phát huy tính tích cực của học sinh, tính tự tưởng, tính giai cấp, sách giáo khoa là pháp lệnh xã hội chủ nghĩa, vân vân và vân vân, còn nhiều nữa, tôi nhớ không xuể. Tôi rất thích thú vì sự mới mẻ, vì các từ rất lạ chưa từng nghe trong Đại học Sư phạm và trong suốt những năm dạy học trước đây của tôi.

Tôi chăm chỉ ngồi nghe như một đứa học trò nhỏ ngoan ngoãn để dạy. Sau đó, tôi cố gắng áp dụng những điều vừa mới học được để thích nghi với phương pháp mới. Cái đầu của tôi không đến nỗi tệ lắm nên chỉ vài tuần lễ sau, tôi được nhà trường khen là tiếp thu tốt phương pháp giáo dục mới. Nghe cũng mừng!

Mới về trường thì được người khác dự giờ rất nhiều: hiệu trưởng, hiệu phó, tổ trưởng, giáo viên cùng bộ môn, khác bộ môn, đủ thứ, nói là để giúp đỡ đồng chí mới! Trong những giờ có người dự, tôi đã cố gắng dạy thực hay mà sao vẫn không hay được. Tôi buồn bực về nhà suy nghĩ lý do.

Trước đây, tôi có cái tính là đứng trên bục cao nhìn xuống các đôi mắt thơ ngây và trong sáng của các em, tôi thấy lòng dạt dào yêu thương và đầy phấn khởi. Thế là tôi giảng bài một cách thích thú đến hết giờ, mệt nhưng vui miên man. Bây giờ nhìn xuống thấy những đôi mắt của thầy cô dự giờ chẳng còn thơ ngây trong sáng tí nào nữa, mà mở to thô lỗ để tìm khuyết điểm hay lim dim để tranh thủ nghỉ ngơi thư giãn một chút. Thế là mất hứng, bài giảng cứ sượng như khoai mì chạy chỉ, kiến thức truyền đạt bời rời như cơm nguội mất mùa.

Ngày trước, ở hai năm cuối của Đại học Sư phạm, chúng tôi cũng đã đi thực tập ở các trường trung học. Bên dưới lớp học cũng có các bạn cùng lớp và giáo sư hướng dẫn. Tuy nhiên cảm giác lúc đó khác xa bây giờ. Lúc đó mình là người «tập làm» có lo lắng chứ không ngượng vì đám học sinh bên dưới chỉ là «công cụ» cho mượn để mình thực tập. Giữa tôi và các em lúc đó không có một sự ràng buộc nào cả về tình cảm cũng như về trách nhiệm. Nếu hôm ấy tôi làm không nên thân thì hôm sau chính thầy cô các em làm lại. Tôi chỉ gặp các em đó một lần thôi rồi phủ tay, giao lại cho thầy cô của các em.

Đến khi tôi thực sự làm thầy, các em là học trò của tôi; chúng biết tôi quá rõ. Thường ngày, bước vào lớp thì tôi đã là của chúng nó, tới đây là hoàn toàn vì chúng nó chứ không

vì ai khác. Bao nhiêu năm rồi, tôi bước vào lớp với tâm trạng đi vào tổ ấm của chính mình.

Ngày nay, với chủ trương dự giờ tràn lan thế này, lớp học không còn là tổ ấm của thầy trò tôi nữa. Tôi cảm viên phấn bước lên bục giảng không phải cho chính học trò của mình mà để làm màu làm mè với những người đến dự. Cảm giác đó đương nhiên là phải có nơi tôi và nơi các em nên làm cho tôi phát ngượng.

Rồi tôi được ban giám hiệu bảo đi dự giờ người khác để học tập. Tôi vâng lời ngay. Tôi đã được cái cảm giác «dạy cho đồng nghiệp nghe», nay thì đi dự để được cảm giác «nghe đồng nghiệp dạy».

Cũng không hơn gì tôi, thầy cô đứng trên bục giảng mặt cũng sượng sùng khó coi. Tệ hơn nữa, một số thầy cô là học trò cũ của tôi, trông thực tội nghiệp. Tôi quay mặt nhìn ra cửa sổ cho thầy cô đỡ ngượng và thầm nghĩ: «Mỗi năm có rất nhiều giờ dự thế này, không biết thầy cô học được nhau bao nhiêu điều bổ ích, chứ phần thiệt thòi về phía học sinh thì ắt phải có».

Khi đi dự giờ, tôi đến lớp sớm hơn giờ bắt đầu tiết học để giảm thiểu sự làm phiền giáo viên sắp dạy. Tôi chọn một góc cuối lớp, ngồi cùng học sinh và cố thu mình lại cho giống các em. Nhưng, gần như lúc nào cũng vậy, tôi thấy các thầy cô đi dự đến trễ, lại rủ nhau đi đông. Giáo viên đứng lớp rồi rít kêu gào học sinh các bàn cuối: «Dồn lại, dồn lại, lẹ lên, lẹ lên cho người khác vào». Không còn ra cái lớp học nữa mà giống những chuyến xe đò đã đông khách lại rước thêm khách dọc đường, người lơ xe cũng kêu gào y như thế.

Mỗi thầy cô dự giờ được ban giám hiệu phát một cuốn sách giáo khoa, đặt ngay trước mặt để theo dõi xem người đứng lớp nói có đúng với sách hay không. Tuy có sách nhưng rất ít người theo dõi, đa số rù rì nói chuyện riêng với nhau. Lúc đầu còn lấy làm lạ, sau quen dần, tôi cũng tham gia nói chuyện với họ. Cũng vui và đỡ sốt ruột vì nghĩ đến các công việc khác có ích và cần thiết hơn đang chờ đợi mình.

Có lần, một thầy giáo trẻ tâm sự với tôi:

- Đi dự giờ thực vô bổ nhưng cũng phải đi. Giờ cùng bộ môn thì nhiều khi không rảnh để đi dự, phải đi dự giờ khác bộ môn, chẳng hiểu gì cả. Thầy kẹ, cốt đủ số giờ do quy chế ấn định để ghi vào bảng tự kiểm điểm cuối học kỳ hay cuối năm.

Thực chẳng có tí nào ý nghĩa giáo dục nữa.

Trước đây, theo quy chế giáo dục của chế độ cũ, tôi tôn trọng quyền đứng lớp của thầy cô một cách tuyệt đối, cả trong thời gian tôi được cử làm giám học. Thỉnh thoảng, có việc phải đi ngang qua các lớp trong giờ học, tôi không bao giờ đi trên hành lang mà phải đi vòng xuống sân trường, chứ đừng nói vào lớp trong giờ dạy.

Làm giám học, hàng tháng, tôi đi các lớp phát bảng danh dự. Tôi ăn mặc chỉnh tề hơn

thường ngày một chút, đến trước cửa lớp nói to để xin phép thầy cô cho tôi vào. Điều đó đã thành nếp sinh hoạt của trường rồi nên chẳng có gì rắc rối, thầy cô cũng vui lòng vì phát bảng danh dự thì chỉ mất vài phút ngưng giảng bài mà thôi. Chỉ một lần duy nhất, tôi vào lớp ngoài kế hoạch định kỳ. Đó là dịp tôi thi hành ý kiến của hội đồng giáo sư của trường, đích thân trừng phạt tại lớp các học sinh lười biếng. Thông cáo chính thức đã phổ biến trước đó một tháng trời nhưng khi đến lớp, tôi cũng phải nhờ một giám thị vào xin phép, đợi thầy cô đồng ý và bước ra tôi mới dám bước vào. Nếu ai đó dở chừng không cho phép thì tôi cũng đành đi lớp khác, đợi đến giờ sau, thay giáo sư rồi trở lại.

Tôi thầm nghĩ: «Đối với lớp, thầy cô đang dạy phải như vua trong nước. Một nước thì không nên có hai vua hiện diện cùng lúc».

Tình hình dự giờ mà tôi đang chứng kiến làm tôi nhớ lại câu chuyện giáo dục trước tôi nhiều thế hệ mà thầy tôi, giáo sư N.C.T., có nhắc lại trong một bài báo cách đây nhiều năm. Đó là vào thời Pháp thuộc, thỉnh thoảng cơ quan thanh tra do chính phủ bảo hộ phái về dự giờ. Khiếp lắm. Thầy cô nào bị quan thanh tra chiếu cố đến dự giờ thì hết sức lo sợ. Tội nghiệp, bước vào lớp mà lòng nơm nớp lo sợ như thế thì còn dạy dỗ cái quái gì được nữa!

Từ khi bắt đầu ra dạy, tôi tự nghĩ rằng mình chẳng cần ai thanh tra vì bao nhiêu học trò trong lớp là bấy nhiêu thanh tra rồi. Có ai theo dõi thầy cô kỹ lưỡng bằng chính học trò của mình đâu.

Có người nghe tôi nói như thế thì bắt bẻ lại:

- Nếu không thanh tra dự giờ thì ban giám hiệu làm sao đánh giá được thầy cô đứng lớp.

Tôi trả lời ngay:

- Đừng lo. Ngay cái ông gác cổng ngoài kia còn nói được thầy cô nào dạy hay, dạy dở, thầy cô nào tận tâm, không tận tâm, nói chi đến ban giám hiệu với khả năng nghiệp vụ đầy mình.

Họ cãi lại:

- Nhưng nếu ban giám hiệu không đủ khả năng nghiệp vụ cần thiết thì sao?

- À đó lại là vấn đề khác, không thuộc lĩnh vực giáo dục nữa, tôi không có ý kiến.

Nhưng thôi, nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc, bây giờ thì tôi cũng đi dự giờ tưng bừng cho đủ số giờ để làm bằng tự kiểm điểm cá nhân cuối học kỳ. Có khi gấp rút quá, tôi ngồi lý trong một lớp nào đó luôn năm tiết, ngủ gà ngủ gật và kể như được năm giờ dự để báo cáo, ngon ơ!

Có lần, chị hiệu phó bảo tôi:

- Anh hãy đi dự giờ của tôi và xem đó là «*giờ khuôn vàng thước ngọc*».

Tôi vui vẻ tuân lệnh. Tôi cố gắng thản nhiên và cố gắng không thắc mắc gì về cái «*khuôn vàng thước ngọc*» đó, nhưng không được. Tôi không hiểu nổi tại sao trong việc đứng lớp lại có «*khuôn vàng thước ngọc*». Cái *khuôn* và cái *thước* chỉ có thể dùng trong những công việc có tính cứng nhắc chứ không thể dùng trong giáo dục được. Giáo dục không phải là một công nghệ mà nhất định phải là một nghệ thuật.

Người ta bảo nghệ sĩ là người làm văn nghệ, còn nhà giáo không phải là nghệ sĩ vì họ không làm văn nghệ mà làm giáo dục. Đó không phải là quan điểm của tôi vì tôi cho rằng nhà giáo phải có chất nghệ sĩ còn hơn cả các nghệ sĩ mà người ta thường nói tới. Nói về nghệ sĩ, người ta thường nghĩ trước hết đến các cô ca sĩ. Thử so sánh nhà giáo với ca sĩ xem ai phải có chất nghệ sĩ hơn

Cô ca sĩ chỉ cần học thuộc bài ca, tập cho nhuần nhuyễn điệu bộ thích hợp là xong. Một lần, mười lần, hai mươi lần, ca sĩ đó cứ một mực trình bày như thế là được. Nhà giáo thì không thể như thế. Cách giảng bài phải thay đổi tùy lớp, tùy thái độ phản ứng của học sinh trong tiết học.

Cô ca sĩ chỉ cần thỏa mãn đa số khán thính giả thì đã gọi là thành công. Nhà giáo phải để tâm đến mọi học sinh, không được miễn trừ một em nào cả. Người ta bỏ tiền ra để coi ca sĩ hát; ca sĩ phải giữ chân họ lại càng nhiều càng tốt, nhưng nếu có một vài người chán bỏ về sớm cũng chẳng sao. Học sinh thì buộc phải ngồi lại tất cả, và nhà giáo phải làm sao cho các em ngồi lại mà không cực lòng.

Sau cùng, khi ca sĩ hát xong, mọi người vỗ tay rồi ra về, không cần phải nhớ lời ca nào nữa. Trái lại nhà giáo phải làm sao cho học sinh, không những thích nghe mà còn nhớ những lời đã nghe. Dĩ nhiên, những kỳ thi là cách hỗ trợ rất tốt cho việc làm của nhà giáo. Tuy nhiên, kỳ thi chỉ là cách hỗ trợ thuần túy mà thôi, hiệu quả giáo dục phải do nghệ thuật lên lớp của thầy cô.

Đó là một nghệ thuật cao. Làm được nghệ thuật này, thầy cô xứng đáng được gọi là nghệ sĩ hơn ai cả. Trở thành nghệ sĩ trong lĩnh vực giáo dục, một lĩnh vực nhân bản, quả thực không phải là dễ. Nhưng nghề nào lại không có cái khổ riêng của nó.

Hãy nhìn bác tài xế xe khách kia. Năm trong tay mấy mươi sinh mạng quý giá vô ngần, bác phải tập trung trí óc từng giây một. Một phút sáu mươi giây, một giờ sáu mươi phút, một ngày mười giờ có ba vạn sáu ngàn giây chú ý cao độ và liên tục. Cực kỳ khó khăn!

Hãy nhìn những người công nhân vệ sinh kia. Hàng ngày họ phải xông vào những nơi lúc nhúc hàng tỉ vi sinh vật giết người, thế mà vẫn tận tâm, vẫn bình thản, không than phiền oán trách người xả rác. Không khó sao?

Tôi thường nghĩ thế và, một khi đã chọn nghề giáo rồi thì phải cố gắng vượt qua sự khó

khăn của nghề nghiệp để cho lương tâm mình không cắn rứt.

Có lần tôi bước vào lớp ở tiết học thứ năm tức là tiết học cuối cùng của buổi sáng. Mặt trời nhiệt đới mùa nắng làm cho mọi người đều uể oải. Tôi mệt, các em cũng rất mệt sau bốn giờ học. Nhìn thấy mặt các em bơ phờ mà thương vô cùng. Nhưng môn dạy của tôi là môn thi chính của các em, có hệ số bốn trong kỳ thi tú tài sắp tới, bài học hôm nay lại quá gay: hệ thần kinh trung ương. Tôi nhìn thấy một học sinh, rồi hai học sinh che miệng ngáp. Tôi hỏi một trong hai em đó:

- Khi đêm em thức tới mấy giờ?

Ngạc nhiên, em trả lời:

- Dạ, mười hai giờ rưỡi.

- Sáng dạy mấy giờ?

- Dạ, bốn giờ rưỡi.

Tôi quay lại lớp:

- Thế là thiếu ngủ rồi. Ở tuổi các em, mỗi ngày ngủ ít hơn bảy giờ là không đủ. Suốt ngày các em làm việc nhiều bằng trí óc, chất độc tích lũy trong thân các tế bào thần kinh. Chất độc này chỉ được thải ra hoàn toàn sau một giấc ngủ say và dài tối thiểu sáu tiếng đồng hồ ở tuổi các em. Tôi sẽ chỉ rõ cho các em hiểu thêm điều đó. Đây là một bán cầu não của người...

Tôi vẽ hình thực nhanh trên bảng rồi rút cây bút làm que chỉ, nói tiếp:

- Đây là các thùy, các khúc cuộn não. Đây là các định vị gồm các trung khu vận động, các trung khu cao cấp: nói, viết, nghe, nhìn. Phía bên trong là sàn đệm tam não thất, nơi các ion calci sẽ tích tụ lại đến mức vừa đủ thì chúng ta sẽ nhẹ nhàng đi vào giấc ngủ, để cho máu lưu thông loại dần chất độc theo đường nước tiểu.

Học sinh ngồi nghe một cách thích thú và chăm chỉ. Bên ngoài, mặt trời cứ cao dần và thiêu đốt trần gian, còn trong lớp thì mát rượi tình thân mật của thầy trò. Bài học gay go trở thành sự chỉ vẽ của tôi để các em hiểu biết và rút ra bài học tự săn sóc sức khỏe cho mình.

Chuông rung hết giờ. Học sinh vui vẻ ra về. Các em đều biết tôi vừa hoàn thành xong tiết học theo chương trình, và các em đã tiếp thu một cách thoải mái.

Một thí dụ nho nhỏ như thế có lẽ cũng đủ để chứng minh dạy học là một nghệ thuật thực sự. Đã là một nghệ thuật thì nó phải uyển chuyển theo không gian, thời gian và lòng

người, làm sao có được một *khuôn vàng thước ngọc* cứng nhắc cho mọi người, mọi lúc, mọi nơi được.

Tuy thế, khi chị hiệu phó bảo đi dự giờ *khuôn vàng thước ngọc* của chị, tôi cũng kịp cất kỹ quan niệm của mình và đi dự một cách vui vẻ. Vả lại, tôi cũng tò mò muốn biết cái *khuôn vàng thước ngọc* đó ra sao.

Tiết học gồm đầy đủ năm bước. Bước thứ nhất, trưởng lớp báo cáo sĩ số to và hùng dũng như nhà binh. Bước thứ hai, kiểm tra bài, hỏi tới đâu, học sinh cũng trả lời ron rớt, trơn hơn bôi nhớt Castrol. Bước thứ ba, dạy bài mới. Cô giáo đặt những câu hỏi ngắn, học trò ào ào đưa tay trả lời y chang sách giáo khoa, không sai một chữ. Thì ra cô đã cho các em biết trước giờ này và dặn các em học thuộc sách giáo khoa, cho các em biết trước các câu hỏi và học thuộc lòng cách trả lời chính xác.

Tiết học diễn ra rất suôn sẻ và sôi động. Giáo viên đã chứng tỏ mình chuẩn bị kỹ lưỡng, học sinh đã chứng tỏ trình độ hiểu biết rất khá của mình. Tiết học được mọi người đánh giá rất cao, tuy nhiên tôi cảm thấy một cái gì đó không chấp nhận được trong giáo dục. Tôi không dám dùng chữ «bịp», nhưng nếu không dùng chữ này thì khó diễn tả được cảm tưởng của tôi về tiết học *khuôn vàng thước ngọc* đó. Tuy vậy, tôi cũng giấu kín được cảm tưởng của mình và cùng mọi người khác đưa tay biểu quyết giờ dạy tốt, đáng làm *khuôn vàng thước ngọc* cho mọi người.

Đó là chuyện dự giờ của tôi. Rồi đến giờ dạy tốt, tôi cũng phải học tập rất nhiều. Ban giám hiệu giải thích:

- Có hai loại tiết dạy, tiết dạy bình thường và tiết dạy tốt. Dự giờ đột xuất tiết dạy bình thường là kiểm tra khả năng sư phạm tối thiểu, dự giờ dạy tốt (có *đăng ký trước*) là kiểm tra khả năng sư phạm tối đa.

Nghe thực ngộ nghĩnh. Theo lời khuyên của đồng nghiệp, tôi học thuộc lòng lời dạy này của ban giám hiệu để tìm cách đưa vào bảng kiểm điểm cuối năm cho hay và chứng tỏ thẩm nhuần chủ trương giáo dục mới. Nhưng, thú thực, tôi không thông hết câu nói này.

Thế nào là khả năng tối đa, khả năng tối thiểu? Thế thì khi dạy học sinh, ta không dùng khả năng tối đa mà chỉ dùng nó ở tiết dạy tốt (để biểu diễn lấy điểm thi đua) thôi sao? Mỗi năm chỉ có một hay hai tiết dạy tốt để sử dụng khả năng tối đa, còn lại hàng trăm tiết khác thì dạy làng nhàng với khả năng tối thiểu thôi sao? Vậy thì cái khả năng tối đa đó thực là vô dụng.

Từ trước đến nay, việc dạy của tôi chỉ có một mức độ thôi. Khi bước vào lớp, không những tôi làm hết mình mà còn để cả tâm hồn mình vào việc dạy. Có hôm, vì bị bệnh hay vì tinh thần bất ổn do vợ con đau yếu, tôi dạy kém hấp dẫn thì cảm thấy buồn phiền lắm. Cái «*khả năng tối đa*» đó tôi sử dụng trong mọi tiết dạy, không thể hơn nữa được. Vì vậy khi phải đăng ký giờ dạy tốt trong bảng thi đua, tôi đã ghi: «Bất cứ giờ nào». May quá, có một đồng nghiệp thấy kịp, nói nhỏ với tôi rằng làm như thế có thể bị coi là có ý chống đối hay phá

hoại phong trào thi đua nên tôi kinh hoảng vội vàng xóa mất và ghi đại một tiết dạy trong thời dụng biểu của tôi.

Dần dần, tôi mới ý thức được tiết dạy tốt cốt ở những điểm sau:

Một là dạy cho hết bài học và phải bám sách giáo khoa.

Hai là giữ được trật tự trong lớp và đặt nhiều câu hỏi cho các em trả lời.

Ba là thực hiện đủ năm bước lên lớp với thời gian chính xác đến từng phút. Quan trọng nhất là điểm thứ ba này. Thầy cô dự giờ chú ý điểm này nhiều nhất vì sau khi dự giờ thường có họp lại để phê bình đánh giá. Phê bình dạy hay, dạy dở thì rất có thể bị người khác cãi lại, phiền phức. Phê bình thời gian năm bước lên lớp, có cái đồng hồ làm chứng thì chẳng sợ ai cãi cợt nữa. Tôi là ma mới, được ma cũ lưu ý điều này.

Tưởng gì ghê gớm chứ chỉ có năm bước như thế thì tôi thực hiện ngon lành. Chuông vào là tôi bắt đầu ngay bước thứ nhất. Chuông ra vừa dứt là tôi xong bước thứ năm. Mọi người, từ thầy cô đến dự đến học sinh đều vỗ tay hoan hô, tôi cũng vỗ tay theo, giống y mấy ông diễn giả trên truyền hình.

Thực tình, trong tiết dạy, tôi vừa giảng, vừa nhìn đồng hồ. Tôi chú ý đến vị trí cây kim dài hơn là nội dung bài giảng và phản ứng trên nét mặt học sinh. Mắt tôi hơi yếu, phải mang kính lão trên ba độ mới nhìn được chữ và số nên hôm đó tôi mang cả cái đồng hồ to ở nhà vào, thế mà được khen là «có chuẩn bị chu đáo». Tiết dạy đó và những tiết dạy tốt về sau của tôi đều được đánh giá cao. Tôi an tâm nhưng xấu hổ trong lòng. Tôi không thể tự dối gạt mình được vì, so với những tiết học bình thường thì tiết dạy tốt là tiết học tệ hại cho học sinh của tôi, cả về chất lượng tiếp thu lẫn tình cảm thầy trò.

Tôi cũng phải đi dự cho đủ số các tiết dạy tốt của đồng nghiệp cùng trường và khác trường. Có nhiều tiết, thầy trò trở thành diễn viên của một màn kịch rất chương mắt, tôi xấu hổ quá, muốn độn thổ để ra khỏi phòng.

Xét từ nguyên thủy, tôi đoán rằng, khi bày ra cái việc dự giờ, rồi giờ tốt, giờ thao giảng vân vân, cùng là đề ra phong trào thi đua, người ta có thiện chí thúc đẩy cho nền giáo dục đi lên. Tuy nhiên cho đến ngày nay việc này biến tướng mất rồi. Nó đã thành một hình thức phải có cho đủ để báo cáo và tệ hơn nữa là phải làm để đạt thành tích cho những đợt khen thưởng. Tôi thấy hầu hết các trường đều có giảng biểu ngữ rất to: *Tất cả vì học sinh thân yêu* nhưng khi thực hiện thì *tất cả vì thành tích thi đua*.

Tất nhiên, trong năm, các thầy cô phải làm tất cả những gì mà ngành giáo dục quy định nhưng khi bước vào lớp, tức là trở vào giang san của chính mình thì xin thầy cô thực hiện đúng dẫn câu: *tất cả vì học sinh thân yêu*.

SÁCH GIÁO KHOA

Năm 1978, khi trở lại nghề nghiệp, tôi được ban giám hiệu dạy rằng «*sách giáo khoa là pháp lệnh...*», tôi vâng lời, cố gắng vui vẻ áp dụng một cách nghiêm túc, nhưng trong lòng vẫn thấy nghèn nghẹn không thông vì tôi đã đọc qua tất cả các sách giáo khoa trung học trước khi vào trình diện.

Trước đây, ở miền Nam, về phương diện pháp lý, sách giáo khoa là một công cụ, ngang hàng với các đồ dùng dạy học khác. Sách giáo khoa cũng bị chi phối bởi kinh tế thị trường nên sách soạn hay thì được dùng nhiều, sách soạn dở thì đành bán kí lô. Sách ra sau thường có nhiều ưu điểm hơn sách ra trước. Chỉ có tập ấn định chương trình cho các lớp do Bộ Giáo dục ban hành hàng năm là có tính pháp lệnh mà thôi.

Trong những năm đầu ra dạy học, mỗi lần soạn bài, tôi phải dùng cái bàn to mới chứa đủ cả một chục cuốn sách bằng quốc ngữ và bằng ngoại ngữ, gồm sách giáo khoa, sách nghiên cứu, luôn cả tài liệu bậc Đại học nữa. Tôi soạn bài giáo khoa của riêng tôi. Mất thì giờ nhưng khi dạy thì thích thú vì cái cảm tưởng đang dạy chính công trình soạn thảo của mình.

Bây giờ thì chỉ có một cuốn giáo khoa duy nhất và tôi được căn dặn kỹ là phải *bám sách giáo khoa*, nghĩa là dạy y hệt như thế, không được thêm bớt, sửa đổi, kể cả những điều mình nhận ra là sai. Thế cũng hay. Đại gì dạy cái khác với sách, rủi bị coi là nói khác chủ trương đường lối thì khốn. Có một anh bạn của tôi, lỡ dùng sai một chữ trong giờ dạy tốt mà méo mặt trong cuộc họp nhận xét đánh giá sau đó. Anh ta lỡ dạy: «*Sinh vật **vốn** là...*». Tại sao lại «*vốn*». Mọi hiện tượng trong vũ trụ đều có nguyên nhân vật chất. «*Vốn*» có nghĩa là tự nhiên mà có, không do nguyên nhân vật chất mà do thần thánh, do Thượng đế. Rõ ràng truyền bá quan niệm duy tâm siêu hình phản động! Nghe mà lạnh xương sống. Cho nên phải cẩn thận, tuyệt đối phải bám sách giáo khoa!

Càng hay, vì đời sống lúc đó quá gay go, phần lớn thời giờ ở nhà, tôi phải cuốc đất trồng cây lương thực và rau quả trong vườn nên không thể có thì giờ để soạn bài như xưa nữa. Chỉ một cuốn giáo khoa thôi thì trước khi đi dạy, xem qua vài phút là xong. Tuy nhiên, tôi cũng phải có một tập giáo án đề «trình làng» khi bị kiểm tra. Tôi bỏ vài tuần lễ soạn một tập giáo án thực đẹp, thực đúng quy cách, mỗi bài đều đủ năm bước lên lớp, không chê vào đâu được. Theo đúng nguyên tắc, tập giáo án là tài liệu dùng dạy hàng ngày. Tuy nhiên tôi chẳng đại gì dùng đến nó. Phải để cho nó mới, lúc nào xét cũng thấy mới, y như là siêng năng soạn đi soạn lại vậy. Rất nhiều lần, tập giáo án của tôi được dùng làm mẫu cho các thầy cô mới ra trường!

Nội dung bài giảng thì chẳng có gì phải bận tâm, nội trong sách giáo khoa là đủ. Tuy nhiên, không phải luôn luôn suôn sẻ, đối với tôi. Sách có nhiều khuyết điểm về sự phạm, nhiều điều sai về khoa học. Sách khoa học tự nhiên mà soạn với lối hành văn kỳ cục, rất giống với hành văn của sách chính trị, đọc qua nghe có vẻ thực cao siêu nhưng hết sức tối tăm, rắc rối. Vì thế, có những kiến thức rất thông thường hay không cần thiết, vứt đi cũng được, mà sách giáo khoa cũng làm cho thầy lẫn trò mệt đứ đừ.

Thí dụ, nói về sự sống. Tôi cho rằng, từ khi lên ba, các em đều có khái niệm khá rõ rệt về sự sống. Các em đã có thể phân biệt được vật sống và vật không sống, nhận ra được một con vật, một cái cây sống hay chết rồi. Nhưng đến lớp mười hai, sau khi tôi nói lên định nghĩa sự sống theo sách giáo khoa sinh vật học thì các em không còn biết sự sống là cái gì nữa!

Khi nghe có cải cách chương trình, nghĩa là sửa đổi sách giáo khoa, thì tôi rất mừng. Cải cách bắt đầu từ lớp một, mỗi năm tiến thêm một lớp. Tôi chờ đợi để xem sách cải cách của hai lớp cuối cùng. Quả nhiên, có thay đổi, nhưng toàn là những thay đổi vô bổ.

Người ta bảo sách giáo khoa là pháp lệnh mà soạn thảo một cách cầu thả. Đọc lời mở đầu trong một quyển sách cải cách lớp Mười hai, tôi đã sửng sốt vì câu nói có vẻ rất khiêm tốn sau đây:

«Sách được biên soạn trong thời gian có hạn nhằm phục vụ việc thay sách Sinh học 12 nên không tránh khỏi có thiếu sót, NXBGD mong sự góp ý của bạn đọc.»

«Bạn đọc» là ai nhỉ? Và «bạn đọc» đã thấy chưa? Công cuộc cải cách khởi đi từ lớp một. Nhà Xuất bản Giáo dục có tối thiểu mười hai năm để chuẩn bị, thế mà khi làm vẫn cấp rập.

Cấp rập thì ắt phải thiếu sót. Thiếu sót thì phải nhờ sự góp ý của «bạn đọc». Đúng rồi. Tuy nhiên, nhiều năm liên tiếp sau cải cách, cái sai sót đó gắn chặt vào đầu lớp lớp học sinh, làm sao mà góp ý đây? Sách giáo khoa là pháp lệnh, thiếu sót gì cũng phải dạy y như thế cho học sinh. Thầy cô đã được học tập kỹ như thế rồi mà.

Ông thầy thuốc mà làm sai thì bệnh nhân sẽ không còn sống để góp ý. Thế mà giáo dục quan trọng hơn chữa bệnh nhiều, vì:

«Làm thầy thuốc sai thì hại một người, làm giáo dục sai thì hại nhiều thế hệ.»

Tôi nhớ, khi còn học Sự phạm, tôi có đọc lời tâm sự của một nhà giáo dục, hình như của nữ tu sĩ Rosalie:

«Khi tôi thuyết trình trước một cử tọa gồm toàn những nhà trí thức thì tôi ăn nói một cách thoải mái, vì tôi biết rằng, nếu tôi nói sai thì họ biết mà chẳng thêm ghi nhớ. Nhưng khi tôi đứng trước học sinh hay sinh viên thì tôi rất lo lắng. Mỗi lời nói của tôi, dù đúng, dù sai đều được các em ghi nhận như nhau. Tâm hồn các em như trang giấy trắng, trên đó tôi viết vào

những dòng chữ không bao giờ tẩy xóa hoàn toàn được.»

Đặt bút lên những trang giấy trắng quý nhất trần gian này thì người có lương tâm, ai mà chẳng run tay!

MỤC LỤC

Thư gửi cho học sinh cũ

Thầy Robin

Thầy Rehm

Thầy Saint John

Hoàng đế vĩ đại

Những ông thầy nhóc con

Cái quần sạch

Tảo hôn

Don Bosco

Zéro loại

Đứa bé bị phạt

Hội đồng thi

Ma lai rút ruột

Người Việt cao quý

Rửa lỗ tai

Những con roi mây

Hư chiêu và thực chiêu

Mục đích và biện pháp

Khuôn vàng thước ngọc

Sách giáo khoa

LÀM THẦY

*Đây là những mẫu chuyện dễ thương
trong quãng đời dạy học, đã giúp tác giả
nhận được những bài học sư phạm quý giá
cho thiên chức giáo dục của mình.*

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>